VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

số 95 • tháng 3 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

TRƯƠNG VŨ nói với chàng siêu 2
VÕ PHIẾN *họ đâu rồi?* 11
TRẦN VĂN TÍCH y, dược và chưởng, kiếm 12
VẠN GIẢ *đồng âm* 21
THẠCH HÃN gặp gỡ 22
NGỮ AN *hoa tháng mười hai* 28
lá tháng giêng 28
LA TOÀN VINH *đêm lưu lạc* 29
CAO XUÂN HUY cái lưỡi câu 31
DỖ QUYÊN *thi đàn* 35
MAI KIM NGỌC núi 39
LÊ TÍN HƯƠNG *nơi chốn phải về* 83
CỔ NGƯ đời thường 85
HOÀNG-VŨ ĐỨC-VÂN *quang hành khúc* 91
TRẦN HOÀI THƯ thằng nhỏ bỏ đi 94
THƯỜNG QUÁN *bước ra* 101
JANE M.H. SCHERECK
NGUYÊN CHÂU *chuyển ngữ* *chiếc bánh hồng đào* *103*
phỏng vấn **HOÀNG KHỞI PHONG** một cuốn sách, một cuộc
NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện* phỏng vấn và những mảnh đời
trong chiến tranh 111
XUÂN VŨ sự phẫn nộ và nét điêu tàn trong
tâm hồn thơ của triều hoa đại . 118
VĂN HỌC tòa soạn và bạn đọc 126

TRƯƠNG VŨ

nói với chàng siêu

Dẫu bình lửa, nước non như cũ
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương
Phận trai: già ruổi chiến trường
Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về (1)
(Chinh Phụ Ngâm Khúc)

Những năm gần đây, tôi gặp lại nhiều bạn bè cũ, những người mà vào tuổi thanh xuân có lúc mơ ước được làm chàng Siêu, bây giờ, mái tóc đã điểm sương hay bạc xóa. Không được lãng mạn như trong ngâm khúc Chinh Phụ, tóc họ đổi màu không vì già ruổi chiến trường mà chỉ vì những năm tháng trong tù dã dài hơn ngoài đời. Bạn bè tôi hầu hết đều có tuổi trẻ đầy ước mơ. Trong gần hai mươi năm qua, họ lại phải thu mình hoặc chịu đày đọa trong bẫy sập của thực tế. Thực tế thứ nhất là cái quân lực mà họ phục vụ không còn nữa. Thực tế thứ hai là dù quân lực đó không còn nữa và cuộc chiến đã chấm dứt, họ cũng vẫn phải sống trong lao tù. Thực tế thứ ba, làm cho đời sống lao tù của họ cay đắng hơn, là quân lực đó đã tan vỡ quá nhanh chóng và tan vỡ trong hỗn loạn. Thực tế thứ tư là dù ở tuổi nào, con người cũng vẫn biết mơ ước và thông thường, chỉ cảm thấy hạnh phúc khi những ước mơ có cơ thực hiện.

Ước mơ, hoang tưởng, và giả dối là những cái hoàn toàn không giống nhau. Đời sống ở Mỹ hay ở những nước phương Tây nói chung lại dễ cho phép những cái rất khác nhau này được sống lẫn lộn. Do đó, trước cùng một sự kiện, con người vẫn có thể có những phản ứng hoàn toàn khác biệt. Người lạnh lùng, người thích thú, người phẫn nộ, người chua chát, người giễu cợt v.v...

Tôi viết bài này cho những chinh phu của hai mươi năm cũ mà dấu binh lửa vẫn còn. Đặc biệt, cho những người phải bắt đầu lại cuộc đời ở mái tóc chàng Siêu. Dù ít dù nhiều, họ đều có những ước mơ. Nhọc nhằn hơn cả là phải lựa chọn ước mơ nào để thực hiện cho kỳ được và ước mơ nào nên quên đi. Sự lựa chọn này nhọc nhằn cho bất cứ ai khác, không riêng gì họ.

*

Cách đây hai tháng, nhận lời mời của một người bạn, một cựu bác sĩ quân y thuộc binh chủng Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam Cộng Hòa, tôi đến dự dạ tiệc kỷ niệm ba mươi chín năm thành lập binh chủng này. Tôi đến với nhiều e ngại. E ngại nhất là sẽ phải nghe những lời xưng tụng, những cách vinh danh nặng phần bài bản. Ngược với những e ngại ban đầu, tối hôm đó tôi đã chứng kiến những cảnh thật cảm động. Tôi thấy cần phải cám ơn người bạn đã mời tôi. Lần đầu tiên trong một buổi dạ tiệc, tôi nghe nhiều quan khách cùng hát theo bài quốc ca Việt Nam Cộng Hòa và hát trong xúc động. Nét mặt của các cựu quân nhân Thủy Quân Lục Chiến, thuộc đủ lứa tuổi, thuộc nhiều hoàn cảnh khác nhau khi đứng trình diện quốc kỳ, quân kỳ, cùng với tiếng hát của họ đã làm mọi người quên hiện tại. Một không khí hoài niệm bao trùm. Một không khí của tiếc thương, của tình đồng đội, và của định mệnh. Định mệnh dành cho người lính, đặc biệt là những người lính mà loại tuổi xanh của họ đã khiến họ lựa chọn một binh chủng có khả năng đưa họ đến cái chết nhanh hơn.

Tối hôm đó còn có vẻ như một đêm đoàn tụ của nhiều bạn bè xa cách lâu năm. Thời còn trẻ, họ cùng sống lăn lóc với nhau trong quân ngũ, trên chiến trường. Lúc đó, họ không khác nhau mấy. Ngày nay, gặp lại, mỗi người có một đời sống nhiều khi hoàn toàn khác biệt. Có người đã rất thành công trong nghề nghiệp. Có người chưa rành ngôn ngữ mới, chưa biết làm gì để sống. Có người sống ở Mỹ từ 75. Có người trải qua gần mười lăm năm trong lao tù. Cùng tuổi nhau mà người này trông trẻ trung, nhanh nhẹn, còn người kia thì lụ khụ, tóc bạc, răng cỏ không còn. Có người sống khác hẳn đời sống cũ, đạo hạnh như một thầy tu. Có người vẫn hào hoa như ngày còn trong lính. Nhưng, khi tiếng kèn chiêu hồn tử sĩ được thổi lên, trông họ thật giống nhau. Không phải chỉ vì họ cùng khoác lại bộ quân phục cũ để trình diện quân kỳ, mà có lẽ vì trên hết tất cả, vào lúc đó, tình bạn, tình

đồng đội, sự hồi tưởng về một tuổi trẻ dã mất chế ngự mọi tình cảm của họ.

Sự chuẩn bị chu đáo, hết lòng, cùng với cách tiếp đón lịch sự và ân cần dành cho quan khách cũng là những yếu tố giúp cho buổi lễ bắt đầu trong một không khí thật trang nghiêm. Đặc biệt là sự lễ độ của họ dành cho những cấp chỉ huy cũ. Thế nhưng, hình như tất cả tấm lòng và nỗ lực của họ cũng chỉ làm cho các quan khách Việt Nam kéo dài sự trang nghiêm đến một mức độ nào đó thôi. Tôi chỉ nói đến quan khách Việt Nam, vì hầu như tất cả những người ngoại quốc có mặt hôm đó đều giữ thái độ nghiêm chỉnh cho đến phút chót. Khi dư âm của tiếng kèn chiêu hồn tử sĩ vẫn còn đâu đó và bài diễn văn đầu tiên của đại diện Thủy Quân Lục Chiến Việt Nam bắt đầu, thì những tiếng cười nói, giỡn cợt ồn ào cũng bắt đầu nổi lên. Từ phía các bàn tiệc Việt Nam mà đa số cũng đều là quân nhân hoặc là những người mà, nếu được mời lên phát biểu ý kiến, chắc cũng sẽ dành những lời khen ngợi tối đa cho người lính, cho đời lính.

Buổi dạ tiệc cũng có phần trình diễn văn nghệ giống như những dạ tiệc khác. Có rất nhiều bài đơn ca. Có cái ồn ào và cũng có cái lặng lẽ nơi một số quân nhân đang khoác bộ quân phục. Cái lặng lẽ nói lên rất nhiều. Cái ồn ào lên cao độ khi bài diễn văn cuối cùng chấm dứt và khi chuẩn bị tiễn đưa quốc, quân kỳ. Lúc đó, bạn tôi, cựu tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 8 Thủy Quân Lục Chiến bước lên máy vi âm. Có vẻ như anh lấy hết sức bình sinh để hét lên một tiếng "nghi... ê... ê... m" rung động cả phòng tiệc. Tiếng hô của anh kéo dài hơn bình thường. Tiếng ồn ào giảm dần. Cuối cùng thì tắt hẳn. Tiếng hô của anh cũng ngừng lại ở đó. Nhờ vậy quốc kỳ và quân kỳ được tiễn đưa trong trang nghiêm.

Sau đó là màn cắt bánh. Bánh cắt xong, đưa mời quan khách. Nhạc dạ vũ trỗi lên. Vui nhộn. Một số ít người tiến ra sàn nhảy. Dẫn đầu là một cựu trung tướng thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông là người được gắn sao đầu tiên so với những tướng lãnh khác có mặt hôm đó. Ông dìu một bà, được giới thiệu là phu nhân của ông, tiến ra sàn nhảy.

Vợ chồng tôi phải ra về vào lúc đó. Trên đường về tôi còn nghe âm vang tiếng hô của bạn tôi. Tôi hiểu bạn tôi nhiều lắm. Cả tuổi trẻ của anh, anh dành cho binh chủng và đồng đội. Sang Mỹ, hơn mười tám năm nay, gần như anh chỉ biết có binh chủng, đồng đội, và bè

bạn. Nhiều khi tôi có cảm giác là gia đình anh và ngay cả chính anh cũng không quan trọng bằng. Dĩ nhiên là bạn bè thương anh, rất thương anh. Tiếng hô nghiêm của anh xoáy vào tâm can tôi. Nó khiến tôi nhớ đến tiếng hô của một sĩ quan Nhật trong cuốn phim mới nhất của đạo diễn lừng danh Akira Kurozawa. Thế nhưng, hai tiếng hô đó nếu có giống nhau thì cũng có khác nhau. Bạn tôi cố mời gọi quá khứ trở lại và anh đã phải hô to như thế để có được một khoảng trống trang nghiêm cho quá khứ ra đi, giữa cái thực tế hỗn tạp gồm cả cái ham vui lẫn luyến tiếc quá khứ, thật hay giả. Anh sĩ quan Nhật có những ánh ảnh trong bạn tôi, nhưng cái thực tế mà anh phải đương đầu lại không giống phản ứng của anh sĩ quan Nhật trước những ám ảnh cuộng với ước mơ của anh, do đó cũng khác. Và chính vì vậy, tôi muốn ghi lại đây phần xây dựng của Akira Kurozawa.

Nhan đề của phim là "*Những giấc mơ*" (Dreams), trong đó ông xây dựng những giấc mơ khác nhau để nói về những ước mơ, những sợ hãi, những ám ảnh trong cuộc đời. Từ giấc mơ của tuổi thơ đến những giấc mơ của tuổi thanh niên, trung niên và sau cùng là giấc mơ của tuổi già. Thật ra cũng có thể coi đây là những giấc mơ của chính một người trải qua nhiều giai đoạn khác nhau trong cuộc đời người đó. Tôi xúc động nhiều khi xem phần liên hệ đến những người lính, tựa đề "*Con đường hầm*" (The Tunnel).

Trong phim - tôi đoán đây là khoảng thời gian sau khi Nhật đầu hàng - có một sĩ quan Nhật đi thất thểu ra về từ trại tù. Chỉ có mình anh, giữa cái yên lặng của núi đồi. Khi gần đến một con đường hầm mà anh phải đi qua để trở về với đời sống bình thường, anh bỗng dừng lại. Từ trong hầm, một con quân khuyển chạy ra, trên người nó mang đầy chất nổ. Nó nhìn anh và sủa. Hình như anh nhận ra nó. Anh hơi sợ nhưng rồi cũng cố mạnh dạn bước vào đường hầm. Chỉ nghe tiếng chân anh vang động. Ra khỏi đường hầm, anh khẽ quay đầu nhìn lại và thấy bóng một người đang chạy ra. Một người lính trang bị súng ống đầy đủ như lúc lâm trận. Anh thốt lên:

– Binh nhì Noguchi?

Người lính đứng nghiêm - một người lính rất trẻ - gập người xuống chào một cách kính cẩn rồi nói:

– Thưa đại đội trưởng, chính tôi.

Sau đó, người lính hỏi dồn dập:

– Đại đội trưởng, ông hãy nói thật với tôi đi. Có phải tôi đã tử trận rồi không? Tôi không tin điều đó. Tôi nhớ là tôi đã đi về nhà và đã ăn những cái bánh mẹ tôi đặc biệt làm cho tôi. Tôi nhớ rõ lắm.

– Noguchi, em đã từng nói với tôi như vậy. Em trúng đạn và ngất xỉu. Rồi em tỉnh dậy. Tôi đỡ em trên tay. Em nói với tôi là em đã đi về nhà và ăn những cái bánh đặc biệt do mẹ em làm. Tôi rất xúc động. Tôi nhớ rõ mồn một. Nhưng... Noguchi. Đó chỉ là một ước mơ. Em mơ ước điều đó khi em hôn mê. Khoảng năm, sáu phút sau em tắt thở. Em chết thật rồi mà.

Noguchi lảo đảo, rồi đứng nghiêm và gào lên:

– Vâng... Nhưng... ba mẹ tôi vẫn tin là tôi còn sống.

Noguchi khóc. Anh bước vài bước rồi chỉ tay về phía một ánh đèn ở dằng xa, quay lại nói với người sĩ quan:

– Nhà tôi đó. Mẹ tôi và ba tôi đang ở đó. Họ đang chờ tôi.

Người sĩ quan đến gần Noguchi, nói nhỏ nhẹ:

– Sự thật... em chết rồi. Tôi buồn lắm... Nhưng... sự thật... em chết rồi.

Bình nhì Noguchi mếu máo. Anh lảo đảo bước trở lại đường hầm. Người sĩ quan yên lặng nhìn theo rồi bỗng kêu to "Noguchi". Noguchi quay lại, đứng nghiêm, bồng súng chào. Người sĩ quan nghiêm chỉnh chào lại. Noguchi thất thểu đi trở lại rồi biến mất trong đường hầm.

Người sĩ quan sắp sửa cất bước. Bỗng anh lại nghe từ trong đường hầm, tiếng đi rầm rập của một toán quân. Một toán quân cũng trang bị đầy đủ như khi lâm trận, oai nghiêm, bước đều ra khỏi đường hầm. Anh giật mình thối lui, rồi đứng lại nhìn. Khi toán quân tiến đến gần anh, người dẫn đầu hô to ra lệnh toán quân dừng lại, ra lệnh bồng súng chào, rồi dõng dạc nói:

– Trình diện đại đội trưởng. Trung đội 3 đã trở về doanh trại... Hoàn toàn vô sự.

Người sĩ quan nhìn chầm chập vào toán quân. Nửa cười, nửa mếu. Một phút im lặng... anh lấy hết bình tĩnh, rồi nói:

– Các anh em nghe đây. Tôi hiểu tâm trạng các anh em. Nhưng... sự thật là... Trung đội 3 đã hoàn toàn bị tiêu diệt... anh em đều tử trận. Tôi buồn lắm. Tôi lại không chết để sống sót đến ngày nay. Rất khó cho tôi nhìn thẳng mặt các anh em. Tôi đã tung trung đội 3 vào trận chiến để rồi tất cả đều bị giết. Lỗi tại tôi. Tôi có thể đổ hết trách nhiệm

cho cái phi lý của chiến tranh. Thế nhưng, tôi không làm điều đó được. Không làm sao để tôi có thể phủ nhận cách quyết định thiếu suy nghĩ và thái độ tắc trách của chính tôi. Thế nhưng, tôi đã bị cầm tù. Những năm tháng ở tù, tôi nhục nhã và chua xót đến độ tôi tin là nếu chết được vẫn hay hơn. Giờ này, nhìn thẳng mặt các anh em, tôi vẫn có cùng cảm giác như vậy. Tôi biết các anh em còn đau đớn hơn tôi nhiều. Nhưng... nói thật... tôi đã mong chết ngoài chiến trường. Tin tôi đi... tôi chỉ mong được chết như anh em. Tôi cảm nhận được nỗi cay đắng của anh em. Người ta gọi anh em là những "anh hùng", nhưng... anh em đã chết đau đớn như những con chó (2). Thế nhưng, dù gì đi nữa, trở lại thế gian như thế này chẳng chứng tỏ được gì cả. Hãy trở lại nơi nằm nghỉ của mình đi. Hãy yên giấc với ngàn thu đi.

Gài lại nút áo cho nghiêm chỉnh, lấy hết sức bình sinh hô "nghiêm", hét thật to ra lệnh cho trung đội quay lại. Trung đội 3 làm theo lệnh anh, bước rầm tập trở lại đường hầm. Có tiếng kèn chiêu hồn tử sĩ.

*

Có ai biết được sự thật trong trận chiến vừa qua, bao nhiêu thường dân Việt Nam đã bỏ mình, bao nhiêu người lính đã bỏ mình, và bao nhiêu người còn sống sót đã phải hủy hoại tuổi xanh của họ? Một triệu? Hai triệu? Ba triệu? Có biết bao nhiêu người đã ngã gục, thường dân hay lính, chỉ vì do tham vọng cá nhân, do thái độ vô trách nhiệm, do kém tài năng, do những quyết định sai lầm vội vã của cấp chỉ huy? Không làm sao đếm được. Nhưng với những con người Việt Nam bình thường, đã từng nghe bom đạn, đã từng nhìn thấy xác chết vì bom đạn, đã lăn lóc trên quê hương trong những ngày chinh chiến, cũng hiểu được là con số đó không nhỏ. Đọc các hồi ký chính trị và quân sự của những cựu chính trị gia, cựu tướng lãnh, của cả miền Nam lẫn miền Bắc, mấy ai nghe thấy một lời nhận lỗi? Lính chết, dân chết, đồng bạn chết, nhiều khi chỉ do thái độ tắc trách, hốt hoảng, kém tài, hoặc hèn nhát của cấp chỉ huy ở bất kỳ cỡ nào. Tivi Mỹ thỉnh thoảng chiếu đi chiếu lại cảnh những người lính Cộng Hòa vừa chạy vừa bắn bừa bãi vào dân chúng để giành đường thoát vào những ngày cuối của cuộc chiến. Người xem đau thắt cả ruột. Ai chỉ huy họ? Tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng, trung đội trưởng nào? Hiện giờ họ đang ở đâu? Sách báo Việt Nam ở hải ngoại hàng hàng lớp lớp. Vô số chữ nghĩa đã được dùng để chửi người Mỹ bỏ cuộc, chửi cấp trên, chửi cấp dưới,

chửi lẫn nhau. Bao nhiêu chữ nghĩa đã được dùng cho những lời nhận lỗi?

Cuộc chiến triền miên trên quê hương Việt Nam đã cướp mất bao nhiêu tinh anh của đất nước. Đáng buồn thật. Nhưng đáng buồn nhất, là trong suốt sáu trăn năm qua, dâu có phải sự hy sinh lớn lao đó lúc nào cũng hoàn toàn là để bảo vệ đất nước chống ngoại xâm. Trong hơn bốn trăm năm, từ khi đánh đuổi quân Minh đến khi đánh đuổi quân Thanh, chiến tranh ít khi ngưng nghỉ nhưng nào có phải để bảo vệ lãnh thổ. Suốt gần hai trăm năm, vó ngựa chinh phu Việt Nam vượt qua vượt lại sông Gianh cũng chỉ để giết nhau mà thôi. Đi vào nơi gió cát hay xông vào bãi chiến trường, có khi vì bó buộc, vì bổn phận, vì không có cách thoát, mà có khi cũng chỉ do cái lãng mạn của tuổi trẻ. Nhưng dù vì lý do gì, thì dầu thây có được da ngựa bọc (chỉ có trong thơ văn!) hay để làm mồi cho kên kên quà quạ, thì những mất mát như vậy cũng chỉ là những định mệnh nghiệt ngã của người trai trẻ Việt Nam. Một vấn đề cần đặt lại là *có phải điều này phát sinh từ cái định mệnh nghiệt ngã chung của dân tộc hay đó chỉ là hậu quả của những nhận thức sai lầm về giá trị của đời sống, chồng chất từ thế hệ này đến thế hệ khác?* Dẫu sao cũng vẫn là điều đau lòng. Phải xót xa lắm, cụ Đặng Trần Côn mới viết được những câu:

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn?
(Chinh Phụ Ngâm Khúc)

Thế nhưng, có lẽ cần phải dừng lại một chút để nhìn cho kỹ hơn.

Trong loạn ly, cái đau thương đâu phải chỉ đến với người lính. Hay, nói cho đúng hơn, *trong loạn ly, cái đau thương lớn nhất vẫn không đến với người lính. Nó đến với vô số người mẹ, người vợ, những đứa con thơ và cho rất nhiều thường dân vô tội.* Mà ngoài cái đau đớn, sự hy sinh của những con người đáng thương này thì sự can đảm, sức chiến đấu kiên trì của họ nhiều khi phải được kể là vượt qua những người lính. Những ai đã ở lại miền Nam sau 75 chắc chứng kiến được điều đó. Người cầm súng đã bỏ cuộc nhưng những người không cầm súng đã không bỏ cuộc. Họ phải tiếp tục chiến đấu cật lực với cuộc đời. Và, nếu sau đó, cuộc đời đã không đến nỗi tàn mạt như bãi chiến trường, thì điều đó phải là do công của họ. Chính họ, chớ không phải những

người cầm súng, đã làm cho những người đến từ miền Bắc ngỡ ngàng trước một đời sống đầy tình người ở miền Nam. Chính họ đã khơi động những tình cảm tự nhiên đã buộc phải nằm yên suốt bao nhiêu năm trong tâm khảm đồng bào miền Bắc. Để từ đó, cuộc đời bắt đầu tiếp tục, theo một chiều hướng khác, không theo ý muốn của những người nắm quyền lực mới. Trong tập hồi ký về tù cải tạo của Tạ Chí Đại Trường (3), người viết sử này nói nhiều về họ. Ông cũng ghi lại nhiều chuyện thật mà thường chỉ được nghe những cựu tù nhân kể lại ở ngoài đời. Rất ít thấy hay không thấy ghi lại trong những hồi ký khác. Ông cũng kể chuyện những người vợ phải bán thân để nuôi chồng, hay tệ hại hơn, chỉ để chiều chuộng những thói quen hưởng thụ rất vị kỷ của chồng, cho dù đang phải ở tù. Nói chung, thì hầu hết phải vật lộn cực khổ với đời sống và còn phải băng qua biết bao nhiêu dặm đường để mang quà đến trại học tập thăm nuôi chồng, con. Có ai đếm được bao nhiêu người đàn bà đã ngã quỵ trong những hoàn cảnh như vậy? Có ai đếm được bao nhiêu trẻ thơ chết oan uổng dọc bờ, bụi nào trên quê hương trong và sau cuộc chiến? *Mấy ai gọi hồn họ?*

Cụ Đặng Trần Côn ca ngợi người chinh phu. Nhưng cụ vẫn cảm thông được cái đau đớn của người chinh phụ. Khi vó ngựa những chinh phu Việt Nam vẫn liên tục với nhau trên khắp quê hương, cụ châm đèn ngồi viết Chinh Phụ Ngâm Khúc. Cụ chia sẻ nỗi lòng của người chinh phụ hơn. Tác phẩm của cụ sống mãi, có lẽ một phần vì nó gần với cuộc đời thật. Cho dù, người chinh phụ mà cụ tả trong ngâm khúc chưa đến nỗi tiêu điều, tan tác như người chinh phụ mà chúng ta đã thấy hay đã biết trong cuộc chiến vừa qua trên quê hương Việt Nam. Dĩ nhiên, như đã nói ở trên, ngoài người chinh phụ, còn biết bao nhiêu người khác cũng tiêu điều, tan tác như vậy.

*

Trở lại cuốn phim của Kurozawa. Sau chuyện "*Con đường hầm*", ông còn trình bày nhiều giấc mơ khác, liên hệ đến nghệ thuật, đến khoa học, đến nhân sinh quan, v.v... Cũng do tài tử đóng vai người sĩ quan thủ vai chính. Cũng có thể, những phần tiếp theo là những giấc mơ của chính anh sĩ quan đó. Sau khi ra khỏi đường hầm, anh tiếp tục cuộc đời của anh, với những ước mơ mới, những ám ảnh cũng như những lo sợ mới. Trên thực tế, sau khi thua trận, người Nhật đã sống như vậy. Họ đã để lại đằng sau lưng cuộc chiến cũ, xông vào những cuộc chiến mới. Họ đã thành công vượt bực. Thế nhưng, dù đã thành

công vượt bực, họ cũng đã quên khuấy đi rất nhiều điều phải làm để đời sống có nghĩa lý hơn. Cũng như đã hủy hoại nhiều điều lẽ ra phải được xem là giá trị thật của cuộc đời. Chính vì vậy mà Kurozawa đã nói lên *những giấc mơ* của ông. Dĩ nhiên là chỉ để nói với người Nhật. Cái hiện thời ám ảnh chúng ta nhiều nhất vẫn còn loanh quanh ở chỗ con đường hầm.

Thử tưởng tượng tâm trạng của tướng quân Ban Siêu ngày xưa khi trở về. Ông sẽ có cảm giác ra sao vào một buổi sáng chợt thức giấc, nghe tiếng trẻ con nô đùa, tiếng chày giã gạo, tiếng khung cửi dệt vải, tiếng thầy đồ dạy học, tiếng sương phụ khóc chồng và tiếng chửi nhau. Không biết ông sẽ nghĩ sao nếu có một chàng trai trẻ giống như ông mấy mươi năm trước, hay một người bạn cũ hồn nhiên, đến dạy ông cách cầm cương ngựa?

Trương Vũ
Cuối năm 1993

1- Trích từ bản dịch Nôm được ghi là của Đoàn Thị Điểm do Nguyễn Huy chú giải, nhà Đại Nam (California) in lại.

"Chàng Siêu" chỉ tướng quân Ban Siêu đời Hán, chinh chiến từ lúc còn trẻ, lập được nhiều chiến công, khi trở về thì đầu đã bạc.

2- Nguyên văn phụ đề tiếng Anh: "I feel your bitterness. They called you "heroes"... but you died... like dogs".

Phim "Dreams" do chính Akira Kurozawa viết truyện phim và đạo diễn. Ông là người đã thực hiện những phim nổi tiếng nhất của Nhật như Lã Sanh Môn, Địa Ngục Môn, The Seven Samourais, và Ran (phóng tác theo vở kịch King Lear của Shakespeare)

3- Hồi ký tù cải tạo của Tạ Chí Đại Trường nhan đề Một khoảnh Việt Nam Cộng Hòa nối dài, gởi ra từ trong nước, do nhà Thanh Văn (California) xuất bản, 1993.

VÕ PHIẾN

họ đâu rồi?

Chợt nhớ lại anh với em buổi ấy
Anh với em, mười tám đôi mươi
Quấn quít vào nhau, hai đứa một người.
Nhớ thuở ấy đất trời co hẹp lại
Nghĩa cả nhân gian, chẳng qua... Tình Ái!
Nhân loại đếm người, tất cả vừa... hai.
Không gian thu mình cho vai chạm vào vai
Cho ngực kề ngực, cho môi vừa gặp má.
Đại hóa phải thời, gái trai vừa lứa,
Âm dương hòa hợp, thịnh mãn xôn xao
Ối càn khôn sao vừa vặn khít khao
Nắng xuân nồng, gió xuân hây hẩy...

Chợt nhớ về cặp Anh-Em buổi ấy
Em hỏi, bâng khuâng: Họ ở đâu rồi?
Tôi giật mình, bối rối, bồi hồi...
Cái nắng trưa bỗng thơm mùi gần gũi
Bao nồng nàn xưa bỗng chờn vờn theo câu em hỏi.
Loáng thoáng đâu đây hơi hướng thịt da.
Họ tưởng gần - Mà họ đã quá xa
Họ ở đâu rồi? Nào ai biết được!

Họ đâu rồi? Cặp Anh-Em thuở trước?
Tiếc nhớ mông lung như nước biếc tiếc trời xanh
Muôn vật trên đời vừa tử cũng vừa sanh
Ngày dứng bóng cũng là ngày xế bóng (1)
Cái bất động vẫn không ngừng chuyển động.
Họ tách bỏ ta ai biết lúc nào.
Quá khứ ra đi không một tiếng chào.
Tự những bao giờ chúng ta mòn mỏi
Đếm tháng đếm năm, lâu lâu tự hỏi:
Họ đâu rồi? Còn lại chúng ta
Nhăn nhúm, ngẩn ngơ.

(1) Nhật phương trung phương nghễ, vật phương sinh phương tử. (Huệ Tử)
Tháng 11-1993

TRẦN VĂN TÍCH

y, dược và chưởng, kiếm

giải hồ trường an

Trong sáng tác văn học, hư cấu là quyền tối thượng và tối thiết của người cầm bút. Những tác giả tìm cảm hứng sáng tạo ở lịch sử cũng không ra ngoài thông lệ đó, kể cả khi lịch sử được trình bày dưới dạng thể tiểu thuyết chưởng, tiểu thuyết kiếm hiệp. Điểm quan trọng ở đây là mối liên lạc, tầm ảnh hưởng giữa một bên là chân lý sử học và một bên là tưởng tượng văn học. Sử học vốn là một khoa học nên đòi hỏi tính chính xác, tính trung thực. Văn học vốn là một nghệ thuật nên sùng thượng tính phóng khoáng, tính bay bướm. Nhưng không phải vì thế mà người dựng truyện có quyền bịa vô tội vạ, bịa tùy thích, bịa lấy được.

Kim Dung nhận thức được chính xác những giới hạn, những ràng buộc của sử học đối với văn học trong các truyện chưởng của mình. Xuất phát từ những cứ liệu nhất định, các trang sách chưởng của ông đã đặc tả cụ thể và sinh động những nét sinh hoạt trong quá khứ, khắc họa ấn tượng về quá khứ, dẫn dắt người đọc sống trở lại quá khứ trong một bầu khí quyển quyến rũ, hấp dẫn, sôi động, lôi cuốn.

Bài viết này trình bày mối tương quan khoa học - văn học thuộc lĩnh vực y dược trong các truyện chưởng Kim Dung. Tài liệu sử dụng là các bản dịch Việt ngữ được in lại ở ngoại quốc, phần lớn của nhà Đại Nam. Cần nói ngay là mức độ tín cẩn của những tài liệu này có phần hạn chế, do những sai lầm tương đối phổ biến trong chuyển dịch và khi ấn loát. Chỉ xin nêu vài ví dụ:

– *Cô gái Đồ Long*, quyển 2, trang 270: Hồ Thanh Ngưu nhận thấy khí âm độc đã tản mát vào tam tiêu của Vô Kỵ, không phải tam *chiêu;*

– *Cô gái Đồ Long* quyển 3, trang 312: Vô Kỵ điểm vào huyệt Ngọc đường trên ngực Viên Chân. Huyệt này nằm trên Nhâm mạch, không phải Châm mạch;

– *Lục mạch thần kiếm*, quyển 1, trang 400: Kiều Phong tấn công đại hán áo đen (vốn là cha đẻ của mình), đã nhằm vào huyệt Nhị gian (không có dấu sắc) chứ không phải Nhị gián.

Về các lĩnh vực khác cũng có sai lầm. Tỷ như *Cô gái Đồ Long*, quyển 3, trang 83 ghi "*bài văn Đại Giang Đông Khứ của Tô Đông Ba*". Thực ra đây là một bài *từ*, viết theo điệu *Niệm nô kiều* và tác giả là Tô Đông Pha. Bài từ đó được bản dịch Việt ngữ gán cho một câu chữ Hán kỳ quái, ngộ nghĩnh, mà tôi chép lại nguyên văn, kể cả cách viết hoa và dấu nối:

Nhất-Tôn Hoàn-Trù Giang-Nguyệt

Nguyên tác chính xác là

Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt

nghĩa là: một chén rượu tạ cùng trăng nước. Cũng một bài từ khác, do Doãn Chính Thuần tặng cho người yêu là Nguyễn Tinh Trúc (*Lục mạch thần kiếm*, quyển 2, trang 183) được ghi là viết theo điệu "*Sấm viên xuân*". Không đúng, trong các từ loại, chỉ có điệu *Tấm viên xuân*, một điệu từ dùng toàn vần bằng.

Trong bài này, tôi sẽ tự động sửa lại những sai lầm đồng loại, nếu gặp. Và tôi sẽ tập trung việc phân tích vào *Cô gái Đồ Long*, là tác phẩm của Kim Dung được đông đảo độc giả Việt Nam biết đến.

*

Truyện chưởng Kim Dung thường có những nhân vật thầy thuốc. Hành trạng của họ nhiều khi cổ quái, dị thường. Thực ra bản chất của họ vốn tốt, họ cũng xứng danh là lương y, nhưng khi hành nghề y sĩ, họ có đường lối riêng, chủ trương riêng, tạo nên một trường phái y khoa có vẻ như tà nhưng thực ra thì lại là chính.

Sát nhân danh y Bình Nhất Chỉ trong *Tiếu ngạo giang hồ* tính tình kỳ dị. Lão nói nhân số trên quả đất nhiều hay ít là do ông trời và Diêm vương hạch toán kinh tế với nhau rồi, nếu trổ tài y thuật cao siêu chữa cho nhiều người khỏi bệnh thì phân suất tử vong sẽ sút giảm, như thế là phá vỡ quân bình sinh học tự nhiên; cho nên lão có lời thề là hễ cứu sống một người thì lại giết chết một người để bù lại. Khi cứu người hay giết người, lão chỉ dùng một ngón tay là đủ. Nhằm giết người thì dùng một ngón tay điểm huyệt cho chết, còn chữa người thì dùng một ngón tay để chẩn mạch. Người thầy thuốc cổ truyền bình thường chẩn mạch bằng ba ngón tay đặt trên ba bộ vị thốn, quan, xích của rãnh mạch; nhưng cũng vì thế mà chẳng thể tự xưng là *Nhất Chỉ*. Họ Bình

còn là một chuyên viên giải phẫu kỳ tài, đã mổ bụng tiếp lại kinh mạch cho Đào Thực Tiên. Nên biết rằng khoa học hiện đại, dù đã dùng trăm phương nghìn cách, vẫn chưa thể nào chứng minh được sự hiện hữu cơ thể học hay mô học của hệ kinh mạch và các huyệt vị châm cứu; do đó, thủ pháp mổ xẻ, khâu vá của Bình Nhất Chỉ thực hơn cả phi thường: lão có thể dùng mũi chỉ đường kim kết nối, lắp ráp những bộ phận, thành phần mà các thiết bị quang học tinh vi nhất của thời đại nguyên tử cũng chẳng thể nào thấy được! Cuối cùng lão tự tử vì không chữa được bệnh cho Lệnh Hồ Xung mặc dầu đã phá lệ dùng cả mười ngón tay để thiết mạch (nhưng làm vậy thì lại dùng quá nhiều ngón tay!). Lý do quyên sinh: chữa khỏi một người thì giết một người, vậy giờ chữa không khỏi thì làm thế nào? Chỉ có cách tự giết mình, bởi nếu không giết chính mình thì làm sao xứng với tước hiệu *Sát nhân danh y*? Lão lập luận không lấy gì làm "lôgic", nhưng lão cóc cần!

Trong *Lục mạch thần kiếm*, nhân vật y sĩ được giới giang hồ tặng ngoại hiệu là Diêm vương dịch Tiết Thần y, vị thầy thuốc họ Tiết kẻ thù của Diêm vương. Gã tên thực là Tiết Mộ Hoa. Vì chữa quá nhiều người khỏi bệnh nên chúa âm phủ rất căm ghét gã, thường phái ma quỷ đến quấy phá và gây khó khăn cho việc hành nghề chuyên môn. Kiều Phong đã nhờ Tiết Thần y chữa cho A Châu.

Người thầy thuốc trong *Cô gái Đồ Long* là Điệp cốc Y tiên Hồ Thanh Ngưu. Nếu bệnh nhân là người trong Ma giáo thì y hết lòng cứu chữa, không lấy một đồng tiền kẽm; trái lại người ngoại giáo đến cầu trị liệu thì dù có đem cả đống vàng thoi đến, y cũng chẳng ngó ngàng. Vợ y là Vương Nạn Cô vốn là sư muội cùng học võ một thầy. Cả hai ngoài chuyện tinh luyện quyền kiếm còn cố tâm, chồng thì trau dồi nghề cứu người, vợ thì dốc lòng nghiên cứu cách đầu độc người. Cho nên chồng là Y tiên còn vợ là Độc tiên. Vợ y đầu độc người khác, kẻ bị trúng độc kiếm y nhờ cứu chữa. Chẳng biết nếp tẻ gì, y chữa cho người ta khỏi khiến vợ y vô cùng tức tối. Cho nên về sau y thề nặng là những người đã bị vợ đầu độc thì y sẽ không cứu, do đó nổi danh thầy thuốc thấy chết không cứu. Nhưng vợ y vẫn chưa chịu, vẫn tiếp tục đầu độc cả những bệnh nhân được chồng cứu chữa, để tỏ ra mình không thua chồng! Hai bên cứ thi đua như thế cho đến ngày Vương Nạn Cô nảy ra ý kiến tự đầu độc mình thật nặng để xem Hồ Thanh Ngưu có cứu được không hay đành chịu bó tay! Cuối cùng, cả hai cùng chết dưới tay Kim Hoa bà bà tức Tía Sam long vương của Minh giáo.

Hồ Thanh Ngưu có ưu điểm lớn là đã tận tình giảng dạy y khoa cho Trương Vô Kỵ, không hề giấu nghề, không hề làm khó dễ kẻ có chí cầu học.

*

Một thủ pháp quen thuộc thường được các truyện kiếm hiệp đề cập là thuật điểm huyệt. Về nguyên tắc và theo lý thuyết, thủ pháp này có cơ sở khoa học vì nhiều huyệt châm cứu có tác dụng gây tê mà sự vận dụng đã phần nào có sức thuyết phục trong những thử nghiệm hiện đại ở phòng mổ. Tuy nhiên, gây tê là tác dụng lên các tế bào thần kinh cảm giác, không có ảnh hưởng đến sự vận động các cơ, vốn thuộc quyền chi phối của các nơron vận động. Dẫu vậy, trong truyện chưởng, thuật điểm huyệt vẫn rất thường xuyên gây được sự bại liệt tứ chi, ít nhất thì cũng trong một thời gian. Ở đây tính khoa học đôi khi kết hợp được với tính hư cấu. Nhưng cũng vì thế nên Kim Dung thường có xu hướng cho các cao thủ *điểm vào yếu huyệt* của kẻ địch ở một vùng nào đó trên cơ thể. Cung cách trình bày mơ hồ như vậy rất dễ hiểu, vì *yếu huyệt* chỉ là một khái niệm khái quát, đại để; không phải là một khái niệm khoa học, cụ thể. *Trung quốc y học đại từ điển* chỉ ghi ở chữ *yếu* mỗi một mục từ là *Yếu dược phân tễ*, ngoài ra không hề có mục từ nào khác, kể cả *yếu huyệt*.

Khi Kim Dung nêu đích danh các huyệt vị thì trong tất cả những trường hợp như thế, vị trí của huyệt được ghi nhận rất đúng, tuy rằng dương nhiên là không thể nào thực chính xác, thực chi ly như khi dựa vào các điểm tựa cơ thể học.

Chẳng hạn Kiều Phong - trong *Lục mạch thần kiếm* - đã tấn công vào các huyệt Lao cung, Nhị gian, Hậu khê và Tiền cốc của đối thủ. Các huyệt này đều nằm ở chi trên, đúng như Kim Dung mô tả. Trong *Cô gái Đồ Long*, nữ đại hiệp Quách Tường nhằm vào hai yếu huyệt Thiên đỉnh và Cự cốt ở cổ bên trái của Vô Sắc thiền sư mà hốt tới: quả là hai huyệt liên hệ đều ở vùng cổ vai và đều thuộc kinh Thủ dương minh Đại trường. Ở Lục Liễu sơn trang, Trương Vô Kỵ từng cởi giày Triệu Minh rồi dở Cửu dương thần công cù vào huyệt Dũng toàn dưới gan bàn chân người đẹp: bộ vị của huyệt vừa kể được tác giả Trung Hoa tả không sai chút nào. Khi Hân Tố Tố bị Tạ Tốn lên cơn điên bóp cổ sắp chết, Trương Thúy Sơn liền múa quyền đánh vào Thần đạo huyệt ở trên lưng Kim Mao sư vương: huyệt Thần đạo là một huyệt của Đốc mạch, mà Đốc mạch chủ yếu đi dọc theo cột sống.

Về khía cạnh sinh lý học, mạch Đốc là mạch quan trọng liên quan với tất cả các kinh dương; do đó, tương giao mật thiết với ngũ khí chi phối toàn thể phần biểu (phần bên ngoài) của châu thân. Cho nên muốn cứu Không Kiến đại sư đang hấp hối, Tạ Tốn dã dùng chưởng đè chặt Linh đài huyệt của vị thần tăng, vì huyệt Linh đài là kim huyệt tổng quát trên mạch Đốc, nằm giữa gai hai đốt sống lưng sáu và bảy. Ngược lại, muốn giết người thực chắc ăn thủ Kim Mao sư vương dạy Trương Vô Kỵ dùng chưởng đánh vào hai huyệt Thái dương cùng ba huyệt Đại chùy, Linh đài và Đản trung. Đó là những chỗ phạm: Thái dương liên hệ mật thiết với hệ tuần hoàn não bộ, Đại chùy là hội huyệt của mạch Đốc với sáu kinh dương, Dản trung nằm trên mạch Nhâm là huyệt mộ của Tâm bào lạc, huyệt hội của khí, huyệt hội của mạch Nhâm với các kinh Thủ thái dương, Thủ thiếu dương và Túc thái âm, Túc thiếu âm. Vận công đánh chưởng vào những điểm tụ hội quan trọng như thế tất nhiên chỉ có gây tử vong. Cho nên Tạ Tốn mới không chỉ cho nghĩa tử cách cứu chữa những kẻ bị đả thương vì làm gì có hy vọng sống mà cứu với chữa! Số phận của họ coi như đã an bài rồi.

Trương Vô Kỵ lừa Thường Ngộ Xuân, bảo trang hảo hán này tự đánh vào hai huyệt Hàn khiêu, họ Thường làm theo nên hai chi dưới bị liệt liền. Huyệt Hoàn khiêu là một huyệt rất quen thuộc của Túc thiếu dương Đởm kinh, có liên quan với dây thần kinh tọa là thần kinh vận động chi dưới; cho nên thường được các châm y sử dụng trong điều trị bán thân bất toại. Khi giáo chủ Minh giáo cấp cứu cho Chu Chỉ Nhược bị ngất xỉu, đã xoa bóp huyệt Nhân trung: hành trang tri thức chuyên môn của chàng rất vững chắc vì Nhân trung huyệt là huyệt thuộc Đốc mạch thường được dùng để kích thích cứu tỉnh.

Một huyệt rất quen thuộc của các pho chưởng Kim Dung là Đơn điền. Khi cần vận khí là y như rằng huyệt đó được nhắc tới, để vận khí từ Đơn điền lên, để ngưng tụ khí lực vào Đơn điền v.v... Huyệt này nằm gần rốn. Phái tu tiên luyện đạo cho rằng Đơn điền là điểm tụ hội của sinh khí hạ thân, bao nhiêu sức lực của cơ thể đều quy nạp vào điểm trọng địa này và nếu biết vận dụng khí lực lưu thông đúng cách nơi và từ cứ điểm Đơn điền thì có thể tăng cường thập bội chính khí, do đó nâng rất cao công suất hệ cơ hệ xương.

Mối thông thuộc giữa huyệt vị và kinh mạch cũng được Kim Dung mô tả chính xác. Vì luyện tập Thất thương quyền, Tôn Duy Hiệp của phái Không Động đã bị tổn thương một số đường kinh. Trương Vô Kỵ

trình bày cho ông ta các triệu chứng lâm sàng mà ông ta phải dã nhận thấy và để làm việc này, giáo chủ Minh giáo chỉ rõ huyệt Vân môn nằm ở kinh phế, huyệt Thanh linh thuộc về huyệt Ngũ lý là huyệt của Can mạch. Những tri thức y học này đều rất đúng.

Khí vận hành trong châu thân theo những đường kinh lạc cụ thể nên con nhà võ có thể nương vào để luyện tập, do đó Giác Viễn đại sư dã dọc vanh vách cho Quách Tường, Vô Sắc và Trương Quân Bảo nghe về chu kỳ luân lưu của chính khí từ cột sống xuống thất lưng rồi lại lên vai để thông đến hai chi trên, qua hai quá trình *hợp* và *khai*.

Về y lý, Kim Dung cũng sử dụng những chất liệu chuyên môn đúng đắn. Chẳng hạn Tạ Tốn vì luyện tập Thất thương quyền mà tâm mạch bị thương do đó thỉnh thoảng phát khùng. Đông y cho rằng các chứng điên, chứng cuồng là do tình chí uất ức bất ổn thất thường khiến tâm hỏa bốc mạnh thành bệnh nên trị liệu phải chú trọng bình tâm giáng hỏa, an thần giải uất, định chí trừ nhiệt. Hoặc như khi Trương Tam Phong bàn luận với đồ đệ Dư Liên Châu về mười hai thế Long chảo thủ và cho rằng thủ pháp này bắt vào lưng kẻ địch thì sẽ khiến đối phương bị thương và tuyệt tự thì lập luận đó phù hợp với khoa sinh lý học cổ truyền, vốn chủ trương chức năng sinh sản liên quan mật thiết với Mệnh môn ở thắt lưng.

Nhưng cũng có những huyệt do Kim Dung phịa ra. Ví dụ trong tiêu cuộc của Đỗ Tổng tiêu dầu, Trương Thúy Sơn dã thấy nhiều người chết nét mặt tươi cười vì bị kẻ địch điểm vào Tiếu yếu huyệt là một huyệt vốn không thấy có trong các sách châm cứu.

Vì nhìn chung Kim Dung tỏ ra có kiến thức vững vàng về châm thuật nên tôi nghi rằng một vài điểm sai lầm trong bản Việt ngữ chắc chẳng phải do tác giả người Trung Hoa. Tỉ như khi Trương Thúy Sơn từ giã băng dảo trở về trung thổ, dọc đường kịch chiến với Tam Giang bang, dã dùng kiếm đâm vào huyệt Thần đạo ở cổ tay kẻ địch. Vị trí huyệt Thần đạo không phải ở cổ tay như bản dịch của Từ Khánh Phụng ghi mà ở dưới đốt xương sống lưng thứ năm. *Cô gái Đồ Long* tập 3, trang 301 ghi đúng vị trí này của huyệt Thần đạo, nhưng lại in sai thành Thần huyệt đạo.

*

Truyện chưởng Kim Dung một mặt chứng tỏ sự uyên bác của ông, một mặt lại phản ánh tính mực thước của ông. Mỗi khi cần, ông nêu

tên các vị thuốc, các thang thuốc nhưng ông không lạm dụng vốn liếng thông tin dược liệu học và phương tễ học.

Ở trên núi Côn Luân, khi Trương Vô Kỵ xem vết thương của Tô Tập Chi và Chiêm Xuân do ám khí tán môn đinh tẩm độc gây nên thì phát hiện độc chất bôi ở ám khí lấy từ một loài hoa độc tên là hoa Thanh đà la. Đúng ra, tên gọi của loại hoa này là Mạn đà la, tức là hoa cà độc dược.

Để chữa bệnh cho cô vợ năm yêu dấu, Hà Thái Xung, chưởng môn phái Côn Luân, đã sai các đệ tử vào dãy Trường Bạch kiếm Tuyết liên và Thủ ô là những thứ thuốc rất quý có thể cải tử hồi sinh. Tuyết liên là một loài sen mọc trên đồng tuyết, Thủ ô - thường gọi là Thiên niên Thủ ô - là củ Hà thủ ô già đến ngàn năm. Hai vị thuốc này là những dược liệu huyền thoại, hoang đường cho nên dám đồ đệ khốn khổ phái Côn Luân chẳng dễ gì kiếm được. Nhưng Hà thủ ô thông thường thì lại là một vị thuốc rất phổ biến ở Đông Á châu.

Các dược liệu có độc tính cao thường được Kim Dung tuyển chọn trong giới động vật. Con gái Hân Dã Vương là Thù Nhi vì luyện Thiên thù tuyệt hộ thủ nên mặt mũi biến dạng, sưng phù. Muốn tập thành công môn võ này phải bắt đủ một nghìn con nhện độc để luyện, do đó nàng mới có tên Thù Nhi vì *tri thù* chữ Hán là con nhện. Khoa sinh vật học cho chúng ta biết rằng quả có những giống nhện rất độc, ví dụ giống *Tarentula*. Nhưng có thể tên cô gái này hàm chứa một nghĩa khác, vì *thù* trong chữ Nho còn có nghĩa là đẹp, cho nên Tú Uyên từng say đắm một người thiếu nữ có

Tiên Thù là hiệu, Giáng Kiều là tên
Tiên Thù tức là nàng tiên đẹp.

Để tự dẫn độc, Vương Nạn Cô cũng nống nhện độc, rết, rắn độc và Đoạn trường thảo. Đoạn trường thảo tức cây lá ngón là loài thảo mộc cực độc mọc ở vùng biên giới Hoa Việt, tương truyền chỉ cần ăn ba lá là đủ chết người. Tên khoa học của nó là *Gelsemium elegans* Benth., thuộc họ *Loganiaceae*, một họ quy tụ những cây độc khác, được nền tân dược khai thác để trích khai strychnine và curare, hai hoạt chất kịch độc đối với hệ thần kinh.

Khoáng chất độc quen thuộc thuộc đội ngũ dược học cổ truyền là Thạch tín hay Tín thạch, còn được giới Đông y sĩ gọi là Nhân ngôn hay Phê sương; đối với Tây y là arsenic. Nó là vị đại độc nên khi Trương Vô Kỵ muốn dọa Hà Thái Xung liền bắt bà vợ cưng của y nuốt

một viên thuốc màu đen mà chàng gọi là Thạch tín hoàn khiến lão chưởng môn phái Côn Luân mất cả hồn vía. Chất dịch có sức tàn phá cơ thể do giáo chúng Hồng Thủy kỳ trang bị các ống phun nước là hỗn hợp Lưu huỳnh và Phát tiêu; dung dịch phun trúng da thịt thì gây phỏng rất nặng và rất sâu, khiến hai con chó sói được dùng làm vật thí nghiệm biến thành hai đống than. Lưu hùnh là soufre, Phát tiêu là sulfate de soude, có thể gây phản ứng đốt cháy, ăn mòn các chất hữu cơ và vô cơ của acide sulfurique trong khoa hóa học hiện đại.

Để giải độc cho Kỷ Hiểu Phù, Trương Vô Kỵ dùng Sinh long cốt, Tô mộc, Thổ cẩu, Ngũ linh chi, Cấp phấn. Long cốt là xương hóa thạch của loài khủng long, Tô mộc là cây gỗ vang, Thổ cẩu là con dế dũi, Ngũ linh chi là phân dơi (hay phân một loài sóc bay), Cấp phấn là bột vỏ sò. Các dược phẩm này thường được dùng làm thuốc săn da cầm máu, trị liệu tổn thương sang chấn; tùy theo dạng bào chế, có thể dùng ngoài hay dùng trong. Vì Kỷ Hiểu Phù vừa bị ngoại thương vừa bị ngộ độc nên thầy lang họ Trương đã cho trong uống ngoài xoa.

Muốn tìm hiểu nức độ nhiễm độc của mẹ Dương Bất Hối, Vô Kỵ cho nước bọt bệnh nhân tác dụng với Bách hợp tán. Theo *Trung quốc y học đại từ điển*, trong Bách hợp tán có Bách hợp, Tử uyển nhung, Xích phục linh, Bạch thược dược, Cam thảo. Phương thuốc đặc chế này được ghi trong *Chứng trị chuẩn thằng* của Vương Khẳng Dường.

Thang thuốc bổ Vô Kỵ kê đơn cho Kỷ Hiểu Phù là Bát tiên thang. Phương thuốc này ghi trong *Thẩm thị tôn sinh thư* và có Nhân sâm, Phục linh, Bạch truật, Cam thảo, Xuyên khung, Đương quy thân, Bạch thược, Địa hoàng, Khương hoạt, Bấn hạ, Trần bì, Tần giao, Ngưu tất, Quế chi, Sài hồ, Phòng phong. Thang thuốc tương đối công kềnh, nhưng đặc tính các thang phương bổ dưỡng thường là vậy. *Thẩm thị tôn sinh thư* là công trình của Thẩm Kim Ngao, gồm bảy muồn hai quyển.

Trong *Lộc đỉnh ký* và nơi Thiền Trí tự, Ngô Chi Vinh bàn luận với Vi Tiểu Bảo về các cây thược dược trồng trong sân chùa đã nhắc đến bộ sách dược liệu học rất nổi tiếng của Lý Thời Trân đời Minh là *Bản thảo cương mục* đồng thời cho rằng cây thược dược có một số dược tính. Có lẽ Ngô tri phủ không biết (hay Kim Dung nhầm?) nên quan nhân đã lẫn lộn hai cây thược dược, một cây trồng làm cảnh mà đồng bào Việt Nam rất mến mộ vào dịp Tết và một cây trồng làm thuốc mà đồng hương chúng ta không hề có dịp chiêm ngưỡng vì chỉ mọc bên

kia rặng Ngũ Lĩnh. Hai cây này thuộc loại thực vật khác nhau: loài thược dược làm cảnh là *Dahlia*, loài thược dược làm thuốc là *Paeonia*.

Nguồn gốc của võ thuật vốn là pép vận động thân thể được khỏe mạnh hay nói cách khác, võ thuật là hậu thân của thể dục học y khoa. Những phép vận khí, luyện công, hô hấp, khí công, thai tức v.v... chịu ảnh hưởng trực tiếp của Lão học, vốn chủ trương luyện tập phải biết thuận theo tự nhiên, không cưỡng lại quy luật tạo hóa. Cho nên Hoa Đà từng chủ trương thể dục theo phép *ngũ cầm hí*, tức là vận động cơ thể dựa vào cử động của năm loài vật. Các thế võ trong truyện chưởng Kim Dung cũng thường được gọi tên theo cung cách các loài động vật cầm thú di chuyển bay nhảy; còn các cao thủ võ lâm sáng tạo các chưởng pháp, kiếm thuật nhiều khi cũng do quan sát động tác của chim muông súc vật. Võ Sắc thiền sư đấu quyền với nữ hiệp Quách Tường đã dùng thế *Hoàng anh lạc giá*, nghĩa là chim hoàng anh sà xuống đậu trên khung. Một trong những thế võ của Giáng long thập bát chưởng được Trương Vô Kỵ lúc còn là một chú bé con dùng đánh Hạ Lão Tam là *Thần long bãi vĩ* tức rồng thần quẫy đuôi. Trương Quân Bảo ở trong khe núi chiêm nghiệm cảnh tượng một con rắn đấu với một con chim mà phát minh ra một thế võ, rồi nhiều thế võ để sẽ sáng lập nên môn phái Võ Đang. Pho võ công do đại hiệp phái Hoa Sơn Văn Bá Thiên sáng tạo cũng có nguồn gốc tương tự, khởi thủy của nó là một trận quyết chiến thư hùng giữa độc xà và thần ưng.

*

Viết truyện lịch sử, Kim Dung ở vào tư thế một kẻ đi rừng có ưu thế to lớn là được trang bị đồ nghề rất đầy đủ và đi trên những con đường mòn do người trước để lại rất rõ ràng. Vấn đề của tác giả là xoay sở tìm lối đi nào phong quang, thuận lợi nhất. Sở dĩ như thế là vì kho tàng thư tịch nhà viết truyện có dưới tay cực kỳ đồ sộ. Chỉ riêng các sách dược liệu học - y học cổ truyền quen gọi là *bản thảo* - đã nhiều đến độ có tác giả nước ngoài đề nghị thành lập một bộ môn chuyên môn chuyên nghiên cứu về chứng gọi là khoa *bản thảo học, pentsao-logie*.

Cho nên Kim Dung có thể tỏ ra uyên bác trong nhiều lĩnh vực. Ông đã để cho nhân vật tong *Tiếu ngạo giang hồ*, trong *Cô gái Đồ Long* bàn luận rộng rãi về nhạc học Trung Hoa, từ hai mươi ba thiên *Nhạc ký* cho đến nghệ thuật hòa tấu của Thái Ung. Trong *Lục mạch thần kiếm*, khi Đoàn Dự đến trang trại của Vương phu nhân, đã được

xem một vườn hoa sơn trà gồm vô số chủng loại khác nhau, chứng tỏ kẻ trồng hoa đã có đại tài lai tạo những giống mới. Tả Đoàn Dự tham gia đánh cờ vây với Tô Tinh Hà, Cưu Ma Trí, Mộ Dung Phục, Đoàn Diên Khánh, Hư Trúc có Vương Ngọc Yến ngồi xem; tác giả Hương Cảng đã thuyết giảng chi ly về thế cờ, nước cờ, về kỳ lý, kỳ pháp.

Những tri thức dan cử đều có cơ sở sử học. Các nhân vật chính trong truyện chưởng Kim Dung luôn luôn là những nhân vật hoàn toàn hư cấu nhưng họ sống trong những thời điểm có sự kiện lịch sử hoặc hoạt động xung quanh những sự kiện lịch sử hay có quan hệ với những nhân vật lịch sử nào đó. Những nhân vật lịch sử chính cống chỉ đứng vào vị trí hạng hai, hạng ba, nhiều khi chỉ có bóng dáng thấp thoáng, hành trạng lướt qua hay vai trò gián tiếp. Ở đây, bản lĩnh của Kim Dung, tuyệt nghệ của Kim Dung là ở chỗ dựng được những nhân vật hư cấu còn thực hơn cả sự thật lịch sử.

Trần Văn Tích
Bad Meinberf, 24-12-1993

VẠN GIẢ

đồng âm

Giọt mưa khiêm tốn hiên ngoài
Gây lên âm hưởng lạc loài thiên thu
Thời gian ràng buộc thân, tù
Trăm năm dường đã tuyệt mù âm hao
Đêm ngờ vực giấc chiêm bao
Ngày rơi phiền muộn ngọt ngào âm vang

THẠCH HÃN

gặp gỡ

Sáng Chủ Nhật mồng 4 Tết Giáp Tuất, tức ngày 13 tháng 2 năm 1994, trong ánh nắng rực rỡ của một ngày đầu xuân miền Nam California, Robert Olen Butler, văn sĩ Mỹ đoạt giải Pulitzer năm 1993 với tuyển tập truyện ngắn viết về những người Việt Nam tị nạn *A Good Scent from A Strange Mountain*, nhân lúc ghé lại Orange County trong chuyến du hành khắp nước Mỹ để tiếp xúc với độc giả cũng như ký tặng sách nhân kỳ phát hành cuốn tiểu thuyết mới nhất nhan đề *They Whisper*, do Henry Holt xuất bản, đã tiếp xúc với một số nhà văn tại Westminster. Trong buổi họp mặt có sự hiện diện của các nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, Hoàng Khởi Phong, Triệu Châu, Quỳnh Giao, Thạch Hãn, và các nhà báo Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu, và Kỳ Hùng.

Khi được Thạch Hãn ngỏ ý mời Robert Olen Butler tiếp xúc với giới làm văn học nghệ thuật Việt Nam tại Hoa Kỳ, Butler đã hân hoan sắp đặt lại chương trình vốn đã khá bận rộn của mình để đến dự buổi điểm tâm và mạn đàm tại nhà hàng Mekong ở Westminster. Anh niềm nở bắt tay mọi người rồi tiếp chuyện một cách khá tự nhiên và lịch sự, khiến cho buổi gặp mặt có ngay được không khí thân mật, thoải mái từ phút đầu. Anh cất tiếng chúc mọi người một năm mới vui vẻ bằng tiếng Việt, rồi giải thích thêm: "Hồi 1972, tôi nói tiếng Việt sành sõi lắm. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ được một số chữ, khoảng độ 150, nên chỉ còn có thể nói được một vài câu thông thường thôi." Tuy nói thế, nhưng cách phát âm, cách dùng chữ và sắp câu của anh vẫn còn khá chính xác. Lúc xem thực đơn gọi món ăn, anh chọn một tô bún thịt nướng, và còn dặn người hầu bàn nhớ cho nhiều "ngò". Butler năm nay 49 tuổi, thuộc thế hệ thanh niên Mỹ trưởng thành trong thời gian chiến tranh Việt Nam, và cũng đã phục vụ ở Việt Nam hai năm (1971-1972), làm thông dịch viên Việt ngữ cho một đơn vị phản gián của Lục Quân Hoa Kỳ, đồn trú ở Biên Hòa và Phước Tuy. Vì thế anh đã được huấn luyện về Việt ngữ, cũng như văn hóa Việt Nam khá đầy đủ trước khi sang Việt Nam. Cuối năm 1993, anh trở lại Việt Nam một tháng, mục đích để nghiên cứu viết phân cảnh cho một cuốn phim dựa trên năm truyện ngắn trong tập *A Good Scent from A Strange*

Mountain của anh - đó là các truyện Love, Mr. Green, The Trip Back, Snow và A Good Scent from A Strange Mountain - do đạo diễn Wayne Wang thực hiện. Khi hỏi về cảm tưởng của anh trở lại Sài Gòn sau hơn hai mươi năm, trong một tình thế hoàn toàn khác hẳn với lúc anh ở Việt Nam đầu thập niên 1970, anh trả lời: "Tôi vẫn yêu mến Sài Gòn như xưa. Cũng những con đường những ngõ hẻm mà tôi đã sống qua mấy chục năm trước, cũng những người buôn bán vỉa hè, những người đạp xích lô tôi đã từng quen. Cũng Tòa Đô Chánh nơi trước đây tôi đã làm việc một thời gian. Tôi nhìn quanh cố tìm những dấu hiệu của chủ nghĩa Cộng sản, như các ảnh tượng Hồ Chí Minh, của Marx hay của Lenin chẳng hạn, nhưng chẳng tìm thấy đâu ra cả." (Tất cả những hình ảnh của thành phố Sài Gòn, những người buôn thúng bán bưng, những phu xích lô, những cô gái bán bar, những trẻ em bụi đời, đều được Robert Olen Butler ghi lại trong năm tác phẩm trong số tá, tác phẩm đã xuất bản, kể cả tác phẩm mới nhất là *They Whisper*). Anh còn kể lại một chuyện vui trong chuyến thăm Việt Nam, là khi đến phi trường Tân Sơn Nhất, cũng như mọi hành khách khác, anh phải đi qua hải quan để khai báo hành lý của mình. Anh bảo là nhân viên hải quan không lưu tâm đến hành lý nhiều bằng việc kiểm soát các loại họ gọi là "văn hóa phẩm", và videocassette là loại vật dụng họ quan tâm nhiều nhất. Anh không mang theo một cassette nào, nhưng lại có một chiếc compupter xách tay, và có ba dĩa floppy. Nhân viên hải quan tịch thu ba dĩa floppy đó, rồi hẹn anh ba hôm sau đến một văn phòng ở thành phố để làm thủ tục nhận lãnh, sau khi được kiểm duyệt xong. Ba hôm sau anh đến văn phòng như đã dặn, và gặp một cô thư ký người Việt Nam phụ trách. Anh bảo là khả năng tiếng Anh của cô ta chỉ đủ để chào hỏi xã giao, mà khả năng tiếng Việt của anh lại cũng chẳng khá hơn, nên cả hai đều tỏ ra lúng túng. Mở đầu, cô thư ký hỏi anh trong dĩa floppy có những gì. Anh trả lời là dĩa chứa một phần tác phẩm của anh đang sáng tác, vì anh không muốn nói cho họ biết là anh đang viết truyện phim cho Oliver Stone (!). Nét mặt nghiêm trọng, cô thư ký hỏi tiếp "Ông là nhà văn à? Và ông viết sách gì?" Ngẫm nghĩ một lát để tìm chữ tiếng Việt cho đúng, anh trả lời: "Tôi viết tiểu thuyết" (fiction). Nghe đến đây, mặt cô thư ký bỗng rạng lên, rồi hỏi tiếp "Ông viết romances à?" (Tiểu thuyết diễm tình). Butler thuật lại là khi nghe đến chữ romance, anh bỗng ngạc nhiên, nhưng rồi hiểu ngay ra tại sao khi nghe nói đến tiểu

thuyết, mặt cô ấy tươi hẳn lên. Anh ngẫm nghĩ một lát, phân vân không biết là có nên tìm cách giải thích cho cô ta biết là anh viết fiction chứ không phải romance, nhưng lại lo không biết làm thế có lợi hay hại cho mình. Cuối cùng anh đành gật đầu rồi trả lời: "Vâng, romances." Sau đó cô thư ký lật tờ giấy ra trang sau, rồi chỉ vào chỗ có ghi "Lời thú nhận" (confession) và yêu cầu anh viết vào đó câu "Tôi là một nhà văn viết truyện diễm tình". (I am a writer of romances), trước khi giao trả lại ba chiếc dĩa floppy cho anh.

Sau phần hàn huyên, Thạch Hãn đã đặt một số câu hỏi, tóm tắt như sau:

Thạch Hãn: Các nhà văn Mỹ, khi viết về kinh nghiệm Việt Nam (Vietnam experience) của họ, chúng ta thường thấy họ mô tả lại những cảnh chém giết, đầy máu me và kinh hãi. Riêng anh, anh đã mô tả lại những kinh nghiệm đó với một cái nhìn hiền hậu và nhân bản hơn nhiều: từ việc tả lại những cảnh đời của các cô gái bán bar, các em bé đánh giày, những người lính, anh đã lột tả được hết những cảm xúc và nỗi bi đát của họ. Lý do nào thúc đẩy anh chọn cách nhìn đó?

Butler: Trước hết, tôi muốn nói đến sự cần thiết thông hiểu ngôn ngữ. Ngôn ngữ là một thứ rào cản tệ hại vô cùng. Những người viết về chiến tranh hay kinh nghiệm Việt Nam của họ hầu như không ai có khả năng nói và hiểu tiếng Việt. Thứ nữa, nghệ thuật thoát thai từ một thứ kinh nghiệm năng nổ (intense experience). Kinh nghiệm năng nổ tôi muốn nói ở đây là thứ kinh nghiệm có được khi ngồi ăn một bữa cơm hay đứng trước bàn thờ tổ tiên trong một gia đình người Việt, hay lắng nghe một người dân bản xứ chiêm nghiệm về quá khứ của mình, rồi với khả năng ngôn ngữ cũng như kiến thức về văn hóa, khám phá thêm, thăm dò thêm, tìm ra hứng để sáng tác. Vì vậy, những nhà văn Mỹ, nếu họ không có khả năng nói và hiểu tiếng Việt, không có kiến thức về văn hóa Việt Nam, chỉ có một nơi họ tìm ra được thứ kinh nghiệm năng nổ cần thiết đó để sáng tạo ra tác phẩm của họ: chiến trường. Một người Mỹ làm việc văn phòng ở Sài Gòn hay Long Bình chẳng hạn, suốt ngày chỉ biết đánh máy hết tờ báo cáo này đến tờ báo cáo khác, không làm sao có được kinh nghiệm năng nổ để sáng tạo. Và có hơn 80% quân nhân Mỹ có mặt ở Việt Nam không thực sự tham dự vào các trận đánh, mà chỉ làm việc văn phòng hay ở hậu cứ. Không có khả năng ngôn ngữ, hẳn nhiên họ không thể nào thông cảm

được tâm tình và cảm xúc của người Việt, nên họ không thể nào diễn tả lại được. Lúc tôi theo học lớp Việt ngữ, trong một năm trời, người ta đồn đại rằng ai không dậu lớp Việt ngữ này sẽ bị đưa qua Đại Hàn, và chẳng bao giờ được đặt chân đến Việt Nam. Tuy không tin vào lời đồn đó nhưng vẫn cố công học tập, và sau một năm, trong số 10 người theo học cùng lớp với tôi, chỉ có tôi nói được và hiểu được tiếng Việt.

Thạch Hãn: Khả năng về ngôn ngữ quả là cần thiết, nhưng phải có thêm một kiến thức khá phong phú về đời sống văn hóa của một sắc dân, một xã hội, mới có thể diễn tả lại một cách trung thực những cảm xúc, tâm tình của sắc dân, của xã hội đó. Trong các tác phẩm của anh, anh đã thông cảm với nỗi bi đát của người Việt Nam trong thời chiến, nên khi mô tả lại các cô gái bán bar, những trẻ bụi đời, những người tạm gọi là sống bên lề xã hội, anh đã có một cái nhìn rất nhân hậu.

Butler: Đúng vậy. Nhưng đó là nghệ thuật cũng như trách vụ của nhà văn. Nếu tôi không qua Việt Nam, tôi cũng sẽ được giải Pulitzer khi mô tả đời sống của những người thợ, các công nhân ở các mỏ thép ở Mỹ chẳng hạn. Nhưng Việt Nam quả là một nơi chốn tuyệt vời, và thời điểm tôi ở Việt Nam lại là thời điểm quan yếu (crucial) nhất trong đời tôi. Nhiều người cho rằng tôi là một nhà văn viết về Việt Nam. Tôi không viết về Việt Nam, tôi cũng không viết về văn hóa Việt Nam. Cũng như Monet, chắc các anh đã biết, là một họa sĩ Pháp, nhưng họa phẩm của ông lại luôn luôn chọn các hoa sen, hoa súng làm đề tài. Đó chẳng qua là một cách thể hiện nhãn quan về thế giới vật lý của ông ta mà thôi. Tôi cũng vậy. Tôi muốn diễn đạt những giá trị phổ quát của con người. Và qua hình ảnh, tâm tình, cảm xúc của người Việt Nam, tôi đã nói lên được những giá trị phổ quát đó. Sau khi tập *A Good Scent from A Strange Mountain* ra đời, nhiều độc giả thuộc nhiều sắc dân như Ba Lan, Do Thái, Nicaragua, v.v..., đã nói với tôi họ yêu cuốn sách bởi vì qua cuốn sách đó họ đã nhìn ra mình. Như thế, những giá trị tôi đề cao vẫn là những giá trị chung cho con người, bất luận nguồn gốc.

Thạch Hãn: Nhiều người Mỹ tham dự vào chiến tranh Việt Nam thường cho rằng khoảng thời gian họ qua Việt Nam là khoảng thời gian vứt đi, để lại một khoảng trống trong quá trình trưởng thành của họ. Riêng anh, anh đã không nhìn như vậy, và hai năm sống với những kinh nghiệm ở Việt Nam, anh đã xem đó là khoảng thời gian bất khả

phân ly trong tiến trình trưởng thành của một đời người. Điều này phản ánh rất rõ qua các nhân vật của anh, và nhất là qua Ira Holloway, nhân vật chính của tác phẩm mới nhất, *They Whisper*. Ira Holloway đã có được sự trưởng thành về tính dục (sexuality) cũng như cảm quan về khoái lạc (sensuality) bằng những liên hệ xác thịt, với một ý nghĩa cao nhất của việc làm tình, là sự hòa nhập giữa hai thể xác và tâm hồn trong một sự cảm thông đồng điệu. Anh có thể nói gì thêm về điều này?

Butler: Chính sự phát triển nhân cách và nhãn quan của tôi liên hệ mật thiết đến những kinh nghiệm lúc tôi ở Việt Nam, cho nên tôi không thể không nhắc đến những kinh nghiệm đó khi xét lại quá trình trưởng thành của mình.

Thạch Hãn: Anh có thể nói qua về quan niệm sáng tác của anh?

Butler: Hãy đi vào bên trong nhân vật của mình. Phải sống với nhân vật của mình. Tôi là giáo sư về môn sáng tác, và khác với nhiều giáo sư khác, tôi khuyên môn sinh của tôi khi sáng tác phải luôn đặt mình vào bên trong nhân vật. Sống đời sống của họ, thở hơi thở của họ. Vui buồn với họ. Chú ý đến việc xây dựng nhân vật trước khi chú ý đến bút pháp, đến kỹ thuật.

Thạch Hãn: Còn những tác phẩm tương lai của anh?

Butler: Tôi đang viết hai cuốn tiếp trong bộ ba tác phẩm (trilogy), mà tác phẩm đầu là *They Whisper*. Tác phẩm tiếp theo liên hệ đến một người Mỹ, qua Việt Nam năm 1966, và trở lại Việt Nam năm 1993. Sau những ngày sống chung với những cô gái trẻ trong lứa tuổi hai mươi, anh này đã gặp và yêu thương đắm đuối một cô gái, đắm đuối như bất khả phân ly. Hai người đã có những tình cảm gắn bó một cách nào đó quá thân thiết, khiến cho anh này phải tìm cách xin phép chính phủ cho cưới để đem cô ta về Mỹ. Trong lúc lo lập thủ tục, anh đã khám phá ra được người con gái đó chính là con của mình. Nhưng đây không phải là lúc câu chuyện kết thúc, mà là ở giữa truyện. Có hàng chục ngàn người Việt lai Mỹ không biết tông tích cha mình là ai, và đây là một thực tế nhiều người không muốn nghĩ tới. Tôi chỉ có thể nói bấy nhiêu thôi, và còn phải chờ đến lúc hoàn tất tác phẩm. Khi sáng tác, bạn không những chỉ diễn tả, mà còn phải thăm dò, khám phá, và vì thế tôi không thể nói hết mọi chuyện trước khi tôi hoàn tất tác phẩm.

Thạch Hãn: Thời gian sống, và kinh nghiệm ở Việt Nam đã đóng góp như thế nào trong quá trình trở thành một nhà văn của anh?

Butler: Nhiều lắm. Trước khi qua Việt Nam, tôi muốn trở thành một nhà soạn kịch. Tôi theo học và tốt nghiệp Cao Học Kịch Nghệ trước khi qua Việt Nam. Ham mê kịch nghệ và diễn xuất, nhưng rồi tôi khám phá ra rằng mình chỉ có thể là một kịch tác gia tồi. Việt Nam đã cuốn hút tôi, và đã khiến cho tôi nhận ra mình có khả năng của một nhà văn. Nghệ thuật đặt căn bản trên cảm quan. Ở Việt Nam, cảm giác anh tràn đầy. Ở đó anh có thể nhìn thấy nhiều, nghe được nhiều, ngửi được nhiều, nếm được nhiều. Bước đi vài thước là anh đã ngũi được đủ thứ mùi vị, thơm tho có, hôi hám có; anh thấy được nhiều cảnh đẹp mắt, duyên dáng, lẫn thô lỗ, tồi tàn, v.v... Vì thế khi trở về Mỹ, tôi đã thấy là mình chỉ có thể làm một nhà văn. Kịch nghệ, tuy cũng dính dáng nhiều đến những cảm nhận, cảm quan, nhưng người viết kịch hoàn toàn không kiểm soát nổi những biến thái của cảm quan đó. Cần phải điều hợp với diễn viên, và vì thế khó diễn tả được đầy đủ những gì mình muốn diễn tả. Vì thế khi trở lại Sài Gòn lần này tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi vẫn còn có những cảm giác như xưa. Sài Gòn quan trọng với cảm quan của tôi cũng như London quan trọng đối với trí tuệ tôi.

Thạch Hãn: Xin hỏi anh một câu chót. Sau khi đọc truyện ngắn cuối cùng *A Good Scent from A Strange Mountain*, người đọc hiểu nhiều cách: Có người cho là anh ca tụng Hồ Chí Minh, có người bảo là anh trách ông ta chỉ có một chuyện làm kẹo mà không bao giờ làm được toàn vẹn. Xin anh cho biết, từ chính anh, ý nghĩa anh muốn chuyển đến người đọc qua nhân vật Hồ Chí Minh.

Butler: Tôi rất thông cảm với câu hỏi của anh. Tôi đã mất một người bạn Việt Nam thân thiết chỉ vì bìa sách có vẽ hình của Hồ Chí Minh, và từ đó anh ta không còn nói chuyện với tôi nữa. Hồ Chí Minh, hay Dạo, hay tất cả chúng ta, đều là những con người. Hồn ma Hồ Chí Minh như mô tả trong truyện, đang sống trong một thế giới siêu hình, nơi chẳng còn đâu là biên giới quốc gia, chẳng còn những tranh chấp hệ lụy của đời sống trần tục. Hồn ma Hồ Chí Minh trong thế giới vô hình đó đang đò dẫm tìm kiếm một sự hóa giải (reconcile) với những hồn ma khác cũng đang sống vất vưởng như ông ta. Ở đây tôi muốn nói đến quan niệm âm dương, đến những điều xảy ra sau khi mọi người từ giã cuộc đời trần tục. Chẳng ai còn là con người nguyên vẹn

(wholesome) trong thế giới đó nữa. Vả lại, trong đời ông, ông đã có nhiều cách chọn lựa, cũng như Đạo đã chọn lựa. Thế mà ông đã chọn lựa con đường ông đi, để đến giờ ông phải tìm cách hóa giải hầu mong sống yên thân trong thế giới vô hình kia.

Thạch Hãn

NGỮ AN

hoa tháng mười hai

Hoa tháng mười hai, nở
thấy lại xuân nghìn xưa
em người muôn năm cũ
khuất lấp đến bao giờ

Mùa xuân không chờ đợi
vẫn đến vẫn qua
còn em suốt đời trông ngóng
sao không thấy trở về

Hoa tháng mười hai, nở
ly rượu đỏ môi sầu
người mang tình biệt xứ
có nhớ gì nghìn sau.

lá tháng giêng

Về hỏi lá tháng Giêng
tình còn xanh mấy thuở
vạt nắng vàng bên hiên
hiu hiu màu khói nhớ
lênh đênh trong mắt nọ
nhạt nhòa trong mắt ai

Về hỏi lá tháng Giêng
xanh chi màu thơ dại
mưa đôi khi rất lạ
phất phơ tự mắt người.

Ngữ An

LA TOÀN VINH

đêm lưu lạc

Buổi tối ở Bâle
dòng sông đen,
cuồn cuộn...

Thành phố của một ngày phiêu bạt,
đêm đen,
thoang thoảng,
mùi phấn son gợi tình.

Người thiếu nữ,
em gọi tôi bằng ngôn ngữ xa xăm;
đêm ở Bâle,
đêm xác thịt lõa lồ,
có cô gái miền Nam Mỹ,
gọi tôi,
như một người tình.

Đêm với những phút giây,
miên man cùng men rượu.
Đêm,
loáng thoáng những bóng hình,
dòng sông nào còn lặng lờ trôi đi...

Đêm,
cho tôi nhìn lại mặt em
như nhận diện về những mối tình
bay xa,
cho tôi hôn lên môi em,
như những cuộc tình
đã quên.
Dòng sông vẫn lặng lờ trôi,
trôi đi...

Đêm ở Bâle,
đêm chất chứa một cái buồn man mác;
của một người đi trong cô đơn.
Một người lữ hành,
đi bên cạnh một vũ trụ cô đơn.
Đêm xao xuyến,
một cái buồn lưu lạc,
trên những băng ghế trống,
những sân ga xa lạ,
những mối tình chưa kịp đặt tên...

Đêm ở Bâle,
đi bên trời xa xăm, không còn biên giới....
Dòng sông nào còn lặng lờ trôi đi.
Bâle 10-1993

CAO XUÂN HUY

cái lưỡi câu

Thạnh năn nỉ:

– Mày thông cảm, tao chỉ có hai thìa.

Tường lắc đầu:

– Ba là ba.

Thạnh thở dài, đề nghị:

– Hay mày cho tao thiếu?

– Thiếu? Rồi lấy gì mày trả?

– Thì...

– Không.

Thạnh tuyệt vọng:

– Thôi thì, lấy loại dở vậy.

– Đưa đây.

Thạnh lấy trong túi ra một miếng vải được buộc túm chặt bằng lạt tre, cẩn thận gỡ sợi lạt. Một dúm muối hột đen bẩn hiện ra. Chàng trân trọng, nâng niu múc, chỉ vừa chẵn được hai thìa, đổ vào bát của Tường. Tường chăm chú nhìn Thạnh dong muối, một tay cầm lấy bát, một tay chìa cái lưỡi câu. Còn một ít muối vụn dính vào miếng vải, Thạnh thè lưỡi chấm chấm từng tí một. Vị ngọt lan nhanh trong miệng, nước bọt ứa ra.

Thạnh buộc dây cước làm bằng những sợi chỉ được tháo từ cái ba lô rách nát. *Thế rồi cuối cùng mình cũng có một cái lưỡi câu. Dù không được như cái làm bằng kim băng, nhưng, vẫn là một cái lưỡi câu.*

*

Cái phao động đậy, Thạnh hồi hộp đợi. Cái phao vẫn động đậy, Thạnh vẫn hồi hộp đợi. Chờ cho đến khi cái phao đứng thật yên, Thạnh cẩn thận nhấc cần. Con giun mồi biến mất, chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao lại động đậy, Thạnh lại hồi hộp đợi. Cái phao lại đứng yên, Thạnh lại cẩn thận nhấc cần. Con mồi lại biến mất, lại chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao lại động đậy. Lần này, Thạnh không đợi nữa mà, vút... chàng giựt mạnh cần.

Nặng tay. Sợi dây cước căng thẳng làm cong đầu cần.

Thạnh giựt giựt cần, vẫn nặng tay.

Chắc là một con cá to, phải là cá to chứ. Cái hố bom B-52 này đâu có thua gì "ao cá bác Hồ". Cá dưới ao của Bác ăn đủ các thứ người ta thải mà còn béo nhẫy ra, huống hồ cá dưới hố bom này. Cái hố bom kín đáo, nằm khuất này, mới chỉ có một mình chàng tìm ra. *Sống trên đời* người ta còn khen ngon cả những con vật ăn đủ thứ cơ mà. Cá ơi là cá, bất kể mày ăn cái gì ở dưới cái hố bom này, tao cũng ăn mày, tao cũng ăn mày một cách dã dời. Nhưng, nếu là cá to, thì cái lưỡi câu hạng tồi của chàng làm sao chịu nổi, mà không duỗi thẳng tuột ra. Thì cần câu phải nhẹ chứ, tại sao lại nặng. Hay là, lưỡi câu vướng vào một khẩu súng, vướng vào một khúc xương, một cái sọ người nào chăng.

Trời tối dần. Mây màu xám chì dậm hơn. Gió bắt đầu thổi mạnh, luồn qua khe núi, thốc qua những lùm cây, những bụi gai rừng, rít lên từng chập. Tiếng côn trùng như một điệp khúc muôn thuở của núi rừng, khiến Thạnh nhớ đến những đêm hành quân chập chờn những bóng ma xa xưa.

Tiếng gió rít khiến Thạnh rùng mình, loáng thoáng dâu dây trong gió là hồn ma của những người anh em phía bên kia đang nằm dưới đáy hố bom. Các anh là kẻ thắng trận đã vậy. Còn chúng tôi, Thạnh nhớ đến một trung đội cũng ăn B52 ở Quảng Trị trong những ngày giữa *mùa hè đỏ lửa* năm nào, hơn bốn chục mạng cả ba lô súng đạn gom lại không đầy một poncho. Hồn oan của họ có rít lên theo gió? Và chắc họ cũng đang đâu đó vất vưởng, dật dờ.

Bất giác, Thạnh thấy lạnh người. Chàng nhớ lại, cũng trong một buổi chiều mờ mờ chập choạng, không khí lành lạnh, gai gai thế này, một người lính trong đơn vị chàng đang ngồi gác, bỗng có một người lính của đơn vị khác súng đạn mũ sắt áo giáp đầy đủ đến xin gác chung.

Em đang ngồi gác, có một thằng vác súng tới đòi gác chung. Em bảo nó:

"Không được, đây là đơn vị tao".

"Cho tao ngồi chung với. Mày gác tao cũng gác".

Nó tự động lót mũ sắt ngồi xuống gác. Em duổi nó:

"Đây là chỗ của tao, mày về đơn vị mày mà gác".

Nó chỉ xuống ngay dưới đất:

"Đơn vị tao ở đây".

Người lính lạ mặt này mang phù hiệu của một đơn vị bạn đã bị tan hàng trong một trận bị phục kích trước đó mấy tháng, xác của họ lấp vội vàng vì không kịp mang đi. Và vọng gác ở ngay trên chốc mộ tập thể.

Có lẽ nào giờ đây, dưới cái hố bom này cũng là chỗ đóng quân của mấy người anh em phía bên kia, và mấy người anh em đang ở dưới hố bom chơi khó không cho chàng câu cá của họ nên giữ rịt lưỡi câu của chàng lại.

*

Mới hôm qua, nửa đêm thức dậy vì lạnh, đống than trải dưới chỗ nằm đã tàn, Thạnh ra đống lửa ngoài sân hút một điếu thuốc lào. Vừa đặt cái điếu xuống, chàng thấy là lạ trong người, như có một cái gì muốn trào ra, mà không phải là nôn. Chàng cúi đầu vào đống lửa, há miệng, nước lẫn bọt từ trong phổi dồn lên, dồn lên, tự động tuôn ra khỏi miệng từng đợt từng đợt.

Hùng cũng không ngủ được đang ngồi hơ lửa, hốt hoảng la lên:

– Thạnh! Mày ói ra máu!

Thạnh đưa tay quệt ngang miệng, dơ ra ánh lửa. Màu đỏ tươi dính trên tay áo. Thạnh lại cúi gập người xuống, há hốc miệng vào đống lửa, máu lại trào ra.

Hùng chồm tới, đưa tay đỡ lấy ngực Thạnh, nhìn chàng ái ngại:

– Để tao lên bệnh xá xin thuốc cầm máu.

Thạnh còn đang ngần ngừ thì Hùng đứng dậy, đợm bước. Thạnh thều thào gọi giật lại:

– Thôi Hùng, để họ ngủ.

– Nhưng máu ra nhiều thế kia.

– Không có thuốc đâu. Mà... cũng không cần. Chỉ cần mày làm chứng cho tao là đủ rồi.

Một chút sung sướng loáng nhanh qua đầu, *thế là ngày mai, mình sẽ được nghỉ lao động những nguyên một ngày.*

Hùng lắc lắc đầu, chép miệng ái ngại:

– Tao cũng không có thuốc, rồi làm sao mày qua được mùa đông này.

Thạnh đưa tay chận ngực, hổn hển:

– Mình đã "thua nguội" rồi. Qua được hay không qua được đâu còn là vấn đề. Điều chính là mai tao có được nghỉ hay không.

*

Mới được nghỉ bệnh một ngày mà phải lội xuống nước lạnh đến dóng váng thế này...

Nhưng nếu không nhảy xuống nước, nếu giựt mạnh cần câu.

Ừ, nếu cố giựt mạnh cần câu thì sao nhỉ. Hoặc là mình sẽ lấy lại được cái lưỡi câu, nhưng vì là loại dở, chắc chắn lưỡi câu sẽ dãn ra. Và, sẽ tốn thêm nguyên một thìa muối cho thằng Tường uốn lại. Hoặc là dứt dây, Thạnh chép miệng, mình sẽ đi đoong đến những hai thìa muối.

Muối là một nỗi ám ảnh trường kỳ trong đầu. Đến bây giờ Thạnh mới hiểu được tại sao người Thượng họ quý muối, trong khi với chàng, muối rẻ mạt, bao nhiêu muối lãnh được trong những kỳ tiếp tế, chàng vứt. Và bây giờ, đầu óc lúc nào cũng bị muối ám ảnh. Muối là đơn vị tiền tệ để mua bán đổi chác. Một thìa muối ngang ngửa một bữa ăn...

Nghĩ đến chuyện mất thêm một thìa muối để uốn lại lưỡi câu, Thạnh ấm ức tự trách, tại sao mình không cố nhịn ăn thêm một bữa để đủ ba thìa, lưỡi câu của mình sẽ bằng kim băng, thì làm gì có chuyện phải suy nghĩ "căng" đến thế này. Bây giờ, cũng mất đến ba thìa muối, mà vẫn chỉ có cái lưỡi câu loại "dỏm" này.

Chịu mất thêm một thìa muối thì giựt mạnh cần câu, còn nếu không...

Thạnh ngồi thừ ra. Mình phải giải quyết vụ này trước khi bọn đi lao động về tới trại. Nếu không thì sẽ bị phạt về tội trây lười, trốn lao động, và Hùng cũng sẽ bị phạt lây.

Đầu Thạnh xoay xoay như thằng say rượu. Bắt buộc chàng phải quyết định. Bất kể lưỡi câu vướng vào cái gì, kể đá hay xương người, hay kể cả vì hồn oan của những người anh em phía bên kia, chàng vẫn phải hoặc giựt mạnh cần câu, hoặc lặn xuống nước gỡ lưỡi.

Chọn lựa nào thì cũng là mất mát.

Thạnh đứng dậy, rùng mình. Hai tay ôm ngực chận cơn nôn, co ro giữ hơi ấm. Ngước nhìn trời, méo miệng cười. Lắc đầu, lao xuống nước.

ĐỖ QUYÊN

thi đàn

tặng em và tổ quốc

Không chờ bản trường ca đi đến điệu cuối
Không chờ nước (sau 100 năm nay)
ngụp ngập thành phố này rút cạn
Những bông tuyết đã rơi
luồn cửa ban-công
sà xuống mép tường...
Bàn tay xòe
tuyết mơn man.
Không chờ tuyết tan thành nước
Ta viết về những giọt nước mắt người Việt rỏ trên Thi đàn
Trong những ngày cố thủ dưới cánh hồng vàng
Trong sạch tới em
Anh mở lối thông tình cùng Nàng Thơ
vốn đã từng oan uổng bị nhân loại
coi là điểm chính thể này đến thời đại khác.
(Dân tộc Việt khá hơn
nâng Nàng làm con ở
- thứ điếm không tự nguyện cho lũ đàn ông
ra vào chung một mái nhà).
"Người Việt nào cũng biết làm thơ
Người Việt nào cũng biết khổ!" (1)

Không chỉ hạ nhiệt độ giả tạo cho quả tim
Nước-mắt-thơ
tắm mát dạ dày và đôi lúc tưới tràn lên khối óc.

Thơ biết đuổi giặc đi nên dụ biết gọi giặc về
Thơ làm phú quí phù gia, sẽ làm chu di tam tộc
Thơ nghiêng đổng đổ nước, bắt sỏi đá thành cơm
Thơ cùm gông đời bố đời con
Thơ thần thông hóa thù thành bạn
Thơ xẻ vầng trăng làm đôi người mong người nhớ
Thơ gián cách giống nòi, non nước, gia đình

Bởi Thơ
dân Việt này oan nghiệt mà hiển vinh!

Thiếu thời
lần đầu ta vào Văn Miếu
Ngự trị trong đầu Thơ có một thôi: Tố Hữu!
(Sót trong túi áo, túi quần... may lắm là Hồ Chí Minh!)
Trước mả-tổ-thơ chỉ khấn bằng
"Từ ấy trong tôi...", "Chào 61"...(2)
Tường Văn Miếu thấp (hai đứa trẻ công kênh qua được!)
sao mãi lồng lộng hồn ta lúc đó, lúc này?

"Tồn tại chung với thánh thần, Thơ không thể..."
Trật rồi, anh nào nói thế?
...Trăm trứng Mẹ Âu Cơ
Thánh Gióng vùng mình
Chủ nghĩa Mác là chiếc "gậy thần"
Hồ chủ tịch "vị cứu tinh" dân tộc...
Cái gì đấy? - Thơ cũng làm thuốc phiện (cho giống người
chỉ biết khóc và cười, không trạng thái trung gian).
Người ta lo đến ngày Thơ tận thế!
Thơ không có Ngày Phán Xử Cuối Cùng trước giờ hồng thủy
bởi Thơ sống bằng nước mắt tiết ra.
Người ta lo tới thời Thơ lạc hoang
giữa đám Người Ba Mắt Hai Tim đến từ khắp các hành tinh!
Kỳ thực: Thơ hay đùa
nín thở, làm thinh
giả đò
xem loài người thương mình mấy kẻ...

Các nhà lý luận, phê bình
Đừng toan ra roi, đóng móng, lên cương
Thơ - con ngựa xanh
hoang
trên thảo nguyên
sẽ vô hình, vô sắc ở phút giây dừng lại.
Đừng mơ dựng các tam, tứ tấu
hãy vứt vào kho, chuyển cho trâu bò...các loại xe kéo, xe lăn...

Thơ không thể kéo chở gì ngoài nó!
Vì bị lột trần giữa đời Thơ thành vô trọng lượng!
Các lãnh tụ, chính trị gia
cứ để trí, để tiền nuôi lớn chiến tranh, danh vọng...
Các vị giầu chữ, ấm cật
lo giữ tài, sức làm lộc cho cháu con
Hơn là chơi trò cá-ngựa-thơ trên các vòng đời.

Ta cố thủ
chĩa mỏm trái tim ra các hướng
Nếu cần báng bổ mọi phương
Khi Thơ bị tấn công hay bị bốc thơm quá đáng!
Từ một chủ nghĩa, tập đoàn...
Từ một người
Bất kể!

Không có thơ-ngày-kia, thơ-hôm-qua, thơ-cầu-thang,
thơ-văn-xuôi, thơ-cách-mạng, thơ-phản-tặc...
Cả đến chuyện thơ-quốc-nội-quốc-ngoại gì gì cũng khó ngửi
- Những cái mùi...
Chỉ có
Một: Thơ
Hai: các thứ còn lại không thể gọi là gì ngoài tên chung:
những-cái-không-thơ.
Những-cái-không-thơ
chúng nhiều khôn kể
tìm cũng dễ:
Trên trục do sự chân thật chúng quanh quẩn ở điểm zêrô
Những-cái-thơ ở rất xa điểm đó cho đến tận vô cùng
cả về hai phía.
Sự chân thật mà Thơ biểu đạt không thuộc về số đông
như các thủ lĩnh công đoàn
thèm số người bãi công toàn quốc.
(Lắm nhà thơ còn cầu cho láng giềng, gia quyến...
chết hết trong các thú đời khác
để phấp phỏng một mình chờ điều chân thật hiện ra!)
Tiếc cho người đời mắt không tinh
để cái-thơ cái-không-thơ dễ nhầm!

Từ đây phân chia thế gian làm ba loại:
cái-thơ, cái-giả-thơ, cái-không-thơ.
Giả-thơ:
Đó là Thơ với dấu âm đứng trước!
Một phép ánh xạ hững hờ cũng đổi dấu Thơ
dễ như chuyện trở mặt gái trai!
Nắm lấy yếu tính này
Lũ lục-điền-chính-trị dùng Nàng Thơ như điếm!

Thương cho Nàng Thơ chân thật
như con gái đạo nhà lành
đẹp tự nhiên tươi trẻ
lạc giữa bầy vô lương.
Tự khóc mình
nước-mắt-thơ làm Thơ diệu ảo đến thành không thể hiểu.

Nơi xa
Ta dâng lên Thi đàn
25 năm quay lại đền Văn Miếu trong lòng
25 năm mới ra hết khỏi ta các tác giả...
Những cảm giác
(đa phần là buồn, tủi)
ngự trị ta
từ đây.
Bên kia
Những mặc cảm tội lỗi
đóng đinh Chúa
đời đời!
25-12-93 - 2-1-94
Đỗ Quyên

(Trích Trường ca "Năm bông hồng vàng và một mùa Giáng sinh chìm lặng")

Chú thích:
(1) Thơ D. Q.
(2) Các lời thơ Tố Hữu.

MAI KIM NGỌC

núi

1. Cụ André Valois thức giấc. Thần trí còn lơ mơ, cụ chưa hội nhập hẳn với đời sống thật. Cụ chỉ cảm thấy hạnh phúc trong khoảng không gian bé tí dưới chiếc mền len dầy cộm, ấm áp với bầu thân nhiệt hai vợ chồng đã dồn chung lại qua đêm. Đầu gối cụ chạm phải cái bịch cao su mềm quen thuộc lúc đi ngủ vợ đã đổ đầy nước sôi để cụ sưởi chân. Mùa đông năm năm trước, đêm nào cụ cũng bị vọp bẻ, bác sĩ kê hết toa thuốc này đến toa thuốc khác cũng không bớt, cho đến khi cụ bà nghĩ ra lối chữa dân gian này. Vậy mà hoàn toàn hiệu nghiệm. Từ đó cứ độ cuối thu, khi cụ ông bắt đầu khuân củi khô vào xếp sẵn ngoài hiên và bên lò sưởi để đốt qua mấy tháng lạnh là cụ bà lại lấy chiếc bịch cao su ra dùng.

Những chăm sóc vợ chồng nhỏ nhoi làm cụ sung sướng. Thật là tầm thường nhưng ân cần và trường cửu... Nhiều lần đã muốn khoe với đám bạn già lác dác còn sống, cụ lại đổi ý. Cái sướng của cụ như chuyện ăn chuyện thở, và những người cứ tưởng mình vẫn ăn vẫn thở sẽ cười cụ là nịnh vợ, quan trọng hóa những gì không đâu... Họ có ngờ đâu ăn và thở để sống là một chuyện, nhưng thở cho ra thở ăn cho ra ăn lại là chuyện khác... Cụ triết lý vụn trong đầu, "Sướng thế này còn hơn cả những cái sướng ồn ào danh giá trên đời..."

Cụ nghĩ vợ sẽ cằn nhằn cụm từ *những cái sướng ồn ào danh giá* cụ vừa dùng. Mathilde sẽ nhăn nhó như vẫn nhăn nhó một cách vô hiệu quả gần bốn chục năm nay mỗi khi thấy ngôn ngữ của chồng quá cộc lốc... Cụ hóm hỉnh nghĩ mình đã thắng vợ, đã làm Mathilde hoàn toàn thất bại trong cố gắng tỉnh thành hóa chồng...

Cụ ôn lại những cái *sướng ồn ào danh giá* của đời cụ. Có khiến

trèo núi từ nhỏ, cụ đã đoạt được những giải cỡ làng, cỡ vùng, cỡ quận... Cụ đã hưởng những giây phút huy hoàng khi một mình bước ra khán đài lãnh thưởng, dưới bóng cờ xí và giữa tiếng vỗ tay, mắt lòa đi vì chớp lửa ma-nhê từ máy ảnh của dám phóng viên... Nếu không vì dệ nhị thế chiến người ta tạm bỏ những giải quốc gia hay quốc tế, chắc cụ còn thu lượm được những huy chương tầm vóc hơn về môn thể thao này...

Nhưng mà những cái sướng ấy thấm gì với cái sướng riêng tư những buổi sáng đầu xuân ngủ trễ với vợ. Cụ đưa chân đè lên chiếc bịch cao su. Qua đêm, bịch không còn nóng bao nhiêu, nhưng cái âm ấm mềm mại như bắp chân đàn bà làm cụ thinh thích. Cụ quờ tay sang tìm vợ. Cụ bà không có trong giường.

*

Vẫn chưa tỉnh hẳn, cụ tự nhủ chắc Mathilde lại ra ngắm núi. Cụ không ngạc nhiên. Mặt trời mọc trên núi Alpes là một cảnh đáng ngắm. Hồi trẻ, cụ đã ngắm núi nhiều lần, không phải ngắm như Mathilde ngắm, nhưng ngắm như một người sinh ra ở núi, lớn lên với núi, kiếm sống bằng núi.

Cụ nhớ cảnh núi thuở nhỏ mỗi độ lập xuân, khi cụ lùa đàn bò của gia đình trở lại thảo nguyên. Băng giá đã co lại quanh những đỉnh cao, trả lại mầu cỏ xanh mát cho những cánh đồng mấy tuần trước còn tuyết phủ. Ít người hiểu biết về cỏ núi như cụ, những cụm cỏ ranh ma tàn đông đã âm thầm mọc ngầm dưới tuyết. Khi người không tinh ý vẫn tưởng băng giá bất tận thì dùng một cái, tuyết tan và sườn núi xanh rờn. Đàn bò bấy lâu tù túng với rơm khô nước giếng bỗng được ra khỏi chuồng, tung tăng sung sướng trông đến tội nghiệp. Chúng khua vang lục lạc, tiếng leng keng vui như mùa xuân mới đang trở về. Hoa dại tới trễ hơn một vài tuần, nhưng đã mọc thì mọc rất mau, đủ thứ đủ màu, từng mảng lớn hay lác đác đó đây trong nội cỏ.

Cụ thường không để ý đến hoa, cho đến khi Mathilde theo bố tản cư về làng... Mathilde yêu núi, yêu tất cả những gì liên hệ đến núi, từ núi của những rừng phong đổi mầu mùa thu cho tới núi của những đêm sao bát ngát mùa hè...

Cụ nghĩ cảnh núi vợ đang ngắm ngoài hiên bây giờ có thể cụ chưa bao giờ thấy. Khung cảnh chung chung vẫn vậy, nhưng núi mỗi lúc một khác, tùy theo mùa tùy theo mặt trời đã dành, nhưng lại còn tùy

theo mấy đám mây bao giờ cũng quẩn quanh đỉnh làm ánh nắng mỗi lúc một khác.

Mathilde cũng ghi nhận điểm ấy. Mathilde đã tả lại cảnh núi cho bè bạn trên Paris những lần họ có dịp xuống thăm, hay qua những thư từ gởi cho họ. Có lần Mathilde ví núi như viên kim cương mài theo nhiều mặt, còn mặt trời thì như ngọn đèn treo trần nhà, và mây thì như chụp đèn... Tùy theo cử động của bàn tay đeo nhẫn mà chiếc nhẫn sáng lên một cách khác nhau... Núi Alpes là một mặt nhẫn khổng lồ, lại cắt theo một kiểu dã không đối xứng lại vô cùng phức tạp, thợ kim hoàn không thể nào bắt chước nổi, thành thử cái đẹp thay đổi hình dạng kể như vô cùng vô tận. Cụ cho hình ảnh ví von của vợ rất hoa mỹ, nhưng vẫn không đẹp bằng cảnh núi cụ trực diện thưởng lãm mà không cần so sánh hay phân tích. Hai vợ chồng thường khác biệt nhau điểm này...

Cụ muốn nhỏm dậy mặc áo ấm để ra ngắm núi với vợ nhưng lại đổi ý. Cụ ghi nhận dã từ lâu lắm, Mathilde ít dậy sớm ra ban-công ngắm núi một mình. Mãi gần đây thói quen cũ mới trở lại. Cụ biết Mathilde bây giờ ra ban-công ngắm núi mà không phải để ngắm núi. Có những lúc người ta muốn được cô độc một mình, chính cụ cũng có những lúc như vậy...

*

Cụ nằm nghĩ mông lung. Cụ bỗng nghĩ đến tháng trước, vừa ấm lại một chút, tuyết mới bắt đầu tan, băng sơn trả lại cái cánh quạt của chiếc phi cơ ngộ nạn hơn bốn mươi năm trước. Biến cố xao động cả mấy làng nhỏ xung quanh. Cái xao động lan tới Paris, gợi lại biết bao hồi tưởng cho những người dã liên hệ đến thời kháng chiến của vùng núi này...

Thân nhân bằng hữu của người phi công tử nạn được cấp báo, bộ quốc phòng được cấp báo, hội ái hữu những cựu chiến sĩ du kích chống Đức được cấp báo. Và cụ dã được cấp báo vì Lucien - tên người phi công - là đồng chí của cụ. Sự nghiệp kháng chiến chống Đức cũng như đời sống của hai người đàn ông dính líu với nhau một cách mật thiết... Quá mật thiết...

Chẳng bao lâu nữa, một tuần, một tháng, hay vài tháng, băng sơn sẽ trả lại mũi phi cơ, cánh phi cơ, thân phi cơ... sẽ trả lại buồng lái, và sẽ trả lại người phi công bất hạnh... theo thứ tự ấy, hay theo một thứ tự éo le nào khác...

Cụ nhìn ra cửa sổ, trời đã hừng sáng qua những ô kính tuyết đóng gần kín. Không cần đồng hồ, cụ cũng biết là đã gần bẩy giờ và mặt trời sắp mọc. Cụ lắng nghe trong lòng mà không thấy gì khó chịu. Không, cụ đã làm hết mình để cứu anh ta... Lương tâm cụ không có gì hạch hỏi cụ về cái chết của người phi công ấy... Cụ chỉ ngậm ngùi... Nhưng cụ vẫn chưa muốn nghĩ nhiều về chuyện ấy. Cụ muốn trốn thêm ít lâu nữa trong cái êm ấm của chiếc giường cũ kỹ này, cái giường cha mẹ để lại, cái giường nơi cụ đã ra đời...

Cụ thấy trống trải quá. Giá có Mathilde bên cạnh, cụ mơ hồ ao ước. Những lúc bi quan, những lúc chán đời, ôm tấm thân mềm yếu ấy vào lòng làm cụ thấy vững tâm đối phó với mọi bất an dù mơ hồ hay cụ thể. Nhưng cái bất an hôm nay, Mathilde không giúp được cụ và cụ phải đối đầu với nó một mình. Lý do giản dị là chính Mathilde liên hệ đến niềm bất an này.

*

Không muốn mà tâm trí cụ lại trở về với Lucien, người phi công tử nạn hơn bốn mươi năm trước trên núi Alpes... Anh ta không những chỉ là bạn cụ, là đồng chí kháng chiến của cụ, mà còn là người yêu cũ, vị hôn phu cũ của vợ cụ... Cái chết thảm của Lucien hôm ấy, cụ chứng kiến tận mắt. Chẳng bao lâu nữa, cụ sẽ thấy lại khuôn mặt anh ta, khuôn mặt tuấn tú của người thanh niên thủ đô dã bỏ học tòng quân đánh Đức... Cụ nhớ rõ khuôn mặt ấy, cái vừng trán cao, cái mũi thẳng, cái miệng rộng với hàm răng trắng, cái nụ cười hồn nhiên vô tư lự... Cụ biết băng sơn dã giữ khuôn mặt ấy nguyên vẹn, không già thêm một ngày. Hơn bốn mươi năm qua, khuôn mặt ấy vẫn trẻ như hình ảnh người yêu cũ mà cụ biết Mathilde vẫn còn ghi nhớ trong lòng. Chỉ có cụ là già đi, đêm đêm cần bịch nước sôi cửa vợ để vọp khỏi bẻ...

Cụ lại nghĩ đến vợ. Giờ này Mathilde đang ngồi ngoài ban-công đăm đăm nhìn núi hiện dần ra dưới ánh nắng mai. Cách nhau có đăm bẩy bước mà hai vợ chồng như xa nhau cả mấy dặm đường. Rồi cụ ghi nhận là giữa băng sơn và vợ chồng cụ, ngay từ đầu đã có một liên hệ bất thường, như một cuộc tình tay ba chứa đầy bất an và u uẩn...

Cụ gắng lạc quan. Đời cụ đã ba phần tư thế kỷ, nói chung đã nhiều may mắn, và những việc khó giải quyết cứ như tự giải quyết lấy. "Rồi dâu cũng vào đấy," cụ tự nhủ. Cụ gắng hồi tưởng lại những ngày vui quá khứ.

2. Cụ André Valois nằm nhớ lại thuở ban đầu. Thời gian là mùa xuân 1943. Khi ấy cụ chưa là cụ, chưa khốn khổ với chứng phong thấp mỗi khi mùa đông tới. Hồi ấy cụ còn là anh chàng André mới hai mươi lăm tuổi, trẻ trung, đẹp trai, hy vọng của suốt một vùng núi Alpes về môn leo núi.

Không gian là chính trang trại này, với mấy chục con bò sữa, kế sinh nhai của hai cha con André. Trại thuê lại của người chú họ xa buôn bán lớn tận tít Paris, thỉnh thoảng mới về chơi ít bữa. Trên thực tế chú Franois kể như là khách, gia đình André mới thật là chủ nhân. André đẻ ở đây, lớn lên ở đây. Mồ côi mẹ cũng ở đây. Mãi khi chú Franois từ Paris tản cư về và hai cha con anh dọn xuống nhà dưới để dành chỗ cho chủ nhân ở, André mới ghi nhận là mình ở thuê.

Sự thay đổi không làm André khó chịu. Với cái bặt thiệp của người thủ đô, chú Franois làm André cảm thấy tựa hồ như chỉ vì lòng hiếu khách mà cha con anh nhường lại ngôi nhà chính cho chú ở.

Chú Franois kể chuyện hay và hấp dẫn, những câu chuyện hoạt động bí mật trong hàng ngũ kháng chiến chống Đức. Chú có cái hào quang của người vào sinh ra tử vì đất nước. Chú và các đồng chí đã tạo ra nhiều tổn thất cho bọn ngoại xâm bằng những chiến dịch phá hoại hay bất hợp tác. Gần đây, chính vì vòng vây của Gestapo xiết chặt dần quanh chú mà chú phải tản cư về làng.

Nhưng lý do chính làm André thích gia đình chú là Mathilde, con gái độc nhất của chú và em họ xa của André. Cô hai mươi tuổi đang học dở cử nhân văn chương. Cô dong dỏng cao, nước da trắng xanh nhắc nhở đến những mùa đông thiếu nắng của thủ đô. Mắt cô cùng mầu hạt dẻ với tóc, to và sâu, trong như nước hồ thu trên núi. Lần đầu tiên gặp nhau, André đã bị thu hồn bởi nhan sắc của cô em họ. Ý nghĩ đầu tiên của anh là họ hàng xa như vậy thì kể cũng như không có họ, và không có gì cấm kỵ chuyện anh yêu cô gái...

*

Cuộc sống tiếp tục thay đổi. Chú Franois đem sinh hoạt kháng chiến về trang trại nhỏ bấy lâu gần như đứng ngoài thời cuộc. Không phải là André không ghét bọn xâm lăng, nhưng phải đợi chú tản cư về làng, anh mới có những ý niệm cụ thể về những điều anh có thể làm để góp phần quang phục đất nước.

Trong đám đồng chí thường lui tới hội họp với chú, André có cảm

tình nhiều với Lucien, người sinh viên đại học Bách Khoa Paris năm trước đã bỏ học đi theo kháng chiến chống Đức. Lucien lái phi cơ, và phụ trách liên lạc giữa du kích quân vùng này với bộ tham mưu bên Ý. Lucien đàn hay, nói chuyện giỏi, am hiểu văn chương nghệ thuật, nhưng không biết gì về trèo núi hay săn bắn. Anh ta tới từ một thế giới hoàn toàn cách biệt, nếu không có chiến tranh có lẽ chẳng bao giờ André gặp anh. Vậy mà một tình bạn bất ngờ nẩy nở giữa André với người thanh niên thủ đô ấy.

Để bảo mật cho chú, André thuyết phục bố bán đàn bò sữa, đóng cửa hãng phó-mát nhỏ của gia đình và chấm dứt giao tiếp với đám thương gia Lyon thường hay tới thu mua lương thực cho sở quân nhu địch. Tất nhiên là chú Francis đền bù rộng rãi cho cha con André, nhưng dù không được đền bù André cũng sẵn lòng hy sinh vì đại nghĩa. Đất nước đã mất vào tay giặc, sá gì xưởng phó-mát của hai cha con.

André lao đầu vào giúp chú trong những hoạt động chống ngoại bang. Thông thạo đường núi, anh xung phong vào tổ liên lạc với công tác chính là di nhận tài liệu hay đón những phái viên trung ương Lucien chở tới một bãi đậu bí mật trong núi. Tất nhiên anh cũng tham dự vào những trận đánh như mọi người, quấy phá đường giao thông của địch hay tạo bất an cho những vùng địch chiếm đóng.

Sinh hoạt kháng chiến không hẳn bao giờ cũng bận rộn và sắt máu. Có những công tác nhẹ anh cho Mathilde đi theo. Cô gái thủ đô lần đầu tiên được sống gần thiên nhiên, say mê với những chuyện núi anh kể cho cô, những cảnh núi cô được anh dẫn đi thăm.

*

Anh dẫn cô em họ đi thăm băng sơn lần đầu tiên vào một buổi sáng mùa xuân. Cô gái tỉnh thành thật là khờ khạo. Cô nằng nặc đòi ngắm băng sơn, vậy mà hôm được anh dẫn tới tận chân băng sơn Mer de Glace vĩ đại của núi Alpes, cô vẫn còn hỏi băng sơn ở đâu. Anh khám phá ra cô bấy lâu vẫn tưởng băng sơn là những trái núi hoàn toàn bằng băng, cô lập và sừng sững như những băng sơn vẫn thấy trong mấy tấm ảnh chụp trên bắc cực.

Anh vui vẻ chia sẻ với em những kiến thức thu lượm được trong nghề leo núi. Anh giảng cho em băng sơn ở núi Alpes không phải là những núi nước đá riêng biệt mà là những thung lũng chất đầy nước đá nằm giữa những triền hoa cương chót vót. Băng sơn ở đây đúng ra là những con sông nước đá. Và như sông chẩy ra biển, những băng

sơn nhỏ quy tụ lại thành Mer De Glace, băng sơn mẹ của tất cả những băng sơn trong vùng, mông mênh như một biển băng bất tận. Chỉ chỗ băng sơn tiếp cận với đồng bằng, anh bảo:

"Đây là ngón chân của băng sơn..."

Thích thú với cụm từ mới nghe, cô bảo hình ảnh thật là sống động và ngộ nghĩnh. Đúng quá anh nhỉ, thời tiết nóng thì ngón chân co lại, thời tiết lạnh thì ngón chân lấn xuống cánh đồng. Nhưng cô thắc mắc tại sao người ta ví băng sơn với sông với biển. Băng sơn mà cũng chảy sao?

Cô chăm chú nghe như một du khách nghiêm túc và anh thích thú giảng như một hướng dẫn viên tận tâm. Anh cho cô hay là băng sơn cũng chảy như những con sông thường, chỉ có điều chảy rất chậm, mỗi năm từ vài chục tới vài trăm thước. Vì vậy chỗ tiếp giáp với cánh đồng, chỗ mà nước đá tan thành suối chính là chỗ băng sơn trả lại những đồ vật nó mang xuống từ đỉnh núi. Anh cúi nhặt một hòn đá, chỉ cho cô những vết soi mòn kỳ dị vì sức mài của cả trọng lượng băng sơn đè xuống suốt ba bốn mươi năm...

"Sao anh biết là ba bốn mươi năm?"

"Tính ra thôi. Với vận tốc băng sơn như vậy, với khoảng cách từ đỉnh núi tới đây chừng ấy, thì suy ra là bấy lâu thời gian..."

Anh nhìn quanh, sung sướng tìm được nửa chiếc ski gẫy để minh họa những lời vừa giảng:

"Em xem này, khúc ski này băng sơn vừa trả lại ra mùa xuân năm nay. Kiểu cổ lắm bây giờ không còn chế tạo nữa. Bốn mươi năm trước, chắc ai trượt tuyết đã đánh văng..."

Cầm miếng gỗ tần ngần ngắm nghía, cô nói:

"Bốn mươi năm mà nước sơn trông vẫn như mới. Chủ nhân chiếc ski gẫy này không biết bây giờ ở đâu, chắc bỏ mạng trong núi rồi. Không biết bao giờ băng sơn trả lại xác lại..."

Anh bất giác ngẩng nhìn núi. Câu nói vô tình của Mathilde làm anh nghĩ đến những điều mà anh chưa từng nghĩ. Anh nghĩ cái mầu bầm dập tê tái thỉnh thoảng nhuộm tím băng sơn không hẳn chỉ là ảnh hưởng quang học của nắng trên những tầng lớp nông sâu của nước đá như có người đã giảng cho anh, mà lại phản ảnh cái u uẩn dồn lại của tất cả những người đi núi đã lâm nạn, từ khi có núi từ khi có người.

Anh nghĩ đến những ngóc ngách không bao giờ lộ diện thâm sâu trong lòng băng sơn, nơi giấu diếm thân xác những kẻ bất hạnh...

*

Nhưng Mathilde không có ý định buồn bã. Cô nói dùa:

"Chết như vậy em không sợ. Chết như vậy sẽ trẻ mãi. Anh tưởng tượng đi. Nếu bị băng sơn bắt, bốn mươi năm nữa anh em mình vẫn trẻ như bây giờ trong khi các bạn mình sẽ thành những ông cụ bà cụ xấp xỉ bẩy mươi..."

Hai anh em cùng cười lớn. Mathilde nói chuyện chết như trò dùa, như một sự việc không bao giờ xẩy đến. Cái vui tính của cô em họ làm tan biến những tiêu cực nơi anh. Vả lại cái cảnh băng sơn thê lương anh vừa nghĩ tới thuộc về những buổi chiều mùa đông u ám. Nó không phải cảnh núi hôm nay khi dáng xuân đẹp như cô gái tới thì.

Anh ngắm cỏ non trải trên sườn mấy ngọn đồi thấp, thảo nguyên đầy hoa dại, từng đám hồng, hay đỏ, hay vàng... Cây đã đâm nụ lá xanh, và mấy chú sóc mới thức giấc sau cơn ngủ li bì mấy tháng đông còn ngơ ngác như chói nắng. Đám chim cổ đỏ đã trở về sau mùa đông trốn lạnh dưới nam, và núi vang vọng tiếng hót...

"Núi đẹp quá. Em muốn sống ở đây cả đời..."

Vừa nói Mathilde vừa tung tăng nắm tay anh đi dạo giữa thảo nguyên. Một cặp thỏ trắng đuổi nhau bỗng chạy ngang con đường mòn rồi biến vào bụi cây. Anh nhìn theo nhận ra con đực đang đuổi con cái, cái đuổi không ác ý mà cái trốn chạy cũng không dứt khoát, nửa như khuyến khích nửa như dẫn đường. Cô hồn nhiên khen lông thỏ đẹp như áo choàng của một bà hoàng. Anh nghĩ cảnh nào cũng gợi nơi cô thanh thoát cao sang, dù cảnh cặp thỏ rủ nhau vào bụi làm tình. Anh biết chắc vậy vì hồi nhỏ anh đã nhiều lần rón rén bò vào bụi rình những cặp thỏ như vậy...

Kỷ niệm ấu thơ làm anh đỏ mặt. Anh thấy mối tình cầm của anh với cô quá viển vông. Đời anh là đời thanh niên thôn dã với núi, với đàn bò, với thiên nhiên, với những hội làng, với những cặp thỏ đuổi nhau vào bụi rậm... Đời cô là sách, là nhạc, là Paris... Cô ở trại mà tâm hồn vẫn như ở thủ đô, chỉ nghĩ đến chiếc áo ngự hàn của bà hoàng khi thấy cặp thỏ trắng chạy vào bụi rậm.

Một con ong đen từ đâu tới buông những vòng bay lơi lỏng như len rối xung quanh hai người. Cô sợ hãi lùi sát vào anh. André cầm

nhẹ cánh tay em như che chở. Anh nghe hương tóc cô như hương lavande của núi tháng tư, anh nghe lưng cô tựa vào ngực anh, mình cô tựa vào mình anh, và anh lúng túng nghe mùa xuân thức giấc trong anh.

Con ong dậu vào lòng một bông hoa dại, mầu đen của nó nổi bật lên mầu vàng của hoa như bắt mắt hai người. Nó thành thạo rẽ mở nhị hoa, cắm đầu vào đài hoa liếm mật. Chốc lát nó ngẩng lên, cái mặt tham ăn nhớp nhúp nhựa hoa và lem luốc phấn hoa. Như chưa no, nó đưa lưỡi liếm tiếp những cọng nhị vàng óng ả như tơ như tóc.

Cô bất giác rùng mình. Bây giờ đến lượt cô đỏ mặt, và má cô như nhuộm lấy sắc hồng của những cánh hoa dại đang nở rộ xung quanh. Lưng cô vẫn tựa vào ngực anh, và qua làn hơi ấm tỏa ra từ cô gái trẻ như ngôn ngữ không lời của bản năng, anh nghe mùa xuân cũng đang thức dậy nơi cô. Cô gái thị thành cao sang bỗng trở nên thật gần gũi.

Bạo dạn anh nói:

"Anh cũng mong giữ em ở lại đây cả đời..."

"Thật không anh?"

Giọng cô lâng lâng như trong giấc mộng. Và lâng lâng, anh nói:

"Thật với tất cả tấm lòng... Với tất cả trái tim..."

Vừa nói, anh vừa nhẹ xoay cô quay lại. Mặt nhìn mặt, anh cầm lấy tay cô, kéo cô sát lại gần. Tình anh bấy lâu rụt rè, giây phút này sẽ không còn là mối tình câm nữa. Ngày mai, hay ngay tối nay, anh sẽ thưa với chú Franois, với ba anh, và hai anh em sẽ chính thức ăn hỏi...

"Khoan, anh..."

Cô vừa nói vừa khẽ rút tay ra khỏi tay anh. Anh nghĩ đến cái trốn chạy không ra trốn chạy của con thỏ cái, cái rút tay không ra rút tay của e lệ thường tình nơi người nữ. Anh cầm lại tay cô, mạnh dạn thổ lộ tình yêu, chia sẻ với cô những mộng ước tương lai bấy lâu ấp ủ trong lòng. Anh sẽ săn sóc cô, sẽ che chở cô chống lại tất cả những nguy hiểm lớn nhỏ của cả đời người. Anh sẽ xây dựng hạnh phúc vợ chồng với cô...

Anh cúi xuống hôn cô, quên cả thẹn thùng nhút nhát, tựa hồ chuyện anh yêu cô tự nhiên và đẹp như mùa xuân xung quanh, như con ong đang mê mải rẽ mở nhị hoa để liếm mật ngọt, như hai con thỏ trắng lúc nãy đuổi nhau vào bụi rậm.

Nhưng anh lầm. Nhẹ nhàng nhưng dứt khoát, cô khẽ đẩy anh ra. Ái ngại trong ánh mắt, cô nói thật mau. Cô cho anh hay là cô tin tưởng anh, quý mến anh như một người anh ruột... Đằng nào thì cô cũng là em của anh, cũng là thân thiết mà... Cô vô cùng hối hận đã tạo những hiểu lầm cho anh... Nhưng cô đã có người yêu rồi...

"Ai?" anh hỏi.

"Lucien," cô nói.

Anh lặng người... Té ra là Lucien... Rồi anh nghĩ cũng phải thôi, chỉ tại anh mù quáng nên không thấy. Lucien thật xứng đôi vừa lứa với Mathilde...

Cô lại nói cô không muốn anh buồn, cô không muốn anh khổ... Cô vô cùng hối hận đã làm anh buồn khổ... Tha lỗi cho cô mà đừng giận cô anh nhé... Cô sẽ mãi mãi là đứa em gái của anh...

"Anh, em hạnh phúc với Lucien lắm, anh thương em mà mừng cho em..."

Cô không biết là cô tàn nhẫn. Cô vừa nói vừa hôn lên má lên trán anh những cái hôn anh em, những cái hôn thương hại. Cô lại nói:

"Hòa bình rồi, tuy chúng em sẽ về Paris nhưng chúng em vẫn nhớ anh... Vẫn thỉnh thoảng về thăm anh, thăm núi... Nhà chúng em trên ấy, em sẽ để sẵn phòng cho anh, khi nào rảnh rang anh lên chơi với chúng em..."

Té ra cái mộng ước được vĩnh viễn sống ở vùng núi này chỉ là một cảm hứng với cảnh xuân của cô sinh viên trường văn, chỉ là một lời nói cho có nói, cho vui chuyện... Nói mà không bận tâm tới tổn thương có thể xảy ra cho người khác. Rồi anh chua chát nghĩ ai mà cần cân nhắc ngôn từ với người anh họ xa nhà quê... Hay tệ hơn nữa, cô đã không vô tâm, không ngây thơ, không hồn nhiên, mà tất cả chẳng qua là để đùa cợt... Không khí nặng nề. Sau cùng anh kết thúc câu chuyện:

"Chiều lạnh rồi, mình về thôi..."

*

Anh lầm lũi bước bên cô, đau đớn lẫn hổ thẹn trong khi hoàng hôn đổ xuống cực kỳ lộng lẫy... Chưa bao giờ anh bị con gái khước từ như vậy. Anh giỏi đủ thứ, từ làm phó-mát cho tới lợp nhà, cho tới đổ mộc, cho tới vắt sữa bò, cho tới leo núi... Anh là mơ ước của tất cả những thiếu nữ đến tuổi lấy chồng của vùng này.

Anh lánh mặt Mathilde cả tuần, cả tháng sau cuộc đi chơi băng

sơn. Nhưng anh vẫn không quên được cô. Anh muốn nghĩ tới chuyện khác mà khuôn mặt em với lọn tóc nâu lòa xòa trước vầng trán xinh, với nước da xanh mảnh dẻ của con gái thủ đô lúc nào cũng ám ảnh anh, lúc nào cũng hiển hiện ngay trước mặt... Nhất là đôi mắt, ôi đôi mắt thăm thẳm, đôi mắt đã có lần anh thấy đẹp bao nhiêu...

Bây giờ đôi mắt ấy làm anh sợ... Nó huyền bí, nó xa vời, nó đưa tới một tâm hồn có cả vạn ngóc ngách... Tia nhìn của anh rơi vào đó cũng lạc lõng như tia nắng lạc vào những ngóc ngách thâm sâu của băng sơn...

Và anh khám phá ra dàn bà là đáng sợ... Đàn bà có khả năng làm anh đau đớn thương tổn hơn cả băng sơn, cái băng sơn mà ngay cả người yêu núi như anh cũng cho là vô cùng bất ngờ, vô cùng nguy hiểm...

Cuộc sống như thế kể như là vô vọng. Không lấy được người anh yêu thì trên đời không còn gì ý nghĩa nữa. Ngoan đạo anh không dám nghĩ đến tự vẫn. Nhưng anh tình nguyện lãnh những công tác nguy hiểm cho kháng chiến, hy vọng một viên đạn của lính Đức sẽ giúp anh toại nguyện. Những lúc rảnh rỗi, tránh ngồi không, anh vác ski lên núi phóng như sao băng xuống những sườn tuyết dốc và khó nhất, vụt qua những rặng thông cổ thụ, sát sạt ven những vực thẳm không đáy, đùa giỡn với thần chết trong tuyệt vọng của thất tình...

*

Nhưng André không chết. Người chết trẻ lại là Lucien. Người sinh viên thủ đô anh hùng kháng chiến, người thanh niên tương lai đầy hứa hẹn ấy tử nạn trên băng sơn trong phi vụ cuối cùng để mang đến vùng núi này tin chiến thắng đã gần kề và giải phóng đất nước kể như trong tầm tay...

Chính André cầm đầu toán người tình nguyện đi cứu cấp chiếc máy bay lâm nạn. Lúc André tới nơi thì Lucien còn sống. Từ cửa sổ máy bay mắc kẹt trên sườn băng cheo leo, Lucien vui mừng nhoài người ra vẫy anh. André quan sát địa hình địa vật, tìm đường tới cứu người lâm nạn. Nhưng anh sắp tới nơi thì núi cựa mình. Trong khoảnh khắc, khe hở trên sườn băng khép lại, nuốt chửng chiếc máy bay lâm nạn lẫn Lucien, trong cảnh băng trượt tuyết đổ long trời lở đất...

Không còn làm gì được nữa để cứu Lucien, anh trở xuống báo tin cho Mathilde đang chờ ở một sườn núi thấp. Mathilde hét lên một

tiếng thất thanh rồi ôm lấy anh. Đau thương như những đợt sóng cồn lay động tấm thân bé nhỏ của cô em họ vừa mất vị hôn phu. "Em thù nó, em hận nó, cái núi ma quái này," cô vừa nói vừa ngước mắt nhìn lên băng sơn như nhìn một con quái vật tàn ác.

Bất giác anh ngoảnh đầu nhìn theo để ngốt người với một cảnh núi chưa bao giờ thấy. Một vùng băng tuyết tơi bời một mầu lục vẩn đục chất đầy khoảng trống giữa hai dãy núi đá, chạy thẳng tới những đám mây mù đang bao phủ ngọn núi... Hai bên và lác đác trên biển băng, những ngọn hoa cương sắc cạnh dựng lên bầu trời xám ngắt như những chiếc răng khổng lồ của quái vật. Một đám mây ngang qua mặt trời, và băng sơn đột ngột đổi thành mầu tím bầm dập tàn ác...

Anh tự trấn an rằng băng sơn dù sao cũng chỉ là đống nước đá vô tri vô giác. Nhưng anh vẫn không thoát nổi cái cảm giác sợ hãi bao la cho một cái gì vừa to lớn vừa ma quái. Một ngọn gió lạnh từ triền cao thổi xuống lạc loài trong những hành lang hoa cương và nước đá, âm thanh sầu thảm như một tiếng than vĩ dại... Anh nghĩ đến vong linh của Lucien vừa mới chết... Anh nghĩ đến những người đi núi đã tử nạn từ thuở xa xưa, từ thuở mới có núi mới có người, những hồn ma muôn đời u uẩn trong băng giá hoang vu...

Nhưng anh giật mình. Mathilde vừa gỡ khỏi vòng tay anh để chạy ra bìa núi. Anh nhào tới bắt kịp cô khi cô đang lấy đà toan lao mình xuống vực.

*

Với sự an ủi ân cần của André, Mathilde nguôi ngoai dần. Cô ở lại vùng núi dậy học tại trường tiểu học mới mở sau giải phóng, thay vì theo cha lên lại Paris. Cô muốn sống cho vùng sơn cước Lucien đã yêu mến khi anh còn sống. Cô sung sướng chăm sóc dậy dỗ những em nhỏ Lucien dã cưng như em ruột. Niềm vui của đám trẻ mỗi khi cô cho chúng kẹo lại nhắc lại những lần, nhân tiện đi công tác, Lucien mang chocolat từ Ý về đãi chúng.

André tiếp tục săn sóc cô. Với sự giúp đỡ của hoàn cảnh cùng với tấm lòng chân thành, sau cùng anh chiếm được trái tim người đẹp. Cũng vì hoàn cảnh đặc biệt ấy, chỉ hai tháng sau ngày Lucien tử nạn, đám cưới của Mathilde với André được vội vã cử hành...

Mathilde nghiêm chỉnh đón nhận cuộc sống của người vợ người mẹ miền núi, sẵn sàng hòa mình với những người vợ người mẹ trong

làng. Nàng học làm vườn, chăm sóc mấy luống rau mấy gốc táo, học làm đồ hộp để cất giữ những hoa quả mỗi mùa thu chín rộ trong vườn... Khi André mua lại dàn bò sữa, Mathilde giúp chồng trông coi xưởng phó-mát mới tái lập của gia đình. Cả cuộc sống tỉnh thành, Mathilde chỉ giữ lại cây dương cầm và một vài thói quen nhỏ, những thói quen mà André rất kiêu hãnh, như trồng hoa dọc thềm cửa sổ, như trang hoàng nhà cửa, như giữ gìn trang trại sạch sẽ ngăn nắp...

Năm tháng trôi qua, cuộc đời tiếp tục với những vui buồn bình thường, với những cưới xin, tang tóc, sinh nở...

3. Thư giãn phần nào với kỷ niệm êm đềm, cụ André Valois thoải mái duỗi chân dưới chiếc chăn trải giường mịn và sạch. Cụ cười một mình khi nghĩ đến vợ từ hồi mới lấy về đã không khoan nhượng về chuyện chồng phải rửa chân trước khi đi ngủ. Thói quen tỉnh thành sau khi đã thành lệ nơi chồng, trở thành tất nhiên với con cái...

Cụ sung sướng nghĩ đến bốn đứa con của cụ. Hai trai hai gái, tất cả đã lớn, đã thành đạt, đã theo việc theo vợ theo chồng sinh sống ở tỉnh khác. Thỉnh thoảng chúng mang bồ dàn thê tử về thăm cha mẹ... Con trai đầu là Luc, tên vợ cụ chọn khi nó chỉ mới là cái bào thai ba tháng...

Cụ Valois nằm ôn lại cái triết lý đơn giản của mình. Chúa đã thương thì việc gì rồi đâu cũng ra đấy, dù khởi đầu có khó khăn đến đâu... Cụ nheo mắt nhớ lại cái đêm tân hôn giông tố của anh chàng André năm xưa...

*

Đêm ấy, khách khứa vừa ra về, cửa buồng cô dâu vừa khép lại, Mathilde nhỏ nhẹ nói với chồng:

"Em đội ơn anh nhiều lắm. Anh đã cứu sống em. Anh hiểu hoàn cảnh em mà vẫn yêu em, vẫn muốn lấy em. Hôm nay em xin anh thêm một đặc ân. Nếu con em là trai, cho em đặt tên nó là Lucien, thân và tắt thì gọi là Luc, cũng như vị hôn phu cũ của em vậy... Đó là chuyện độc nhất em cho anh ấy, còn cả cuộc đời của em từ đây về sau là của anh."

Như bị giội gáo nước lạnh, André trách thầm Mathilde tại sao lại nhắc đến chuyện này ngay giây phút này. Để làm gì, khi anh đã hứa

với Mathilde tất cả những điều ấy. Anh còn hứa với Mathilde nhiều hơn thế nữa, cả những điều Mathilde không đòi mà cũng không xin...

Khoan dung độ lượng, anh lại nghĩ phải chăng anh chưa tạo đủ lòng tin vững vàng nơi vợ. Xót xa lẫn yêu thương say đắm, anh lại hứa lại tất cả. Tất nhiên rồi, anh sẽ đặt tên nó là Lucien. Không những anh nhận nó là con, mà anh sẽ thương nó hơn là tình cha con máu mủ... Đúng, hai vợ chồng phải thương yêu nó hơn những đứa khác, vì nó thiệt thòi nhất nhà... Và bao giờ nó mười tám tuổi, anh sẽ cho nó biết sự thật, để công bằng với nó, công bằng với Lucien bạn anh... Anh lại dề nghị đưa vợ lên Paris sống những tháng thai nghén cuối cùng, để ngày sanh quá sớm của đứa bé không tạo nên dị nghị trong cái làng núi bé nhỏ này...

Anh nhìn bụng vợ. Mathilde chửa gọn trông như không chửa, thân hình vẫn phẳng vẫn mịn màng với những đường cong mỹ miều. Anh thấy vợ rất đẹp rất thon thả, và anh nghĩ đến cái thon thả của một con hoẵng hay của một con ngựa non.

Mathilde cầm tay anh đặt vào cái bào thai ba tháng. "Con nó đây," Mathilde nói. Anh ngạc nhiên thấy tử cung vợ nhỏ hơn anh tưởng, chỉ bằng cỡ quả táo. Đầu óc anh trống không, không thương mà cũng không ghét. Anh chỉ thấy dửng dưng, chỉ ngạc nhiên với cái yếu đuối hoàn toàn không chút tự vệ của sinh mạng mới phôi thai này.

Rồi anh ghi nhận đây là lý do làm dời Mathilde dang dở, lý do dã làm nàng muốn nhẩy xuống núi tự vận. Anh bỗng thấy Lucien vô trách nhiệm, ra đi để lại bao nhiêu khó khăn cho vợ anh.

Anh chợt nghĩ tại sao chưa bao giờ vợ anh nói đến phá thai... Tất nhiên là không dễ, nhưng với khả năng với quen biết của chú Francois, sự việc có thể tiến hành một cách an toàn bảo đảm... Mà cái thai còn sớm lắm... Ngay bây giờ, trong lòng bàn tay leo núi rắn chắc của anh, đời sống trứng nước này dễ vỡ như cái bọt xà-phòng.

Anh lại nghĩ cái mạng sống chưa thành mạng sống này nếu biến đi thì đời sống Mathilde, đời sống của anh toàn vẹn biết chừng nào... Rồi anh hoảng sợ với cái lối suy nghĩ thiếu đạo lý của mình... Lại vô lý nữa, anh biết chỉ vì muốn giữ cái thai mà Mathilde bằng lòng lấy anh...

"Em cảm ơn anh, anh yêu của em..."

Mathilde vừa nói vừa kéo chồng xuống hôn. Lời Mathilde đem lại

những thanh thoát độ lượng nơi anh. Anh nhớ lại lời cha Paul, cha xứ của giáo khu, khi anh tâm sự với người, và anh thấy rõ cái thai là đứng thương, là giọt máu của bạn anh, là con đầu lòng của vợ anh, là giường mối cho hôn nhân anh. Cha Paul đã rất đúng khi giảng cho anh là yêu thương nó, anh giữ được tiếng tăm cho bạn cũ cũng như bảo vệ được mạng sống cho hai mẹ con người đàn bà anh yêu. Tắt đèn, anh hôn vợ, trang trọng và gượng nhẹ bắt đầu cuộc sống vợ chồng với Mathilde trong tình thương độ lượng bao la của Phúc Âm...

*

André rộng lượng, nhưng có cái gì thâm sâu trong anh không chấp nhận nổi sự rộng lượng của anh. Gần về sáng anh rơi vào cơn ác mộng. Anh thấy anh đang nắn cái bào thai ba tháng của vợ, bàn tay anh bỗng rát bỏng như cầm phải lửa. Năm ngón tay anh run run quắp lại, thoát ra khỏi sự kiểm soát của lý trí để biến thành một chiếc kìm thép. Một ma lực xúi anh bóp nát cái mầm sống mới còn trứng nước. Mồ hôi nhớp nháp ướt lòng bàn tay, ý đồ tội lỗi như ứa ra từ mỗi lỗ chân lông. May có cha Paul từ đâu tới can thiệp anh mới không thực hiện mưu toan đen tối...

Rồi anh lại mơ trong đêm tân hôn, Mathilde cùng một lúc làm vợ với cả hai người đàn ông. Khởi đầu là Lucien mặc quần phục phi công, mặt buồn rười rượi, đứng chứng kiến cảnh chăn gối của vợ chồng anh... Đến lượt Lucien chủ động trong một diễn tiến khác của cơn ác mộng, André như bị bóng đè, nằm tê liệt chứng kiến nghịch cảnh... Mới đầu anh không thấy ghen, chỉ thấy những động tác sinh lý thúc bách dồn dập của Lucien như thấy chính mình trong gương, không ngờ đàn ông khi làm tình lại xấu xí thảm thương đến thế... Rồi cơn ghen tàn khốc xâm chiếm lấy anh khi thấy khuôn mặt xinh đẹp của vợ nhễ nhại mồ hôi, đôi mắt nhắm nghiền, cái miệng hé mở để lộ hàm răng trắng đều như hạt bắp non. Bất thần, nét thư giãn khả ố hiện ra trên mặt, Mathilde mở mắt quay sang anh khẽ nói cái câu nàng nói hôm đã lâu khi từ chối lời cầu hôn của anh...

"Em hạnh phúc với Lucien lắm, anh hiểu mà mừng cho em."

André vùng dậy, với khẩu súng đầu giường, lên đạn và nhắm vào đầu tình địch bóp cò. Chết hụt, Lucien chạy trốn lên băng sơn, leo vào chiếc máy bay đậu sẵn, mở máy toan trốn... Như đáp ứng với mong ước của André, băng tuyết bỗng đổ tới bời như cảnh tai nạn thật André

đã chứng kiến, và băng sơn cựa mình nuốt chửng cả phi cơ lẫn phi công...

*

André thức giấc trong vòng tay vợ, mồ hôi đầm đìa. Mathilde bật đèn nhìn chồng. Trong mắt vợ, anh chỉ thấy lo lắng và trong sạch. Không dám trực diện nàng, anh quay mặt đi. Anh lẫn lộn mơ với thực, hoang mang với chính bản thân. Anh hồ nghi không biết việc cầu mong cho Lucien tử nạn chỉ xảy ra khi nằm mê, hay đã có ngay cả trong đời sống thật lúc anh đi tiếp cứu bạn.

Anh nói dối vợ là anh nằm mơ lên núi săn gấu ngựa, súng kẹt đạn, bị anh gấu lùa suýt chết. Nói xong, anh khốn khổ vì thấy mình dối trá. Anh vờ nhắm mắt ngủ, nhưng thực ra anh thao thức đến sáng, mệt mỏi tủi nhục với nghịch cảnh, xấu hổ với những ngõ ngách thâm sâu dung tục của chính tâm hồn mình...

Anh thấy mọi việc đen tối. Anh nghĩ chẳng qua là bản tính anh tàn ác... Còn nữa, nó thô lậu dung tục, thuở thiếu thời quê mùa lại quá gần gũi với thiên nhiên... Đầu óc anh dâm ô chẳng qua là tại những cảnh trống mái đực cái của muông thú trong núi hay của gia súc trong nông trại... Anh hổ thẹn nghĩ lại những lần cậu bé André chui vào bụi rậm rình mò cặp thỏ làm tình, hay những lần dẫn bò cái của trang trại lên sở canh nông lấy giống... Anh không còn thấy cái hồn nhiên thơ ngây của thôn dã, mà chỉ thấy anh xấu xa không xứng đáng, và anh ao ước giá anh được hưởng cuộc sống sang trọng kiểu cách của những người thành thị giầu sang như Lucien, như chú Franois, như vợ anh... Khốn khổ hơn nữa, anh nghi ngờ chính anh đã không hết tâm hết sức cứu bạn khi bạn lâm nạn trên núi... Không thành lời mà cũng không thành ý, tiềm thức anh đã nhờ băng sơn chôn sống bạn...

Tối hôm sau cũng như những tối sau nữa, vẫn cơn ác mộng cũ trở lại dầy vò anh. Anh tìm tới cha Paul. Anh năn nỉ cha:

"Con lạy cha, cha giúp con cầu nguyện để những ám ảnh này không phá hủy hạnh phúc của chúng con..."

Cha giảng cho anh những lời giảng về tình thương, về độ lượng, về những gian nan hèn mọn tổ tông của kiếp người... Cha giảng cho anh cái xấu cái đẹp của tấm thân nặn từ cát bụi... Cha truyền cho anh niềm tin nơi hơi sống thánh thiện Chúa đã thổi vào mỗi con người...

"Con ạ," cha Paul nói, "những chuyện con nằm mê phần lớn

chẳng có gì xấu xa... Quả thật ngày xưa Mathilde có yêu Lucien và bây giờ nàng yêu con... Thú vật và con người làm tình vì tình yêu vì nhu cầu sinh con đẻ cái là đúng với ý Chúa... Chỉ có điều quỷ dữ muốn phá hoại cuộc sống Chúa ban cho chúng ta, xáo trộn thứ tự và ý nghĩa sự việc trong cơn ác mộng mà nó gài vào tâm hồn con...

"Còn nữa, không phải một mình con đi cứu Lucien hôm ấy. Trong kíp con còn có những người khác leo núi giỏi xấp xỉ bằng con, và họ hoàn toàn đồng ý là con đã liết mình. Chính con cũng suýt chết vì băng sụp mà. Đừng tuyệt vọng mà cũng đừng để cho quỷ nó thắng."

Anh uống những lời cha giảng như người chết khát gặp nước... Và dần dà anh thoát khỏi cơn ác mộng.

*

Mọi chuyện tạm yên đến khi vợ sanh con đầu lòng. Tâm bệnh cũ lại tái phát, những cơn ghen ngầm lại hành hạ anh. Như đã hẹn với vợ, anh bán mấy mẫu đất lấy tiền đưa vợ lên Paris trước ngày sanh cả tháng. Anh đợi khi Luc cứng cát mới đưa vợ con về làng. Vậy mà cũng không ổn. Khách khứa đến thăm với lòng chân thành mà André cứ tưởng tượng ra những mai mỉa châm biếm. Anh thấy xiên xỏ trong những câu nói, những cái nhìn, những nụ cười thật ra vô tâm hồn nhiên. Có ai thật tình khen thằng bé khấu khỉnh, anh lại nghĩ họ đang chế giễu cái nghịch cảnh của anh.

Mặt khác, anh vẫn yêu Mathilde tha thiết, với tất cả cái đầu, tất cả trái tim, tất cả phủ tạng. Nhiều khi đang dẫn khách hàng trèo núi, giữa triền tuyết phủ anh nhớ Mathilde da diết, tựa hồ như anh thiếu một phần của chính thân anh, tựa hồ như anh bỏ quên cái tay cái chân ở nhà... Vậy mà gần vợ con, anh lại khốn khổ... Yêu dương vợ chồng trở thành một sự dầy vò, hoan lạc đam mê lẫn lộn với hung bạo và mặc cảm... Thay vì cho và nhận, ái ân với vợ trở thành chuyện được thua với tình địch đã quá cố, chuyện giằng lại một cái gì từ Lucien để trả thù y đã cướp của anh đứa con đầu lòng.

Trong bối cảnh ấy, giấc mơ dung tục thô bạo lại tái phát. Anh lại tìm đến cầu cứu cha Paul. Cha hiểu đời hiểu người, một lần nữa cha đã cứu rỗi anh.

Cha dậy anh là Chúa trao cho anh nuôi nấng đứa bé này. Chúa đặt nó trên ngưỡng cửa nhà anh, vì Chúa đã chọn anh, đã tin anh hơn tin người khác... Anh phải kiêu hãnh với sự chọn lựa của Ngài... Anh thưa

với cha sao cái thánh giá Chúa cho anh quá nặng... Anh chỉ muốn thương yêu, anh chỉ muốn độ lượng, mà sao cái thương yêu cái độ lượng ấy lại bắt anh phải đối trá, phải tủi nhục...

Cha Paul ôn tồn bảo anh:

"Cha biết con leo núi, và cha đoán con đã gặp không thiếu cảnh hiểm nghèo. Con hãy kể cùng cha. Những lúc cheo leo trên bờ vực thẳm, có bao giờ con cảm thấy con đã gắng hết sức mình, con đã dùng đến hết cả mười phần cố gắng mà vẫn chưa đủ, vì muốn tới chỗ an toàn con phải dùng mười một phần mười sức bình sinh của con?"

Chất phác không hiểu ý cha, anh thành thật trả lời:

"Dạ có. Leo núi là phải như vậy."

Cha vui vẻ nói:

"Cha biết bao giờ con cũng làm được như vậy. Vì con đã sống sót và đang ngồi đây trước mặt cha. Vậy thì hoàn cảnh con bây giờ, cha cũng khuyên con cứ vậy mà làm, nên cố gắng mười một phần mười sức lực của con. Công việc đáng làm. Nếu con làm được, không phải chỉ mình con được an bình, mà vợ con, con con cũng theo con mà được an bình..."

Anh nghe lời cha Paul, cố gắng mười một phần mười khả năng của anh trong đời sống hằng ngày. Mầu nhiệm thay, cuộc sống sáng sủa dần. Anh giữ được lời hứa với vợ, chăm lo cho Luc cũng như những đứa con ruột của anh.

*

Anh được đền bù theo đúng tinh thần Phúc Âm cha đã giảng cho anh. Đứa bé lớn lên thông minh đĩnh ngộ. Nó giống mẹ và trông không có gì lạc lõng giữa các em nó.

Dù có muốn anh cũng không thể không thương Luc. Nó theo anh, quyến luyến anh, thán phục anh, lúc nào cũng gắng sức để làm anh vừa lòng. Nó thương anh hơn cả đám con ruột của anh. Có kẹo bánh, nó bao giờ cũng để phần bố. Lớn lên, nó ham săn bắn và leo núi như bố. Những tháng hè rảnh rỗi, Luc theo anh thám hiểm những lối khác nhau để lên đỉnh này đỉnh nọ của rặng núi Alpes trong vùng... Nó thờ ơ với cây đàn dương cầm mà mẹ nó muốn tất cả các con phải tập. Cây súng bắn hơi đầu tiên anh mua cho con hồi nó mười hai tuổi, Luc giữ như một bảo vật. Con nai đầu tiên hai bố con bắn được năm nó mười sáu tuổi là một thành tích không bao giờ nó quên. Cái sừng con nai

ấy làm thành dao dọc giấy bây giờ còn chưng ở bàn làm việc của nó. Mỗi dịp cuối thu, nó giúp anh bửa củi đem xếp thành từng chồng dọc hè và sát lò sưởi để đốt dần trong những tháng lạnh. Chuyện gì hai bố con cũng có nhau...

Đến tuổi lên đại học, Luc không chịu lên Paris mà chọn đại học Grenoble để học ngành y. "Gần nhà sướng hơn," nó bảo. "Con lên Paris, ai đi leo núi với bố..."

Hạnh phúc của anh chỉ còn một gợn nhỏ. Đó là nụ cười của con. Nó cười với hai hàm răng trắng, cái miệng vừa tươi vừa rộng, vẻ sảng khoái làm gương mặt trẻ trung của thằng bé sáng lên như gương mặt thiên thần. Thật ra không phải bao giờ Luc cũng cười như vậy. Nụ cười ấy, anh chỉ thấy nó cười khi gặp chuyện gì thật ưng ý. Nhưng mỗi lần nó cười như vậy, tất cả những nét giống mẹ của nó vụt biến hình, và anh có cảm tưởng như Lucien đang đứng trước mặt anh.

Những khi ấy, anh thấy nhói nơi tim, và tất cả những gì anh không muốn nhớ hiện về bắt anh phải nhớ. Và anh nhớ là hàng năm đến ngày giỗ của Lucien, Mathilde lặng lẽ lên núi đặt một vòng hoa ở chân băng sơn, thản nhiên như có việc phải xuống phố mua sắm đồ cho trang trại... Là Mathilde có những đêm mất ngủ lặng lẽ ra ban-công ngồi nhìn núi... Là vợ anh dù đầy đủ bổn phận thường lệ với anh với các con, vẫn giữ riêng một phần sâu kín cho riêng nàng, cũng bí mật cũng sâu kín như những ngóc ngách trong lòng băng sơn, những ngóc ngách anh chỉ có một ý niệm mơ hồ qua những mẩu vụn vặt khi vợ nói mê...

4. Anh chỉ được giải phóng khỏi những u ẩn ấy hôm sinh nhật thứ mười tám của con. Nó đã học năm thứ nhất y khoa, đang nghỉ lễ Phục Sinh ở nhà. Anh muốn làm với con một chuyện gì đáng ghi nhớ. Anh rủ con thi hành một cuộc leo núi đặc biệt, mục tiêu là một đỉnh vắng vẻ của núi Alpes. Tuy không hẳn là một kỷ lục, nhưng đỉnh khá cao và anh nghĩ chưa có ai đặt chân lên tuyết vạn niên trên ấy.

Cuộc leo núi khó khăn. Gió thổi mạnh, vách đá trơn tuột. Chưa bao giờ sinh mạng hai cha con lại dính liền với nhau mật thiết như vậy. Sợi dây chung buộc vào những vách đá cheo leo còn vững chãi hơn mọi ràng buộc mọi liên hệ trên đời. Anh và Luc, người nọ dựa vào người kia mà hoàn toàn an ninh trong những tư thế vô cùng nguy hiểm. Một lỗi lầm nhỏ của bất cứ ai cũng đưa tới mạng vong cho cả

hai. Nhiều lúc gần như đã phải bỏ cuộc, nhưng với cố gắng mười một phần mười khả năng, hai cha con tới được mục tiêu.

*

Khi anh và Luc lên tới đỉnh thì mặt trời sáng rực trên nền trời xanh biếc. Tầm mắt nhìn ra bao la một vùng đá và tuyết. Không khí trong loãng làm hai cha con ngây ngất trong cảnh trời đất bao la.

Đỉnh núi, như mũi kim nhọn khi nhìn lên từ dưới đồng bằng, giờ đây là một khoảng rộng cỡ chiếc sân. Gió đã đựng lên trên tuyết mịn từ bao giờ những gò đống nhỏ, cái thì tròn cái thì thuẫn, ráp lại với nhau theo những đường cong nõn nà mịn màng như thịt da người. Hiếm ai được thấy núi theo góc độ này.

Kiêu hãnh, anh bước tới đạp mạnh xuống ngay đỉnh núi, cái đạp chắc chắn của kẻ chinh phục. Anh nghe chân anh lún sâu xuống tuyết mịn mềm mại trinh nguyên. Anh thấy núi như sống động, như có hồn... Mới lúc trước còn khó khăn, chống đối, kiêu kỳ, nguy hiểm... nhưng giờ đây đã được chinh phục, núi nằm ngoan ngoãn dưới chân anh, thụ động, êm ấm, mềm mại, phục tùng... Một so sánh vô lý và bất thường hiện ra trong đầu anh... Anh có cảm giác đang dẫm lên mình núi, lên da thịt của núi, và khi chân anh chạm tới lớp băng cứng dưới đáy, anh tưởng như đã vào sâu đến tận xương cùng xương cụt của núi... Hoan lạc tỏa ra châu thân, anh nghĩ đến những người đàn bà đã chung chạ với anh, anh nghĩ đến vợ, đến Mathilde...

Luc tới đứng trước mặt anh. Anh cười với con, chia sẻ với nó giây phút vinh quang rất riêng tư của những người leo núi. Luc bắt chước bố dẫm mạnh xuống gò tuyết trước mặt nó. Chân giầy leo núi của nó đâm thẳng xuống, thật bạo, thật sâu, và mặt tuyết khum khum mịn màng ôm lấy ống chân nó, nõn nà, khít khao, trắng ngần. Hình ảnh trước mặt có cái gì nam nữ, có cái gì phủ tạng, có cái gì phũ phàng... Anh đụi mắt... Hình ảnh mới thấy lần đầu mà quen thuộc như hiện ra từ tiềm thức, từ mộng mị.

Luc cười với anh nụ cười đặc biệt của nó, miệng mở rộng khoe hai hàm răng trắng muốt đầy sinh lực. Những nét thường ngày giống mẹ lại vụt nhạt đi nhường chỗ cho khuôn mặt khôi ngô của Lucien hiện về. Mắt André mờ đi. Anh bỗng thấy giây phút vinh quang này, không phải là anh đang chia sẻ với con, mà với chính Lucien, người phi công kháng chiến, người sinh viên thủ đô học thức, vị hôn phu cũ của Mathilde... Lucien đang chia sẻ với anh trái núi đã hiện hồn thành

người, một lúc đón nhận sự chinh phục của cả hai người đàn ông... Anh chưa nghĩ đến ghen tuông... Anh chỉ thấy ngỡ ngàng, thấy gần gũi với Lucien trong cái tình đồng đội, cái tình anh em, cái tình đồng dẳng của đàn ông... Rồi bão tố bỗng nổi dậy trong anh... Ác mộng cũ đêm tân hôn hiện về như một cuốn phim quay nhanh, với tất cả những tình tiết dung tục nghịch cảnh nghịch lý, lẫn lộn với hình ảnh ống chân của Luc cắm sâu xuống gò tuyết khum khum mịn màng như thịt da người.

"Ba, hai ba con mình..."

Luc không nói hết câu, chạy tới ôm bố. Như tỉnh cơn mê, anh sững sờ ôm lấy con. Anh nghe tình cha con truyền từ Luc sang anh, cái tình không mảy may tính toán, không mảy may vụ lợi. Vòng tay con như vắt ra khỏi anh tất cả những khốn khổ, những ghen tuông dày vò. Mặc cho Lucien, mặc cho quá khứ vị lai, mặc cho Mathilde, mặc cái hỗn mang của tâm hồn, anh ôm chặt lấy con và anh nghe trong lòng giạt dào thương yêu...

*

"Mình về thôi, kẻo mẹ đợi..." anh bảo con.

"Khoan," Luc nói. "Để cha con mình tặng mẹ đỉnh núi này."

Nó lấy móc sắt leo núi nắn nót viết tên mẹ nó lên tuyết.

"Mathilde Valois," anh lẩm nhẩm đọc.

Lần đầu tiên, anh nghĩ Mathilde hoàn toàn thuộc về anh, không phải theo một ngả tâm lý phức tạp, mà qua thằng Luc... Anh thấy lòng thanh thản... Nhưng tại sao, anh mơ hồ tự hỏi. Ý nghĩ ngọn núi bị chinh phục lúc nãy đã tạo ra trong đầu anh những hình ảnh còn dung tục bội phần so với cơn ác mộng của quá khứ. Phải chăng anh đã lãnh hội được một chân lý gì quan trọng lớn lao lắm. Hay là cái to rộng của trái núi khi phóng đại cái dung tục lên một tầm mức bao la như vũ trụ đã thanh lọc đi những uẩn ức những xấu hổ của anh.

Anh thấy chóng mặt, những nửa chân lý ẩn hiện trong những ngõ ngách của trí tuệ cũng huyền bí như những ngõ ngách trong ruột băng sơn. Anh nhớ đến lời cha Paul. Cuộc sống đẹp lắm, chỉ xấu xa khi bàn tay của quỷ dữ dính vào để xáo trộn thứ tự cũng như ý nghĩa của sự việc. Cái dứt khoát của cha Paul về xấu tốt làm anh ấm lòng.

Anh ôm vai con trên quãng đường phẳng dẫn tới chỗ đậu xe. Anh biết rõ là anh đã được giải phóng, và Luc sẽ là con anh, dù nụ cười

của nó có giống nụ cười của Lucien, dù thỉnh thoảng cơn ác mộng đêm tân hôn có trở về, dù tối nay cơm nước xong anh sẽ cho nó biết gốc nguồn của nó. Hai cha con anh sẽ bị xúc động, có thể bị thương tổn vì xúc động ấy, nhưng anh biết cả hai sẽ hồi phục và anh sẽ không mất con.

*

Tối hôm ấy, trong buổi tiệc sinh nhật thứ mười tám của nó, trên ngưỡng cửa của trưởng thành, Luc đứng lên cảm ơn bố mẹ. Mắt còn long lanh cái sinh lực của một ngày phơi nắng và gió núi, nó tóm tắt kể lại cuộc trèo núi của hai bố con... Nó kết luận:

"Con cảm ơn Chúa đã cho con một người cha như ba, và không thể tưởng tượng đời con sẽ ra sao, nếu con không được làm con ba..."

Anh biết anh không còn trì hoãn được việc tiết lộ sự thật cho con. Anh mở đầu câu chuyện khó nói:

"Luc, hôm nay con mười tám tuổi..."

Mathilde như đợi sẵn, ngắt lời anh:

"Luc. Tại sao con lại phải tưởng tượng cuộc sống của con không có ba con. Chuyện không có, tưởng tượng làm gì."

*

Đêm hôm ấy, anh hỏi vợ:

"Sao lúc nãy em ngắt lời anh? Không phải hôm nay sinh nhật nó là hôm anh phải cho nó biết sự thật sao?"

Mathilde đang phủi lại chiếc ra giường, bình thản trả lời:

"Sự thật gì nữa? Điều hiển nhiên là nó là con anh..."

5. "Bao nhiêu nước đã chẩy qua cầu kể từ hôm sinh nhật ấy," cụ Valois nằm ôn lại quá khứ. Luc học tiếp y khoa tại Grenoble, tốt nghiệp với một luận án lỗi lạc, được ở lại dậy tại trường y. Luc lấy vợ người trong vùng. Nó thường bảo cha, "Con là người miền núi mà bố. Bố con mình không có núi là không chịu được. Con thích Grenoble lắm, đứng bất cứ ở ngã ba nào, nhìn theo bất cứ dẫy phố nào cũng thấy núi cuối đường."

Mãi đến khi thăng tiến nghề nghiệp bắt buộc, Luc mới chịu dời lên dậy đại học Paris. Nhưng thời buổi văn minh tuy xa mà gần, Luc khám phá ra cái tiện lợi đặc biệt của xe lửa siêu vận tốc cho phép nó về thăm nhà thường xuyên như xưa. Cụ tính nhẩm Luc lên Paris đã

mười lăm năm rồi. Thời gian qua thiệt mau. Cụ lại nghĩ giấu nó mãi không ổn. Phải cho nó hay để nó đi đưa ma bố nó...

*

Tâm trí cụ lại trở lại với chiếc máy bay ngộ nạn gần nửa thế kỷ trước. Nó đang từ từ trở về. Gần nửa thế kỷ nay, nó vẫn âm thầm di chuyển xuống lại đồng bằng, với tốc độ mỗi năm vài trăm thước, mỗi ngày vài gang tay, mỗi giờ vài phân vài ly... Chiếc cánh quạt đã xuất hiện một tháng rồi, cuộc tái ngộ với Lucien có thể xảy ra bất cứ lúc nào...

Đã đến lúc tính sổ với Lucien, cụ nghĩ.

Rồi cụ đổi ý, cụ không có gì phải tính sổ với bạn. Cụ bao giờ cũng hết lòng với Lucien, và không ai có thể đòi hỏi gì hơn ở một đồng chí như cụ. Chính cha Paul cũng đã công nhận như vậy.

Vậy mà cụ đã tính sổ suốt một tháng nay, từ khi chiếc cánh quạt phi cơ xuất hiện. Cụ mắc nợ ai? Rồi cụ ghi nhận là cụ mắc nợ với chính bản thân, cái bản thân đã bao lần, trong những cuộc hành quân với nhau, nhìn trộm cái gáy mảnh dẻ của chiến hữu với những cám dỗ đen tối... Cụ ghi nhận trong lúc an ủi Mathilde những ngày sau cái chết của Lucien, cái xót xa của cụ với em với bạn pha trộn những toan tính những kế hoạch vụ lợi để làm chồng người đàn bà đau khổ. Cụ còn ghi nhận còn nhiều suy tư hắc ám khác trong tâm hồn cụ mà không ai biết... Nhưng mà cha Paul đã bảo những xấu xí ấy không xuất phát từ cụ. Cha đã dậy đó là bàn tay của quỷ dữ đã reo vào cụ những cám dỗ, để toan hại cụ, hại người, hại Chúa... Và cụ đã không để cho nó thắng cụ...

Nhưng lối nghĩ ngợi này phiền toái quá, cụ moi óc xoay tìm những điều giản dị cụ thể hơn. Nhưng cụ không kiếm được điều gì nhẹ nhàng thanh thoát... Lần thứ một trăm, cụ lại nghĩ là khuôn mặt bạn sẽ không thay đổi, sẽ không già đi một ngày kể từ khi phi cơ lâm nạn, vẫn là khuôn mặt của người sinh viên thủ đô trí thức, tài hoa, dân giỏi, học giỏi, hồn nhiên, dễ thương, hoàn toàn xứng đáng để làm chồng Mathilde hơn cụ...

Nghĩ đến vợ cụ bực mình hơn. Cụ hình dung một anh chàng Lucien khác không có xác, không có da có thịt, mà hình bóng đã được giữ cũng nguyên vẹn như vậy trong trái tim vợ cụ suốt mấy chục năm nay.

Anh ta vĩnh viễn hai mươi lăm tuổi, vĩnh viễn trẻ đẹp, vĩnh viễn được yêu... Anh chàng Lucien ấy sắp tìm lại được thân xác của mình...

*

Cụ nghĩ đến bản thân. Cụ cũng không thay đổi suốt bốn thập niên qua. Cụ vẫn là người nhà quê miền núi mới đỗ trung học đệ nhất cấp đã ở nhà giúp cha mẹ coi sóc trang trại, mặc dầu những lớp tối cụ đã lấy để mở mang kiến thức, những cuốn sách cụ đã đọc, những cố gắng văn hóa cụ đã hy vọng sẽ giúp cụ hiểu vợ. Mấy tháng trên Paris dợi vợ sanh, cụ đã đi coi kịch, đi nghe nhạc, thậm chí đã vào những viện bảo tàng xem tranh. Nhưng những sách vở ấy, những kịch nhạc ấy, những tranh ảnh ấy, tất cả đã không thay đổi được gì sâu xa nơi cụ.

Cụ vẫn không thích những cuốn truyện vợ thích, không xúc động với những bản nhạc dương cầm vợ vẫn dậy con gái hay song diễn với con trên phím đàn. Nghe vợ đàn hay đi nghe hòa tấu với vợ, cụ không thể chú tâm thưởng thức, tâm hồn lông bông tìm trong ký ức tiếng chim hót hay tiếng suối reo trên núi. Hạnh phúc của cụ vẫn là ngồi quanh lò sưởi với bạn hơ chẩy tảng pho mát Beaufort lên lửa để ăn với bánh mì cắt sẵn trong món raclette đặc sản...

Thay đổi độc nhất nơi cụ là thói quen phân tích mọi chuyện. Nhưng cụ biết cái phân tích ấy không phải vì kiến thức, mà chính vì bị tổn thương mà có. Một sinh vật lành mạnh không hề nghĩ đến bản thân. Con chó săn của cụ ngày bé, mãi đến khi cắn nhau với chó rừng mới có thói quen quay đầu lại liếm vết thương cũ nơi vai, cái vết thương tuy đã lành da nhưng mỗi khi trở giời vẫn còn hành hạ nó.

Ý nghĩ đen tối đưa tới cái nhận định bệnh lý về bản thân, về tuổi già suy nhược. Về diện này cụ thay đổi nhiều quá. Đầu gối cụ lại thoáng đau nhức... Cụ biết tóc cụ đã bạc trắng như cước, da cụ đã nhăn nheo, và mắt cụ đã mờ dù có đeo kính cũng không đọc được những tin tức in bằng chữ nhỏ trên tờ La Gazette Montagnarde của làng... Và mùa hè vừa qua, dẫn cháu lên núi câu cá đã làm cụ tức ngực, mặc dầu cái dốc dẫn đến suối thấm gì với những vách đá cụ đã leo năm xưa... Cái thân xác cuối đời của cụ xấu xí và méo mó quá so với cái xác chết trẻ của Lucien...

Cụ bỗng thấy thiếu thốn cái gì trong cái khoảng không gian bé tí giữa chăn êm nệm ấm... Quá ấm, và cụ ngứa ngáy sau lưng. Cụ không buồn gãi, cụ biết có gãi cũng không với tới được cái khoảng da giữa hai xương vai... Phải rồi, cụ thiếu những cái không với được, không

hẳn ở giữa hai xương vai, nhưng ở một vùng không với được của tâm hồn.

Đồng hồ đánh tám tiếng, cụ nghe Mathilde từ ban-công mở cửa trở vào. Một gọn gió lùa nhỏ rồi căn phòng lại ấm trở lại. Rồi cụ nghe Mathilde lục cục trong bếp, chắc đang đun sữa hay rán thịt. Quả như rằng, lát sau cụ ngửi thấy mùi xúc xích. Sau cùng cụ đã tìm ra một điều tươi sáng để nghĩ. Mathilde không bao giờ quên những tập tục hằng ngày của đời sống vợ chồng.

*

Cụ nhổm ra khỏi giường bước vào phòng tắm sửa soạn. Cụ biết Mathilde nghe tiếng cụ xối nước là bắt đầu nướng bánh mì, và cụ tắm xong là bữa điểm tâm sẵn sàng. Cuộc đời vợ chồng mấy chục năm nay đã là như vậy.

Cụ vặn nước, đưa tay lên chiếc bát sứ vuông đựng xà-phòng gắn trên vách nhà tắm. Cụ biết bao giờ cụ cũng kiếm được bánh cadum ở đấy. Không thể cho cụ tình yêu nồng cháy đam mê, Mathilde đã lập tâm đền bù cho cụ những cái bình thường êm ả.

Nhưng hôm nay bàn tay cụ hụt hẫng. Chiếc bát đựng xà-phòng trống trơn, chỉ còn một mảnh vụn bé và mỏng như chiếc lưỡi dao cạo Gillette ở sát đáy. Cụ cẩn thận lấy nó ra xoa lên người, nhưng miếng xà-phòng quá mỏng tuột khỏi tay cụ trôi theo nước xuống cống. Cụ nhìn quanh, thấy không có bánh xà-phòng mới nào khác. Thế là cụ phải tắm nước không.

Vừa kỳ cọ tay không, cụ vừa suy nghĩ. Chưa bao giờ Mathilde lại quên như vậy. Rồi cụ nhớ lại cả tháng nay, Mathilde còn quên nhiều chuyện khác nữa. Không có chuyện gì quan trọng, đại để như ra khỏi nhà rồi không chắc đã tắt bếp chưa, cho muối vào xúp rồi mà có khi không nhớ...

Vợ cụ bình thường không nhớ nhớ quên quên như vậy. Tất cả vấn đề bắt đầu từ khi băng sơn trả lại chiếc cánh quạt phi cơ. Mathilde không nhắc đến Lucien trong câu chuyện với chồng, nhưng cụ biết vợ bây giờ ngày đêm ám ảnh với chuyện đó. Thật ra từ xưa đến nay Mathilde vẫn âm thầm nghĩ đến Lucien, chỉ có điều gần đây cái nghĩ ấy mới phát hiện ra. Phát hiện một cách vô duyên. Cụ nhăn mặt nghĩ tới những thay đổi của vợ. Không những Mathilde quên quên nhớ nhớ,

mà làm dáng hơn, trẻ hơn từ trong giọng nói, trong ánh mắt... Khi thì bồn chồn khắc khoải, khi thì vui vẻ không có lý do...

Cụ cau mày lẩm nhẩm, "Làm gì mà phải như vậy. Chẳng qua chỉ là cái xác không hồn." Nhưng cụ tự thú nhận là cụ sai. Cái xác Lucien tuy không hồn nhưng vẫn giữ được nguyên vẹn một mảnh mùa xuân của Mathilde. Ý niệm một mùa xuân thứ hai nơi vợ, ý niệm hồi xuân làm cụ khó chịu. Hai chữ 'hồi xuân' ở người nữ nghe sao lố bịch... Nó nặng nề tính chất bản năng, và cụ bỗng thấy cái bồn chồn khắc khoải của vợ cũng đầy bản năng như cái bồn chồn của thiên nhiên mỗi khi xuân về trên núi.

*

Sau cùng cụ cũng tắm xong. Tắm xong mà cứ tưởng như vẫn chưa tắm, cụ thấy thiếu cảm giác đầy đủ thường lệ, những cái không đâu như một chút bọt xà-phòng dính trong lỗ tai phải lấy bông gòn thấm cho sạch mới hết lèo xèo...

Cụ hy vọng buổi ăn sáng hôm nay sẽ bình thường và Mathilde sẽ không quên một chi tiết dù nhỏ nhoi nào nữa của đời sống bình thường. Sẽ không có chuyện hết bơ hết đường, hay quên mua cà-phê mới xay và phải dùng Nescafé thay thế.

Cụ chợt nghĩ có thể sẽ thiếu cà-phê tươi. Lúc trong buồng tắm cụ không nhớ đã ngửi thấy mùi thơm của cà-phê mới pha. Bát Nescafé sáng nay trên bàn điểm tâm sẽ tai hại lắm. Phối hợp với bồn tắm hết xà-phòng, nó sẽ hoàn toàn hủy diệt một ngày bình an của cụ ngay từ lúc bình minh. Cụ không muốn ghi nhận là cụ mơ hồ mong vợ sẽ thiếu cà-phê tươi sáng nay để có cụ cớ nuôi dưỡng cái căng thẳng của cụ...

*

"Anh ra ăn sáng."

Cụ nghe tiếng vợ từ nhà bếp vọng vào. Cụ đã lập tâm. Nếu Mathilde có quên chuyện gì trong bữa điểm tâm này, cụ sẽ không để những điều nhỏ nhặt làm cụ khốn khổ.

Ra đến bếp, cụ biết cụ lầm. Ấm cà-phê mới pha trên lò bốc mùi thơm phức. Mathilde rót cà-phê ra bát. Cụ nhìn bàn ăn, thấy bữa ăn sáng hôm nay thịnh soạn. Ngoài cà-phê bánh mì nướng và mứt trái cây, còn có trứng rán và xúc xích. Lại có khăn ăn vải trắng thêu trắng, bộ khăn ăn hai vợ chồng mua một hôm đi du lịch miền Brugges. Rồi cụ nhớ hôm nay là chủ nhật, và bữa điểm tâm sáng nay đặc biệt như

thường lệ. Cụ nhìn vợ. Mathilde đã thay quần áo sẵn để ăn sáng xong hai vợ chồng đi nhà thờ.

"Sáng nay chủ nhật đầu tháng, anh nhớ mang tiền đi để xin lễ với cha," Mathilde nhắc chồng.

Mathilde cũng như cụ có nhiều cảm tình với vị cha xứ trẻ mới tới nhậm chức. Cha Jean hăng say thi hành những cải cách tiến bộ trong giáo khu, và hai vợ chồng vẫn ái ngại cho lợi nhuận của cha quá khiêm tốn so với những chi phí cần thiết. Cụ nhìn nhận là hai vợ chồng đều ít nhiều có óc xã hội. Thật ra cụ và Mathilde cũng có nhiều điểm tâm đầu ý hợp.

Cụ nhìn vợ, thấy vợ trong sáng và tươi mát. Cụ nhìn ra cửa sổ, thấy trời quang đãng và núi Alpes lộng lẫy dưới ánh bình minh.

Cụ cúi xuống cắt miếng xúc xích thơm ngon trong đĩa, ghi nhận là cụ nhỏ nhen tỉ mẩn. Từ bao giờ cụ đã quan trọng hóa từ bồn tắm hết xà-phòng cho đến bát Nescafé nóng tạm một bữa điểm tâm vì lỡ hết cà-phê mới xay. Cụ không nhận ra cụ qua những nhỏ nhen đó. Nhưng tại sao cụ lại khốn khổ đến thế này? Phải chăng cụ đã quá ghen. Thật là khôi hài, cụ ghen cả với người đã chết...

Cụ tính nhẩm. Không biết khi Lucien lâm nạn thì cái cánh quạt văng đi cách buồng lái bao xa, vài thước hay vài chục thước. Và bao giờ đến lần thân xác Lucien xuất hiện, vài tuần, hay vài tháng, hay cả năm. Cụ không thể chịu đựng sự chờ đợi này lâu hơn nữa. Cụ nghe bên Mỹ người ta có những phương tiện máy móc để làm băng tan mau hơn. Giá cụ có kỹ thuật tối tân ấy để chấm dứt cái nhức nhối này.

6. Một tháng trôi qua, sau cùng băng sơn trả lại xác Lucien ở chỗ giáp với cánh đồng. Đám tang được cử hành trọng thể, xứng đáng cho một liệt sĩ. Cụ Valois dậy sửa soạn từ sớm để kịp đưa vợ xuống thung lũng dự tang lễ tại nhà thờ.

"Hôm nay nhất định phải cho con nó hay thôi. Dù sao cũng là đám ma của bố nó..." Mathilde lại dặn chồng.

Cụ nghĩ Mathilde vẫn là Mathilde, nhiều khi tế nhị mà nhiều khi vô ý tứ đến chỗ vụng về. Hai vợ chồng đã bàn và đã đồng ý là phải cho Luc biết rõ gốc nguồn của nó trước khi tang lễ của cha nó cử hành. Sáng hôm qua, sau khi biết rõ giờ giấc, cụ đã gọi điện thoại cho con ngay để dặn nó thế nào cũng phải về. Tất nhiên là cụ không thể nói

câu chuyện quan trọng và tế nhị ở điện thoại. Nhưng cụ đã căn dặn con, "Bác Lucien quan trọng với gia đình mình lắm. Bạn thân của ba, sống chết có nhau, quen biết từ hồi con chưa đẻ... Thế nào cũng mang mẹ nó và thằng Guy về luôn..."

Nhưng cụ lại nghĩ vợ sốt ruột cũng có lý, chính cụ cũng hơi lo vì nhớ lại giọng Luc ở điện thoại, cụ cảm tưởng con cụ vẫn chưa lãnh hội được tầm quan trọng của sự việc. Lẽ ra cụ phải nói rõ hơn...

Cụ chỉ khó chịu vì Mathilde tuy luôn miệng giục cụ mà bản thân lại dềnh dàng. Cụ quần áo sẵn sàng cả mười phút rồi mà vợ vẫn còn sửa soạn trước gương. Lâu lắm vợ cụ mới chăm sóc mái tóc như vậy. "Gia đình anh ấy có mặt, thế nào cũng phải chào hỏi người ta," Mathilde đã nói với cụ chiều qua khi xuống phố làm tóc.

Cụ ngắm vợ. Thuốc nhuộm mới đã làm biến mất chân tóc bạc mọc ra từ lần nhuộm trước, trả lại cho vợ mầu hạt dẻ đằm thắm năm xưa. Một chút môi son rất nhẹ, và một chút bút chì nơi chân mày. Như thường lệ, Mathilde trang điểm rất khéo, rất nhã. Trông trẻ đi hai mươi tuổi. Hơn nữa, cái long lanh trở lại trong ánh mắt vợ có khi làm cụ tưởng cô sinh viên thủ đô ngày xưa hiện về...

"Mình đi thôi anh," Mathilde nhắc chồng.

"Cũng đến giờ rồi," cụ nói theo vợ.

Mở cửa xe cho vợ, cụ nghĩ sau cùng mọi chuyện đã tới hồi kết thúc. Cụ không còn thắc mắc Mathilde sẽ phản ứng thế nào khi thấy lại Lucien. Cụ chỉ bận tâm về Luc, con trai cụ. Luc chắc đã lên đường từ khuya và cũng sắp đến nơi với vợ con... Lát nữa, cụ sẽ kéo riêng nó ra một góc và cho nó hay. Nếu kế hoạch này vì lý do gì mà không thi hành được, bữa cơm trưa sau đám tang sẽ là thời điểm thuận tiện nhất.

Mọi chuyện kể ra hơi gấp gáp. Chỉ tại nhà dồn giục gia đình Lucien, vì họ sợ rằng thây ma băng sơn trả lại rừa nhanh hơn thây ma thường.

Luc sẽ phản ứng làm sao? Cụ tiếc những dịp trong quá khứ đã không cho nó biết, như khi nó mười tám tuổi, khi nó trình luận án, khi nó lấy vợ... Tại sao lại trì hoãn đến tận bây giờ... Có thể nó sẽ phẫn nộ khi biết sự thật muộn màng như vậy, và trong sự phẫn nộ ấy, nó sẽ lấy lại tình thương dành cho cụ suốt bấy lâu nay...

Cụ thấy Chúa bất công, đời cụ chỉ còn đoạn cuối, sao lại bắt cụ

phải bắt đầu lại từ đầu. Mà cụ có dòi hỏi gì đâu. Từ mấy năm nay, cuộc sống vợ chồng chỉ còn là nghĩa, chỉ còn là những thói quen êm ả của hai người bạn già... Chuyện dầu gối tay ấp đã chấm dứt từ lâu... Mà ngay thời hai người còn trẻ, ái ân vợ chồng thật ra chưa bao giờ có thể gọi là dầu sôi lửa cháy...

Cụ quay sang tìm mắt vợ. Mathilde không hay chồng đang nhìn mình. Người đàn bà luống tuổi trông trẻ trung hạnh phúc một cách vô lý trong bộ đồ tang. Mathilde nhìn thẳng dằng trước, đôi mắt thật mềm, thật dịu dàng, thật sống động. Mathilde ngụp lặn trong một thế giới riêng, một thế giới không có cụ trong ấy.

*

Lúc cụ tới, nhà thờ đã đông nghẹt. Nhìn quanh hàng ghế đầu dành cho gia đình, cụ thấy em gái của Lucien ngồi bên chồng trong bộ quân phục với quân hàm trung tướng bộ binh. Con cái họ cũng đã lớn, trông khoảng trung niên, phong lưu sung túc, và dám chắn chắt đúng là trẻ con nhà giầu thủ đô. Cụ cũng điểm mặt được dám bạn già từ hồi kháng chiến. Họ ngồi lẫn lộn với các sĩ quan cao cấp của bộ quốc phòng và các cựu sinh viên bách khoa cùng khóa với Lucien...

Cha xứ ra đón cụ và Mathilde. Lúc dẫn tới thăm quan tài, cha bảo cụ:

"Trông cứ như người ngủ đi thôi."

Cụ nhìn Lucien nằm ngay ngắn, gương mặt đã được nhà đòn tô điểm lại, trẻ trung đẹp trai và thư giãn trong giấc ngủ thiên thu. Cụ không thấy cái hốt hoảng cuối cùng của Lucien khi băng sơn khép lại trên chiếc phi cơ lâm nạn của anh. Không ai ở đây được thấy nét mặt ấy. Tất cả chỉ là quá khứ, một cái quá khứ riêng của cụ. Cha Jean lại nói:

"Tôi nghe kể lại, tình bạn hai người thật là cao quý."

Cụ biết cha Jean nói gì, và cụ biết những chiến công chống Đức của cụ và Lucien đã được thời gian tô điểm để sau cùng trở thành huyền thoại cho miền núi này. Đúng, cha Jean nói đúng, hai người đã có hồi vào sinh ra tử với nhau, khi Lucien ngộ nạn chính cụ cũng suýt nữa bị băng sơn chôn vùi theo.

Nhưng cha làm sao biết được tâm sự cụ, được những khốn khổ của cụ trong những tháng Lucien còn sống, những giằng co nội tâm của

cụ khi tình thương giữa đồng chí trộn lẫn với tình thù dành cho tình địch.

Sự hiện diện của Lucien như lại đặt cho cụ một lần chót những câu hỏi cũ. Và một lần chót, cụ lại tự trấn an là không bao giờ cụ có điều gì xấu với bạn trong hành động.

Nhưng còn những chuyện xấu với bạn trong tư tưởng. Một lần nữa cụ lại không khẳng định được là chưa từng có một ý nghĩ đen tối với bạn. Trong một giây, những hồi tưởng, những xấu xí cụ đã chôn vùi từ lâu trong tiềm thức vụt trỗi dậy. Cụ lại nhớ cái gáy của Lucien, cái gáy của người thanh niên thành phố mà thể dục và thể thao đã không phát triển, mảnh mai như mời mọc sự chết... Những lần hành quân, đi sau Lucien, cụ đã bị thôi miên bởi cái gáy đó với những ý nghĩ chưa hiện nguyên hình, chưa mượn ngôn từ để lộ cái diện hung bạo sát nhân. Cụ lại nhớ những lần giao chiến với địch, cụ đã phải xua đuổi cái ước mong đen tối là một viên đạn Đức sẽ ghim vào ngực Lucien...

Cái mặt trẻ đẹp của Lucien lại làm cụ nhớ đến con trai, không phải lúc nó hai mươi lăm tuổi như Lucien bây giờ mà lúc nó chỉ là cái bào thai ba tháng, nhỏ như quả táo nơi bụng dưới của vợ, cái bào thai đã cám dỗ cụ xiết chặt bàn tay cứng như sắt của người leo núi để bóp nát nó... Nhưng mà, cụ lại vội nghĩ, đó là ý đồ của quỷ, những ý đồ xấu xa quỷ reo vào tiềm thức cụ, đợi cơn ác mộng mới hiện ra... Như cha Paul đã thuyết phục cụ nhiều lần, cụ đã thắng được quỷ trong ý đồ ấy.

*

Cụ nhìn vị đương kim linh mục. Cha Jean không phải người miền núi này lại quá trẻ để hiểu thời cụ, để hiểu bản thân cụ. Từ Marseille đổi tới, cha hiểu chuyện nhân thế, nhưng là chuyện nhân thế của thành thị của thế hệ này. Những vấn đề cha giải quyết cho đám thanh niên bây giờ là ma túy trộm cắp, là những cám dỗ hình sự của du dãng bến tầu, những vấn đề không liên can gì đến cụ. Lòng cụ rối như tơ vò mà cha chỉ biết nói với cụ những câu sáo ngữ không chút nội dung...

Cụ quay sang vợ, thấy vợ như vạn dặm xa cách. Mathilde đăm đăm nhìn Lucieu. Nét mặt người đàn bà thật ướt thật mềm, nụ cười thật dịu hiền phảng phất trên môi. Như không biết có cụ ở bên, Mathilde lấy một bông hồng trong bình hoa bên quan tài khẽ để lên ngực người chết.

Cụ lại thấy vợ xa cách thực tế cả vạn dặm. Mathilde không ghi

nhận là Lucien trẻ quá, trẻ hơn cả con, thằng Luc bây giờ đã gần bốn mươi lăm rồi. Lucien thật ra không già hơn bao nhiêu so với đám cháu nội ngoại của ông bà trung tướng, những thanh niên thanh nữ trong một hoàn cảnh khác đã phải gọi vợ cụ bằng bà bác... Người ngoài không biết sự tình bước vào đây tưởng như đang chứng kiến cảnh bà thăm xác cháu. Chỉ có cụ với kinh nghiệm một nửa thế kỷ chung sống với Mathilde mới đọc được trên mặt vợ cái rạng rỡ của người yêu đi thăm người yêu...

Rồi cụ ghi nhận cụ bất công. Cụ phải công nhận cái rạng rỡ vì tình yêu ấy đã thăng hoa lên trên tuổi tác để làm Mathilde trẻ đẹp lại nhiều lắm, và phảng phất trong dáng vợ, cụ mơ hồ thấy cô sinh viên trường văn ngày xưa...

*

Cha làm lễ xong, Luc vẫn chưa về. Gia đình Lucien lui sang một căn phòng rộng của nhà thờ cha Jean đã thu xếp để làm phòng khách tiết. Cụ nấu ná lại để hàn huyên với mấy người bạn già có mặt. Nóng ruột, Mathilde cắt ngang câu chuyện của cụ với người chủ trại làng bên:

"Để em sang chia buồn với Margo."

Phải một giây cụ mới ghi nhận là vợ dùng tên gọi thân mật trong gia đình để nhắc đến Marguerite, cô em gái của Lucien hôm nay mang chồng con về làm đám ma cho anh ruột. Cụ biết Mathilde không quen Marguerite và giọng thân thiết của vợ không thật với hoàn cảnh. Cái lăng xăng của vợ giống như cái lăng xăng của cô dâu mới lần đầu kiến diện gia đình nhà chồng. Cụ khó chịu để rồi lại thấy mình nhỏ nhen. Để đền bù, cụ cầm nhẹ tay vợ, toan cùng vợ đi gặp tang gia.

Mathilde đột ngột rút tay ra khỏi tay chồng. Cụ ngạc nhiên và Mathilde cũng ngạc nhiên không kém với cái hành động vô ý thức của chính mình. Như một sửa sai vụng về, Mathilde lụp chụp nắm lại tay cụ. Cái dịu dàng phải dụng tâm như xát muối vào vết thương.

Làm bộ tự nhiên, cụ nói cho có nói:

"Bộ quốc phòng và hội cựu kháng chiến viên chu đáo quá, dành cho anh ấy bao nhiêu là vinh dự. Nhưng mà anh ấy xứng đáng với tất cả những vinh dự ấy. Cái chết cũng vẻ vang như cuộc sống."

Ánh mắt long lanh, sung sướng và kiêu hãnh Mathidle nói:

"Em cảm ơn anh."

Lời cảm ơn làm cụ sững sờ. Câu nói như phát ra từ tâm can vợ, từ một đời sống nội tâm trong đó Lucien với Mathilde là vợ chồng, còn cụ chỉ là một người bạn thân. Nhưng lần này Mathilde không sửa sai. Như ở một tần số hoàn toàn khác, Mathilde không thấy bất thường, không thấy cách cám ơn cũng như lời cám ơn nghịch tai nghịch lý...

Cụ bơ vơ quá. Trước mặt cụ là cái trống trải đầy bất an, và cụ phải đối đầu với cái trống trải bất an ấy một mình. Từ giờ về sau, từ giờ tới lần cụ ra đi, năm mười năm nữa, cụ sẽ hoàn toàn cô độc. Cái hình ảnh của Lucien được tô lại lần cuối sẽ không bao giờ phai nhòa trong tâm hồn vợ. Cụ sửa soạn chấp nhận một cuộc sống như vậy, như cụ chấp nhận bàn tay hờ hững của vợ đang nằm trong tay cụ trên đường sang phòng khánh tiết để gặp gia đình Margo...

*

Mathilde bỗng dứng lại. Cụ dừng lại theo, thấy vợ đang nhìn chiếc gương lớn treo trên tường. Mathilde đưa tay khẽ vỗ mái tóc. Nghiêng đầu bên trái rồi nghiêng đầu bên phải, vợ cụ tuần tự soi má trái rồi má phải vào gương. Mathilde ngắm dung nhan mình, sung sướng như con bồ câu làm dáng bên bể nước.

Nhưng rồi bất ngờ ở một thế nhìn, ở một nụ cười làm duyên, tất cả những vết nhăn cùng một lúc hiện ra đuôi hai con mắt và lan sang má, sang trán người đàn bà. Cái hào quang mới xuất hiện xung quanh vợ sáng nay vụt biến, Mathilde bỗng xọm hẳn đi. Rồi Mathilde chớp mắt thật mau, lúng túng tìm mắt chồng trong gương.

"Em già quá."

Mathilde vừa nói vừa vịn lấy cánh tay cụ. Cụ nghe cái vịn nặng một cách bất thường, tựa hồ như không có chồng để bám víu Mathilde đã ngã xuống đất. Từ trong gương Mathilde nhìn ra cầu cứu. Người đàn bà trông già thật, còn già hơn tuổi... Không những già mà còn khốn khổ, sợ sệt lẫn hốt hoảng hiển hiện trong ánh mắt. Lòng mềm đi vì thương hại, cụ dìu vợ ngồi xuống chiếc ghế dài kê dọc hành lang.

"Mình nghỉ một lát," cụ nói.

Mathilde ngoan ngoãn ngồi xuống. Một phút yên lặng trôi qua rồi Mathilde nói:

"Em mệt quá, cho em về nhà thôi."

7. Trên xe Mathilde ngồi sát bên chồng, yên lặng nhìn thẳng trước mặt. Đến nhà, như đã lấy lại được bình tĩnh, Mathilde nói:

"Anh đói không, em làm cái gì hai vợ chồng mình ăn nhé."

"Tùy em."

Mathilde lại nói:

"Mình làm fondu nhé, em còn tảng phó-mát Beaufort."

Món fondu thích khẩu của cụ khá lách cách, cần sự cộng tác của cả hai vợ chồng. Cụ thấy dụng tâm làm lành của vợ. Cụ không vui mà cũng không buồn, thậm chí cũng không thấy đói. Nhưng cụ không nỡ nói không khi bắt gặp mắt vợ dáo dác như một đứa trẻ bơ vơ đang tìm một liên hệ để níu lấy...

Mathilde vào bếp lấy phó-mát ra thái, thành thạo như một người dàn bà sinh trưởng ở miền núi. Lẳng lặng ngồi xuống ghế đối diện nơi bàn bếp, cụ giúp vợ cắt bánh mì thành những mẩu nhỏ. Cụ bắc nồi châm lò. Khi fondu sắp chín, Mathilde nói với chồng:

"Anh chiếu em cái này nhé. Đốt lò sưởi cho em."

Cụ nhìn vợ, thấy đôi mắt có tình, không lẳng lơ nhưng đằm thắm như cái nhìn của một người vợ già trong tình vợ chồng già bình thường. Nghĩ Mathilde nhất định làm lành ngay bây giờ, cụ nể oải đứng dậy xếp củi vào lò sưởi. Lát sau hơi ấm tỏa ra căn phòng. Chỉ thấy nóng mà không thấy ấm cúng, cụ yên lặng ngồi ăn.

Chấm mẩu bánh mì vào phó-mát chảy, Mathilde nói:

"Không biết sao Luc không về. Em hơi sốt ruột."

Mathilde rủ chồng lo chung về con, tựa hồ như không có gì đáng tiếc xảy ra cho liên hệ vợ chồng mấy ngày qua, mấy tháng qua, nửa thế kỷ qua, và đám ma Lucien là một đám ma bình thường của một người bạn gia đình. Cụ biết Mathilde không sốt ruột vì con nhưng chỉ quyết tâm gợi chuyện với cụ, đề tài con cái bao giờ cũng hữu hiệu cho mục đích này. Biết vậy mà cụ vẫn góp chuyện, vì chính cụ bắt đầu lo cho an ninh của con trai trên đường từ Paris về làng:

"Có thể nó không kiếm được người coi bệnh giùm. Có thể nó không biết là quan trọng đến thế. Nhưng trước sau gì anh cũng nói sự thật với con. Anh có linh tính là thế nào nó cũng về hôm nay, chỉ chậm thôi. Em có sửa soạn cơm nước gì cho chúng nó không."

"Có chứ. Em đã mua sẵn hai con gà trại. Em sẽ nấu món gà nấm tối nay, món thích khẩu của hai cha con anh."

Cụm từ *hai cha con anh* làm cụ ngẩng lên nhìn vợ. Nét mặt Mathilde là nét mặt người vợ già nói với chồng về con bằng cái yêu thương sâu đậm đã thành thường nhật. Mathilde vẫn làm bộ mặt này mỗi khi muốn làm lành với cụ. Vợ cụ có tài thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác rất nhanh, quá nhanh cho cụ. Lúng túng, cụ nhìn lửa lò sưởi đang cháy rộ. Cụ nói bâng quơ:

"Lửa đẹp quá."

"Lửa đẹp thật," Mathilde hưởng ứng. Rồi thấp giọng, Mathilde nói tiếp:

"Em cảm ơn anh..."

Cụ nhớ lúc nãy Mathilde đã nhờ cụ làm lò sưởi, chắc vợ cảm ơn về chuyện này. Cái cảm ơn trang trọng quá cho việc châm lò sưởi, cụ mỉa mai nghĩ. Chuyện đáng cảm ơn là Mathilde tưởng đã tìm lại cụ mặc dầu đã cư xử rất kỳ quặc với cụ suốt bấy lâu nay.

Như đọc được ý cụ, Mathilde ngẩng mặt lên nhìn chồng. Cụ thấy nơi mắt vợ một lời tạ lỗi thành khẩn. Mathilde vẫn là Mathilde. Không bao giờ xin lỗi thành lời, không bao giờ trực tiếp nhận mình trái. Nhưng Mathilde có cách của Mathilde để làm lành với chồng. Cụ nghe mọi chuyện như quen thuộc trở lại, và trong cái quen thuộc ấy, êm ả như rón rén đi theo.

Nhưng cụ không muốn êm ả, không muốn thư giãn. Cụ nghĩ đến một cái cảm ơn khác của vợ, cái cảm ơn vô ý thức lúc sáng ở nhà thờ khi cụ khen Lucien, cái cảm ơn đã gạt cụ ra ngoài đời sống nội tâm của vợ. Không, cụ không muốn cái êm ả định kỳ này. Được bao lâu. Mathilde lấy những cái gì Mathilde thích, Mathilde thả những cái gì Mathilde chán, đã bao lần như vậy trong mấy thập niên chung sống. Không, cụ không muốn đi lại một lần nữa cái vòng luẩn quẩn của quá khứ. Cụ đã miễn nhiễm và Mathilde không còn khả năng gây thương tổn cho cụ nữa. Mathilde có thể tiếp tục ra chân băng sơn đặt vòng hoa cho Lucien, thậm chí có thể xây chòi bên nghĩa trang để tiện chăm sóc phần mộ cho y, lòng cụ từ nay sẽ lạnh tanh với những hành động ấy...

Tối nay trong bữa cơm tối với con, cụ chỉ cần nói hết sự thật cho Luc nghe nữa là xong. Mọi chuyện quá dễ dàng. Cụ đủ sức sống một mình, tự lo lấy thân. Cụ chỉ không leo núi được, còn mọi việc cụ vẫn tự túc tự mãn không lệ thuộc vào ai. Còn đến khi không tự túc tự mãn

được nữa, cụ biết xử lý. Cụ nghĩ đến khẩu súng săn và hộp đạn mua đã lâu chưa có dịp dùng... Cụ sấn miếng bánh ngọt đưa lên miệng... Nghe chiếc muỗng nhỏ bằng sắt mạ kền lành lạnh nơi môi, cụ nghĩ nếu cần cụ có thể ngậm được lòng súng như thế... Lòng trống không, cụ mỉm cười với vợ...

8. Luc đã không thất hẹn. Anh ta chỉ tới trễ, khi cha mẹ đã về nhà. Ở nhà thờ ra, anh về thẳng trang trại. Như thường lệ Luc mang theo anh một bầu không khí vui tươi. Bước vào nhà, anh ôm lấy bố mẹ hôn.

"Ba mẹ có khỏe không? Sao về sớm thế?"

Chưa ai kịp trả lời, Luc nói tiếp:

"Mà ba mẹ không ở lại cũng phải, tang lễ kéo dài quá..."

Cả Mathilde lẫn cụ cùng hỏi lại con:

"Thằng Guy đâu, mẹ nó đâu?"

"Nhà con dẫn cháu đi sắm giầy leo núi."

Rồi Luc đổi đề tài:

"Con đói quá, có gì cho con ăn với."

Mathilde vội vã dẫn chồng con vào buồng ăn. Luc nhìn bàn ăn bầy sẵn cho năm người. Cụ có cảm tưởng nó vờ đi như không để ý tới bộ bát đĩa Limoges và bộ khăn ăn thêu mẹ chỉ dùng cho những dịp đặc biệt. Rõ ràng nó không muốn ghi nhận hôm nay là một ngày quan trọng.

Luc ăn uống ngon lành, vừa ăn vừa khen tài nấu bếp của mẹ. Luc cho hay định mang vợ và con trai về thăm ông bà cuối tuần tới. Luc lại hỏi cái súng bắn nai cụ mua cho anh hồi xưa... Cụ bảo tất nhiên là còn, phòng của Luc vẫn nguyên vẹn với những đồ dùng của anh thuở bé. Luc mau mắn nói:

"Vậy thì ba dậy cho thằng Guy bắn nhé..."

Cụ kín đáo quan sát con. Luc vui vẻ hồn nhiên như không hề nhớ những lời căn dặn thiết tha của cụ là phải mang vợ con về lần này, và cụ có chuyện muốn nói riêng với Luc. Luc cười nói ào ào, cái thanh thoát của anh lây sang mọi người.

Cụ nghĩ đến cái đau khi phải nói sự thật với con. Cụ xót xa cho Luc, cái đau của con lát nữa vì không ngờ, không sửa soạn, sẽ còn đau hơn cái đau của cụ nhiều lắm.

Luc lại nói:

"Ba ạ, cái nghề của con lắm lúc cũng bất thường... Lẽ ra con về sớm lắm, nhưng lúc chót anh bạn con nhờ coi bệnh giùm lại thoái thác. Mà có lý do chính đáng, là vợ anh ấy đẻ sớm mấy tuần. Phải may lắm, con mới tìm được người khác thay thế..."

Luc cắt nghĩa trơn tru tại sao anh đã chậm trễ. Quá trơn tru như đã sắp xếp, đã tập dượt trong đầu nhiều lần. Nhưng nói xong, Luc đưa tay ra gãy gãi đầu.

Cái cử chỉ quen thuộc làm sao. Cụ biết tính con bản chất ngay thẳng, hễ nói dối là khốn khổ lắm. Mà thật ra chưa bao giờ cụ bắt được quả tang con cụ nói dối. Cũng lắm là Luc chỉ dám nói lơ mơ, và mỗi lần như vậy, nói xong là nó đưa tay ra sau gáy gãi đầu.

"Con có kịp dự đám tang không? Lúc con tới thì người ta chưa chôn bác chứ?"

"Dạ chưa. Nhưng trọng thể quá. Mấy phái viên của bộ quốc phòng mặc đại lễ. Ông em rể trung tướng của bác cũng vậy, nhiều mề-đai quá... Mà rất nhiều diễn văn, lúc hạ huyệt vẫn còn diễn văn kể những chiến công của bác... Nhưng mà chiến công nào của bác cũng có dính líu tới ba. Họ nhắc đến tên ba hoài hoài trong những bài diễn văn ấy..."

Rồi Luc nói tiếp:

"Ba, con biết ba thân với bác Lucien, nhưng cho con nói cái này nhé. Gia đình bác khác hẳn gia đình mình, kiểu cọ và không tự nhiên, ngay trong giao tế thường mà cứng cỏi như trong phòng khánh tiết của bộ quốc phòng hay của tòa đại sứ một nước nào... Con có cảm tưởng lúc nào họ cũng như đang đóng kịch ấy..."

*

Câu chuyện đổi sang đề tài khác. Cụ Valois kể cho con nghe những chuyện mới xảy ra trong núi ba tháng vừa qua, kể từ lần Luc về chơi với cha mẹ lần chót. Mathilde hỏi con về tin tức hai em Luc đã có dịp ghé thăm nhân chuyến tu nghiệp vừa qua ở Nancy.

Lúc Mathilde dọn đến món bánh ngọt, Luc lại nói về đám tang. Lần này, Luc nói chuyện với mẹ:

"Mẹ ạ, bác Lucien bạn của ba là người anh hùng hiếm có. Cuộc sống của bác thật có ý nghĩa...

Mẹ, con nói thật đấy. Con nghĩ bác Lucien là một người đặc biệt,

là một thanh niên đẹp trai, thông minh, dòng dõi, và tốt... Nếu không tử nạn, thì chắc bây giờ làm lớn lắm, cũng lớn như mấy ông lớn bạn học cũ của bác ở Bách Khoa về dự đám tang hôm nay..."

Đột nhiên giọng chậm lại, Luc nói tiếp:

"Mẹ ạ, con không quen bác, không gặp bác bao giờ, vậy mà con đã khóc khi thấy mặt bác lần đầu cũng như lần chót... Thật là bất ngờ, con chưa bao giờ khóc ai như vậy... Con khóc nhiều hơn cả những thân nhân của bác..."

Nói xong Luc tìm mắt mẹ. Mathilde chịu mất con một giây rồi cúi xuống mẩu bánh nhỏ chưa ăn trên đĩa... Luc lại nói:

"Thật ra chính những thân nhân bác không khóc... Con nói làm sao đây... Ông tướng đọc diễn văn, còn bà tướng lo tạo một hình ảnh vừa xót thương vừa đẹp vừa nghiêm túc... Cái xót xa tang tóc có gọt rũa của người quyền quý ấy... Còn đám cháu bác Lucien, con ông bà tướng ấy, họ cũng cỡ tuổi con, nhưng hoàn toàn giống cha mẹ... Không, con không hợp với cung cách gia đình ấy."

*

Ăn xong phần bánh ngọt vĩ đại mẹ cắt cho, Luc ngẩng lên hỏi bố:

"Mình có phó-mát dê không ba nhỉ?"

"Có chứ, còn mấy thứ khác nữa..."

Cụ vui vẻ đứng dậy thay đĩa. Cụ có thể dửng dưng với vợ nhưng không bao giờ có thể dửng dưng với con. Cụ ngạc nhiên nghe căng thẳng biến đi đâu từ hồi nào. Cụ sung sướng nhớ đến sức ăn của con, nhớ đến những buổi pic-nic, những lần đi câu cá, những chuyến leo núi với nó. Cụ thoáng tiếc sức khỏe không cho phép để tiếp tục làm những chuyện ấy với Luc. Chỉ còn câu cá là cụ có thể theo kịp con. Và ngay cả câu cá, Luc bắt đầu bao biện những việc vất vả cho bố. Năm sáu năm nay, Luc đã có thói quen che chở cho bố, giành lấy những chuyện nặng nhọc cho mình... Cụ chợt nhận ra hôm nay, tình cờ chính Luc là người nói đến những chuyện khó nói mà lẽ ra cụ phải nói cho nó.

"Thằng Guy năm nay học lớp mấy?" Mathilde hỏi con.

"Sắp lên đại học rồi mẹ ạ... Nó học khá lắm... Nó đang phân vân giữa trường y và trường bách khoa... Con để cho nó tự ý chọn... Nhưng mà hè này con sẽ cho nó về đây ở với ông bà. Con không muốn nó

mất truyền thống dân miền núi của nhà mình... Tiếc là nó không được học leo núi với ba như con đã được học..."

Quay sang bố, Luc nói:

"Dầu gối ba hồi này có đỡ không? Trước khi về lại Paris, con phải coi lại cho ba mới được... Nhưng con chắc không có gì đáng lo, vì con vẫn thỉnh thoảng nói chuyện với bác sĩ của ba. Ngày mai con sẽ khám bệnh tổng quát cho ba, con có mang đồ nghề về..."

Cụ trấn an con:

"Bố còn khỏe chán."

Luc cười rồi trở lại chuyện đám tang:

"Con về đưa ma bác Lucien mà gặp được bao nhiêu các bác bạn của ba... Họ không bao giờ quên được chuyện cũ... Với các bác, con vẫn là thằng bé ngày xưa lẽo đẽo theo ba không rời một bước... Con có nói chuyện với cha Jean. Ông làm con nhớ cha Paul quá..."

Luc ngưng kể chuyện để đưa tách cà-phê cho mẹ rót. Tách cà-phê đầy, Luc ngẩng lên cảm ơn mẹ rồi nói tiếp câu chuyện bỏ dở:

"Cha Paul ngày xưa thật là gần gũi với gia đình mình. Con nghĩ cha như người nhà... một người nhà khả kính và chân thành..."

Cụ biết cha Paul thương Luc lắm, mà Luc cũng rất quý cha... Luc quý cha còn hơn cả cụ quý cha... Lúc cha đau nặng, Luc xin nghỉ phép để về săn sóc cho cha... Luc đã ngồi bên giường cha cả giờ, hai cha con tâm sự với nhau biết bao chuyện đời, chuyện người... Cha chết trong tay Luc... Cụ chột dạ nghĩ mấy ngày sắp mất cha nhớ nhớ quên quên, lúc tỉnh lúc mê... Không biết cha đã nói những gì với Luc...

"Ba ạ, cha Paul trối với con..."

Luc dừng lại. Mathilde đang rót dở tách cà-phê cho cụ cũng dừng lại nửa chừng.

"Cha trối gì con?"

"Cha trối nhiều lắm, chuyện đạo lẫn chuyện đời, nhiều lắm mà chung chung cũng không có mạch lạc rõ ràng... Cha nói về bác Lucien, cha nói về ba... "

Giọng hơi lạc đi, Luc lại đưa tay lên gãi mái tóc sau gáy. Cụ chăm chú lắng nghe con. Sau cùng Luc nói:

"Chuyện lâu lắm rồi, con không nhớ hết. Con chỉ nhớ là cha bảo cha rất lo cho sự an bình của ba. Cha còn bảo ba là con người tốt nhất

trên đời, và ba đáng được mọi tốt lành của Chúa... Cha căn dặn con là phải chăm lo săn sóc cho ba... Mẹ ạ, lúc ấy cha Paul như lẫn rồi, nói xong câu ấy thì cha mất..."

Luc dơm nước mắt hay cụ tưởng tượng, cụ giật mình nghĩ. Mà tại sao nó khóc, nó biết hết rồi chăng. Biết từ bao lâu. Phải chăng cha Paul khi trối trăn đã cho nó biết hết sự thật.

Cụ nghĩ tiếp, nếu như vậy thì nó biết cũng lâu rồi. Cha mất như vậy là đã hơn chục năm nay. Cụ chợt nhớ lại Luc đã xúc động lắm khi cha Paul qua đời. Lấy cớ bận công việc, Luc đã hối hả trở về Paris và bẵng đi nửa năm không về thăm nhà...

Bây giờ thì Luc đã lấy lại được bình tĩnh. Nó mỉm cười nhìn mẹ:

"Sáng mai mẹ cho con ăn điểm tâm món gì?"

Mathilde không trả lời câu hỏi ấy. Trở lại đề tài cha Paul, Mathilde chậm rãi nói:

"Cha Paul không lẫn đâu con. Ông nói thật đấy. Con nên vinh hạnh có người cha như ba con."

"Con biết..."

Như yên chí, Mathilde nói:

"Thôi, mẹ sửa soạn đi ngủ đây. Phòng con, chăn nệm mẹ đã sẵn sàng. Hai cha con cứ việc thức mà nói chuyện..."

*

Mathilde đi rồi, cụ quyết định. Có thể cụ suy đoán quá nhiều, có thể Luc xúc động vì chuyện khác, có thể nó chưa biết nó không phải con cụ. Cụ phải cho nó biết sự thật đêm nay:

"Luc, như đã hẹn với con ở điện thoại, ba có chuyện rất quan trọng muốn nói với con."

"Có cần không ba?"

Luc hỏi lại bố bằng một giọng nghiêm túc chứng chạc. Trong một hoàn cảnh khác, câu nói của Luc đã có ý nghĩa của một lời thách đố. Nhưng Luc không bao giờ thách đố cụ.

Cụ nhìn con, ghi nhận nó đã trưởng thành từ lâu. Luc là một bác sĩ gần bốn mươi lăm tuổi, tiếng tăm và thế lực tại đại học Paris, chuyện người chuyện mình chắc đã trải nhiều. Cụ tức cười khi thấy cụ có phần giống vợ. Mathilde luôn luôn nghĩ đến Lucien như người thanh niên hai mươi lăm tuổi còn cụ vẫn nghĩ Luc là thằng bé mười tám tuổi năm xưa.

"Con thấy không cần, ba ạ..."

Luc tự trả lời câu hỏi của mình. Cụ giật mình nhìn con. Cụ bắt được trong mắt con cái nhìn của người đã có lần đã trải qua những cái đau lớn. Nhưng cũng trong ánh mắt ấy, cụ biết con đã phục hồi để có thể yêu cuộc sống, yêu bố mẹ, yêu người thân, mặc dầu cái đau của bản thân không hẳn đã hết. Rồi liên tưởng đến nửa năm sau khi cha Paul mất Luc đã biệt tăm, cụ xót xa nghĩ con cụ đã một thân một mình tự dưỡng thương suốt khoảng thời gian dài ấy... Cụ nói:

"Con ạ..."

Không để cho cụ hết lời, Luc bước tới ôm lấy cụ hôn. Luc ôm bố hôn thật lâu, thật chặt, như xót xa như che chở. Rồi gỡ tay bố, Luc xin phép về phòng riêng.

9. Lúc cụ vào phòng thì Mathilde đã sửa soạn xong. Mathilde cũng đã tự tay đốt lò sưởi. Vợ cụ hôm nay mặc chiếc áo ngủ của tối tân hôn ngày xưa, đang ngồi trên chiếc ghế bành đọc tiểu thuyết. Cụ ghi nhận không khí tình tứ và quen thuộc của những năm còn trẻ. Nhưng để làm gì, chuyện ân ái vợ chồng đã chấm dứt từ lâu lắm...

Thấy cụ vào, Mathilde đặt sách xuống, đứng dậy lên giường. Cái áo ngủ của vợ trông mới lại như mới mua. Lúc vợ bước ngang lò sưởi, cụ thấy ánh qua lớp lụa mỏng tấm thân xinh xẻo quen thuộc với cái bụng thon thả nối xuống đôi chân cân đài đối.

Cụ lên giường. Lửa lò sưởi bập bùng. Cái cổ áo ngủ cắt sâu viền đăng-ten làm cụ liên tưởng đến một cảnh núi mùa xuân đã lâu, có cây đã ra nụ xanh, có thảo nguyên trải thảm đến tận đỉnh đồi, có hoa dại màu vàng hay hồng nhạt lốm đốm từng bông hay từng mảng, có tiếng lục lạc trên cổ mấy con bò sữa... Cụ tự nhủ sự liên tưởng của cụ thật vô tổ chức.

Cụ chui vào chăn, chân cụ vấp phải cái bịch nước nóng vợ đã làm sẵn. Cái bịch bây giờ còn nóng quá, và cụ nghĩ cụ thích cái bịch buổi sáng hơn khi nó chỉ còn ấm ấm mềm mềm như bắp chân vợ... Cụ ngạc nhiên cụ còn nghĩ đến bắp chân Mathilde...

Hình ảnh mùa xuân trên núi vẫn tiếp tục diễn ra trong đầu như lôi cuốn cụ đi... Cụ nghe vang vọng tiếng hót của bầy chim trốn lạnh đã từ Ý Đại Lợi trở về, cụ thấy hai con thỏ trắng đuổi nhau vào bụi rậm,

cụ thấy con ong đen mặt lấm dầy phấn lẫn nhựa hoa đang liếm mật trên những sợi nhị óng mượt như lông tơ...

Cụ chợt nhớ là lúc nãy, đầu bữa cơm tối cụ còn hờn giận vợ... Nhưng mặc kệ giận với hờn, cụ không cản được mùa xuân đang nao nức trong tim... Cụ ôm vợ vào lòng... Qua lần vải mỏng, cái tấm thân bé bỏng mà quen thuộc hôm nay sao trẻ quá... Hôm nay mới thật là đêm tân hôn của cụ với Mathilde... Cụ sẽ yêu Mathilde say đắm, và hoan lạc của tình yêu sẽ theo cụ vào giấc ngủ. Không, nhất định Lucien sẽ không trở về với cơn ác mộng. Anh đã an nghỉ nơi mộ mới đắp sáng nay dưới bóng thánh đường...

Ôm sát Mathilde vào lòng, cụ tìm môi vợ. Cụ nghe mùa xuân chuyển mình trong tấm thân mảnh dẻ, tấm thân thật gần gũi qua lớp vải mỏng của chiếc áo ngủ. Giữa hai cái hôn, Mathilde thì thầm với cụ:

"Em nghĩ em còn trẻ lắm... Em nghĩ chúng mình còn trẻ lắm..."

Lòng cụ phơi phới. Mùa xuân đã về khắp nơi, trong đời sống vợ chồng, trong tim vợ, trên da thịt vợ... Mùa xuân như bừng bừng, như thúc giục.

*

Nhưng mà cụ chưa sẵn sàng.

Cụ lúng túng... Cụ hốt hoảng... Rồi cụ ghi nhận mùa là xuân không chịu về với thân xác cụ...

"Anh đừng sợ... Em sẽ giúp anh..."

Mathilde loay hoay giúp cụ. Nhưng cơ thể cụ nhất định không trẻ lại, sau cùng cả hai vợ chồng chịu thua. Buông cụ ra, Mathilde cười thành tiếng, giọng cười hồn nhiên tinh nghịch. Nhưng cụ bắt được trong cái tinh nghịch của vợ, cái chủ tâm làm cho sự bất lực của chồng nhẹ đi. Cụ không muốn nhận món quà độ lượng ấy. Cam phận, cụ nói:

"Anh già rồi..."

Mathilde vụt quay người lại ôm ghì lấy chồng. Cụ nghe cái xót xa của vợ trong những nụ hôn vội vã Mathilde đặt lên má lên trán cụ. Rồi nới lỏng vòng tay vài phần, Mathilde tiếp tục nằm ôm chồng. Cụ nghĩ đến những cái hôn tương tự Mathilde năm xưa đã tặng cụ khi từ chối lời cầu hôn, những cái hôn xót xa những cái hôn thương hại. Nhưng cụ không thấy thương tổn như năm xưa. Trái lại, cụ chỉ thấy hạnh phúc an bình...

Rồi Mathilde ngủ đi trong vòng tay cụ, hơi thở đều hòa êm ả. Cụ nằm yên gắng không cử động để khỏi đánh thức vợ. Bên ngoài cửa sổ, bốn ngàn thước núi Alpes cao vời vợi, đỉnh núi tuyết phủ lờ mờ phản chiếu ánh sao trong bầu trời đêm trong vắt.

*

Nhìn vợ đang gối đầu lên cánh tay cụ, cụ tò mò không biết Mathilde đang nghĩ gì. Biết bao nhiêu phức tạp trong cái đầu bé bỏng này... Cụ nghĩ đến núi, cái núi cụ đã tưởng đã chinh phục mà thật ra chưa bao giờ thực sự chinh phục được... Cả ngọn núi vô danh mà cụ đã leo đến tận đỉnh với Luc. Những dấu chân hai cha con cụ để lại hôm ấy tất nhiên đã bị tuyết lấp đi từ lâu...

Cụ thấy cái chân lý của cuộc sống. Là hạnh phúc không nằm ở chinh phục. Không tìm mà tới, mà tìm thì mịt mù chẳng thấy đâu. Đầu gối cụ lại nhức nhối, nhắc lại tuổi già, nhắc lại cái thất bại nam nữ vừa rồi bên vợ... Vậy mà cụ thấy sung sướng. Cụ đã không mất con mà cũng không mất vợ. Tất cả vẫn còn của cụ trong khi cụ đã tưởng mất hết. Tình cụ với vợ bây giờ là mối tình chay, vậy mà sao nó êm ả bội phần so với cuộc sống vợ chồng trăn trở quá khứ.

Mathilde trong vòng tay cụ ú ớ nói mê. Tim cụ đừng một nhịp. Cụ vẫn sợ những cơn nói mê của vợ, những cơn nói mê đã làm cho cụ khốn khổ, dù cha Paul đã nhiều lần giảng cho cụ là trách nhiệm không ở Mathilde mà ở quỷ dữ luôn luôn cám dỗ con người.

Mathilde lại nói mê, nói những chuyện yêu đương ân ái, những cụm từ rất riêng tư, rất thân mật, rất lả lơi... Cụ nín thở lắng nghe. Bất thần Mathilde gọi tên cụ.

"André, André, em yêu anh..."

Vẫn ngủ mê, Mathilde ôm ghì lấy chồng, toàn thân rung chuyển trong cơn lốc của đam mê... Chưa bao giờ Mathilde nằm mê như vậy. Chưa bao giờ cụ sung sướng như vậy. Có tình yêu dành cho cụ ngay trong tiềm thức của vợ. Còn nữa, tình ấy không phải vì ân hận hay đền bù. Không, tình này lúc tỉnh cũng như mê là một mối tình tuyệt đối. Cũng dậm dà thâm sâu như mối tình của cụ với Mathilde, mối tình bấy lâu một chiều hay ít ra không được đền đáp xứng đáng.

Bây giờ thì mùa xuân thực sự về với cụ. Mùa xuân về trong tim, trong thân xác... Cụ nghe máu chạy dồn dập trong động mạch và sự sống nhức nhối trong phủ tạng như đọt cây căng nhựa mùa xuân trên

núi... Không đánh thức vợ, trong huyền diệu của nửa thức nửa ngủ, cụ sống với vợ một đêm tân hôn thật sự, cái đêm tân hôn trọn vẹn cho cả hai người mà nghịch cảnh hoãn lại hơn bốn mươi năm...

10. Trời bên ngoài bắt đầu sáng. Cụ Valois đã thức một đêm trắng. Mathilde nằm bên cụ, thiêm thiếp ngủ, hơi thở đều hòa. Sau cùng Mathilde là của cụ, là vợ cụ, từ tâm hồn đến thể xác. Cụ nhìn ra cửa sổ thấy núi Alpes hùng vĩ đang hiện hình trong ánh rạng đông, nửa tây còn xẫm tối, nửa đông đã long lanh như một khối kim cương. Ánh sáng và bóng tối phân chia theo những mặt cắt sắc cạnh của đá, của băng, rành mạch như những định đề quang học. Núi hôm nay khác núi mọi hôm, đẹp một cách chân phương giản dị.

Cụ thấy mệt mỏi, hơi thở hao hao. Nhưng cụ sảng khoái, cái sảng khoái của người chồng sau đêm tân hôn thấy mình đang bắt đầu một hôn nhân trong tình yêu chia sẻ. Cụ nghĩ sẽ nằm trong giường đến trưa mới dậy, hay trễ hơn nữa. Rồi hai vợ chồng thức giấc với phần còn lại của ngày, của đời, bắt đầu lại một liên hệ vợ chồng đúng nghĩa của nó...

*

Cụ bỗng thấy đau nhói bên ngực trái.

Trong một giây cụ nhận diện được cái đau vừa quấy rầy cụ. Cụ bắt đầu đau như vậy mùa hè vừa qua, hôm dẫn thằng Guy lên núi chơi. Lúc đầu không đau lắm, chỉ nặng nặng mỗi khi cụ leo dốc. Ngồi nghỉ một chút là êm. Cụ vẫn còn giấu con trai, giấu bác sĩ làng, giấu cả Mathilde cái đau ấy.

Cụ vẫn nghĩ rồi cái đau sẽ qua. Nó có vẻ tự giảm dần, rồi dứt hẳn, cho đến sáng nay... Cả cái đau sáng nay cũng không dai dẳng, biến đi sau chưa đầy một phút... Tự biến đi, chẳng thuốc men gì... Cụ nghiệm ra cứ đừng trèo núi, cứ đừng đi bộ nhanh trên đường dốc là chẳng làm sao... Nhưng mà sáng nay cụ nào có trèo núi, nào có leo dốc gì cho cam... Rồi chợt nghĩ đến đêm qua, cụ đỏ mặt...

Hồi tưởng những giây phút hạnh phúc vợ chồng đem lại thư giãn cho cụ... Và rất nhiều lạc quan... Đêm qua, cụ chỉ yêu vợ, yêu say đắm... Làm gì có sự xấu trong tình yêu... Chắc cái đau này rồi cũng sẽ đâu vào đấy...

Nhưng nó không đâu vào đấy.

Năm phút sau, nó tái xuất hiện như một lưỡi dao đâm vào ngực trái, chạy thẳng lên vai trái rồi truyền xuống tay... Cụ cắn răng chịu đau, thoáng nghĩ con cụ là bác sĩ giỏi của Paris đang nằm ngay phòng bên, nhờ nó khám lúc nào chẳng được. Kỳ này sẵn va-li đồ nghề mang về, bệnh gì Luc chẳng chữa được.

Cái quả nắm bằng đồng sáng lờ mờ trên cánh cửa cuối phòng. Dễ quá, bên kia cánh cửa là hành lang kế cận với buồng con. Cụ chưa muốn gọi nó bây giờ. Mathilde đang thiêm thiếp, khuôn mặt thư giãn đẹp như thiên thần, miệng hé mở lộ hàm răng trắng đều như đang cười... chắc vợ đang mơ gì chuyện đẹp lắm, cụ không nỡ đánh thức vợ dậy...

Mathilde lại nói mê. Cụ lắng nghe. Mathilde gọi tên Luc...

Tất nhiên là vợ đang gọi con trai trong mơ. Cụ rất tự tin, câu mơ tới của Mathilde sẽ minh định là vợ cụ đang gọi thằng Luc, đang nằm mơ chuyện gì về nó...

Cơn đau lại gia tăng dữ dội... Những kiến thức y tế phổ thông cho cụ biết cụ đang bị chứng đau tim cấp tính... Cụ cắn răng chịu đau, nhất định chưa gọi con... Cụ muốn nghe nốt câu nói mê tiếp theo của vợ... Cụ gắng trì hoãn một phút việc kêu cứu con trai để nghe nốt câu nói ấy... Một phút thôi mà ăn thua gì, những người ở xa nhà thương trễ cả giờ cả ngày sau cơn đau vẫn còn cứu được...

Nhưng mà cụ đau quá, lại yếu quá, tựa hồ như cái đau hút hết sức lực của cụ đi. Cụ muốn vùng dậy gọi con, nhưng chậm quá rồi. Cụ không còn sức để làm dù một động tác nhỏ...

Mồ hôi lạnh vã ra... Cụ không còn thấy đau nữa, giác quan đã thôi làm việc, chỉ trừ thị giác là còn tốt... Cụ lại thấy cái quả nắm bằng đồng lờ mờ nơi cánh cửa cuối phòng, thật gần mà cũng thật xa, như một cái mốc ngoài tầm với của đời sống cũ... Cụ nhìn cửa sổ, thấy núi Alpes đã biến hình thành một khối pha lê cực kỳ lộng lẫy, thanh thoát như sắp tan biến vào bầu trời xanh ngắt... Cụ nghe mọi chuyện nhẹ tênh...

Cụ đảo mắt lại nhìn vợ, thấy môi vợ mấp máy trở lại... Cụ lắng nghe nhưng tai cụ không còn nghe được nữa... Cụ ngất đi mà không biết vợ đang nói mê những gì...

LÊ TÍN HƯƠNG

nơi chốn phải về

Ta như con chim buồn không muốn hót
Rã rượi âu sầu sau chuyến bay điên
Bay vụt nhanh tưởng bức chấn song kìm
Đang ngạo nghễ nhìn chim kia rỉ máu

Ôi tổ ấm ngoài kia mà hư ảo
Chỉ một đường bay sao hun hút một đời
Dòng máu dù rơi không đổi được bầu trời
Ta chỉ còn ta khoảng không gian quá hẹp

Ước vọng mở đầy trong cửa lồng đã khép
Ta cố bay đi rồi cũng một lối phải rơi về
Thân xác rã rời, hồn đã hôn mê
Chẳng lẽ chiếc lồng son êm đềm
là ngục tù giam cầm ta trọn kiếp

Hãy tỉnh giấc hồn ơi đừng rên xiết
Xác dẫu lưu đày người vẫn thong dong
Trổi dậy bay xa bay thoải mái một vòng
Từ bến Bắc bờ Nam rừng ra biển lạ

Bay cho hết những dòng sông, núi đồi mây khỏa
Nơi thị tứ rộn ràng, nơi hoang dã tiêu sơ
Nơi chiến tranh đang cuộn khói mịt mờ
Những xác chết chất chồng, những ruộng đồng đỏ máu

Nơi vẫn có bầu trời, không có nơi nương náu
Có mây xanh lơ lửng thật an bình
Cúi xuống nhìn dòng sông não nề nhuộm những điêu linh
Những dâu bể tang thương tháng ngày tiếp diễn

Ôi có con sông nào nước chẳng trôi về biển
Dù đục trong xanh đỏ một dòng xuôi
Dù được thua, nhân thế có khóc cười
Chỉ một đợt sóng dồn, anh hùng tận

Thôi đã trót sinh ra làm kiếp người lỡ vận
Ngập trong dòng sông cô thế, nhỏ nhoi
Vùng vẫy một đời, ta còn chiếc gương soi
Thấy ta một mình cất tiếng cười ngạo nghễ

Hồn ta đó, vượt muôn ngàn dâu bể
Đã trở về yên lặng nỗi bao dung
Nhiều lối riêng tư cũng chỉ một đường chung
Một chốn phải về từ những nơi không chọn đến
Cali 18-01-1994

CỔ NGƯ

đời thường

– Ça va pas, non? Merde!

Vinh đập tay xuống bàn phím đánh chát một cái rồi vùng vằng đứng dậy. Chiếc ghế có bánh xe lọc cọc lùi ra xa như muốn trốn tránh cơn giận dữ. Nó do dự, chậm dần rồi ngừng hẳn lại sau khi đã cách Vinh một khoảng tương đối an toàn.

Thế là mất toi cả buổi sáng! Chưa kịp lưu trữ dữ kiện thì bị cúp điện, tới ở đây mà cũng bị cúp điện "đột xuất" nữa! Vinh lầm bầm trong miệng, khoác áo veste vào người rồi bước ra khỏi phòng. Đến lúc này Vinh mới để ý đến tiếng lao xao chung quanh. Chắc hẳn bọn đồng nghiệp cũng đang bực mình như Vinh. Chỉ vì một tíc tắc mất điện mà mấy trăm giờ làm việc của toàn thể nhân viên trong cao ốc này đổ sông đổ biển, may ra có chục đứa save data, còn thì... merde, tức quá!

Thang máy ngừng ở từng mười bốn. Hai francs một lon Orangina. Cầm lon nước trong tay, Vinh lững thững bước chậm rồi dừng lại giữa passerelle nối liền hai cao ốc A và B của công ty IBM. Vinh chưa tìm được chữ Việt thích hợp để dịch tiếng passerelle này cho sát nghĩa. Nếu gọi là "cầu phao" hay "cầu tàu" theo như tự điển thì không đúng chút nào, vì đây là cái gạch nối mỏng manh giữa hai tòa nhà đồ sộ. Mỗi lần đứng đây, Vinh lại có cái cảm tưởng mình đang lơ lửng giữa trời. Chung quanh toàn bằng kính, Vinh có thể nhìn bao quát được cả một khoảng La Défense bên phải và Puteaux bên trái. Phía dưới kia là CNIT, trông như một con sò khổng lồ trắng toát nằm mơ ngủ, biết đâu đang giấu trong lòng một viên ngọc quý, một nàng Vệ Nữ đang

chờ đến ngày giáng sinh. Cách đây khoảng hai chục năm, thiên hạ xôn xao về nó, tòa nhà có đủ sức chứa cả một chiếc tàu. Bây giờ, CNIT như cánh hoa nằm lọt thỏm giữa một rừng cao ốc bằng kính bóng loáng... Dân Paris gọi cái Arche đứng sừng sững bên kia là chiếc cổng trời, gọi La Défense là cửa ngỏ của thủ đô hướng về thế kỷ hai mươi mốt. Riêng Vinh lại thấy đây gần như là sự sao chép down town các thành phố lớn của Mỹ, chẳng có gì đáng huênh hoang. Những tòa cao ốc kia ngất ngưởng phản chiếu bầu trời, kiêu hãnh in bóng lẫn nhau, chúng nuốt hàng trăm ngàn người ngái ngủ vào lòng mỗi sáng rồi lại nhả ra khi xế chiều, ngất ngư mỏi mệt sau giờ tan sở. Những con khủng long khổng lồ ấy chiếm lĩnh bầu trời và mặt đất, khinh khỉnh ném tia nhìn kiêu ngạo xuống bầy người li ti đang xuôi ngược vội vã dưới chân...

Đứng giữa La Défense, Vinh thường bị choáng ngợp với nỗi lo sợ vu vơ của một kẻ nhà quê lần đầu bỡ ngỡ bước chân vào phố thị. Vinh không tìm được sự gần gũi thân thuộc giữa những khối meccano đồ sộ kia như khi lang thang trên hè phố Paris, hay, ở một thời xa xưa nào đó, rong ruổi cùng lũ bạn nghịch ngợm trên những chiếc xe đạp cà tàng dưới vòm me xanh Sài Gòn mát rượi. Vinh yêu mến những gì mang tính người, có nghĩa là bừa bộn một tí, sai sót một tí, còn nơi đây, mọi thứ có vẻ sạch sẽ quá, tươm tất quá, toàn hảo quá, những tòa cao ốc hùng hục làm việc trong ngày và lạnh lẽo cô đơn sáng đèn khi đêm xuống, những con người-máy thao tác nhịp nhàng theo một guồng máy quay đã được hoạch định sẵn trên hồ sơ, đồ biểu từ sáu tháng, một năm trước.

Cũng như mọi người, Vinh đến và đi với công việc trong dầu, giấy tờ đầy cặp và trái tim trống rỗng. Đồng nghiệp không đồng nghĩa với bạn bè và sở làm không phải nơi nhà ở.

– Mày mơ đó hả?

Vinh quay đầu lại, nụ cười ngượng trên môi:

– Chào Eric, khỏe không?

– Vậy vậy, còn mày?

– Tao đang bực mình, chưa kịp lưu dữ kiện... Hệ thống (*) chạy lại chưa?

– Lúc tao lên đây thì chưa sửa xong. May ra sau giờ ăn trưa...

Trong đám đồng nghiệp, Vinh gần gũi với Eric nhất. Thằng Tây

nổi tiếng Don Juan này của IBM La Défense, luôn luôn với chiếc nơ bướm trên cổ, lại thích tâm sự lẩm cẩm với một thằng Mít trầm lặng, từ chuyện thời sự, chính trị, phim ảnh, sách vở đến chuyện tiền, chuyện gái, chuyện ăn chơi. Eric ồn ào, sôi nổi, đôi mắt cười và đôi tay linh động phụ họa thêm cho lối nói duyên dáng đầy đam mê. Nhưng hôm nay, Eric đứng bên Vinh, nhìn thẳng, im lặng, sự im lặng bất thường của một thành phố náo nhiệt bị giới nghiêm.

– Mày mệt hả Eric?

Vinh ngước lên và kinh hãi nhận thấy trong đôi mắt của Eric những tia nhìn cầu cứu tội nghiệp của con bê non khi bị lùa vào lò sát sinh.

– Có chuyện gì vậy? Nói cho tao nghe được không?

Giọng Eric như rạn vỡ:

– Tao bị dương tính, mới có kết quả hôm qua.

Vinh bỗng cảm thấy như có hai luồng điện lạnh rần rật chạy từ bắp đùi xuống chân và liên tưởng ngay đến đợt vận động chống SIDA với những bích chương đang dán đầy trong các trạm métro.

Nếu tôi bị dương tính, anh có ăn trưa với tôi không?

Nếu em bị dương tính, anh có khiêu vũ với em không?

Nếu anh bị dương tính, em còn yêu anh không?

Những câu hỏi có vẻ bình thường, hiền lành ấy lại tàn nhẫn xoáy sâu vào đôi mắt của những kẻ vốn thờ ơ với đủ loại quảng cáo khêu gợi đầy dẫy trong cái xã hội tiêu thụ đang sống này. Bây giờ trước mặt Vinh, là Eric, tên tử tội bất chợt lúc nào đó sẽ thốt lên một câu hỏi, đại loại: nếu tao bị dương tính, mày còn tán dóc với tao không?

Vinh buột miệng:

– Nhưng bị dương tính đâu có nghĩa là mày bị SIDA!

Và hối hận ngay. Lại cũng là một câu an ủi đầu môi chót lưỡi, chẳng khác gì cái công thức - Bonjour, ça va? - Oui, merci, et toi? - Merci ça va! - mỗi sáng và - Bonne soiré - Merci, et toi auusi - A demain - A demain - mỗi chiều khi tan sở, cứ như kéo cần đặt kim vào chiếc đĩa hát cổ lỗ sĩ và lập đi lập lại như con két, hay tệ hơn nữa, như cái máy ngu đần, một cách vô ý thức...

Mắt Eric nhìn xuống, tay vân vê nút áo:

– Đến lúc tao chuẩn bị làm đám cưới với Florence thì...

Im lặng. Mỗi đứa theo đuổi một ý nghĩ riêng. Có thể Eric đang

nghĩ đến Florence, cô thư-ký-người-mẫu của tầng lầu 7, đến hạnh phúc sẽ tan vỡ, và biết đâu, đến cái chết đen ngòm đe dọa đang lấp ló đâu đó trong tương lai. Vinh đang nghĩ đến những-người-tình-theo-lời-kể-lại của Eric và chợt nhớ đến câu "Gieo gió gặt bão" hay "Quả báo nhãn tiền". Có bất nhẫn quá không? Đùa giỡn với tình yêu, với xác thịt cũng đẩy người ta đến bước đường cùng, đến cái chết được hay sao? Tiểu thuyết, ciné, bi kịch hẳn phải có một khoảng cách với cuộc đời thường nhật chứ! Mà cuộc đời thường nhật, thế nào là cuộc đời thường nhật? Một ngày của Eric sẽ khác với một ngày của Vinh, và chắc chắn không giống chút nào với một ngày của X triệu phú, Y ca sĩ, Z ăn xin.

Đã có một thời, Vinh muốn phá bỏ cái thường nhật ấy với những cãi cọ về tiền bạc chi thu mỗi ngày của bố mẹ và những câu khuyên nhủ "Cố học giỏi nghe con", "Đừng đua đòi sống theo tụi Tây Đầm nghe con...", "nghe con... nghe con...", sau đó là sự bỏ bê hoàn toàn để dồn hết sức lao đầu vào thương trường. Vinh muốn nổi loạn. Vinh đã nổi loạn, thù gia đình, ghét bố mẹ, chán bọn Viet quanh co giả dối, úp mở che đậy. Vinh cạo đầu, nhuộm tóc, ăn mặc lôi thôi lếch thếch, trốn học, đàn đúm, hút, chơi, uống và điên cuồng với những cuộc rượt đuổi bằng moto, khoan khoái với tốc độ và tiếng gào rú của bầy thú hai bánh bất kham. Vinh muốn phá vỡ, đạp đổ, xóa bỏ tất cả những ràng buộc chung quanh, những định kiến, lề lối, phép tắc, những thói quen suy nghĩ bất di bất dịch, nhưng dần dần lại rơi vào những luật lệ mới của cuộc chơi. Vinh oằn oại, giãy giụa như một con ruồi ngu ngốc giữa cái mạng nhện vô hình tai ác đó. Và việc đi lính sau khi trượt tú tài như một nhát kéo giải thoát, cắt đứt màng tơ nhện. Vinh rơi xuống mặt đất thực tại, đau đớn, nhưng gượng, và đứng dậy được. Mười hai tháng quân ngũ, qua Lập, người bạn Việt Nam duy nhất cùng khóa huấn luyện, Vinh có một cái nhìn mới về cuộc sống, về nguồn gốc, về chính bản thân mình. Những vết thương có đủ thời gian để liền miệng và con ngựa chứng trong Vinh đã thôi lồng lộn.

Bây giờ, đứng đây, với cravate, áo veste, quần tây, giày vớ, có khác gì đâu so với mọi người chung quanh, nhưng Vinh hiểu mình đã trưởng thành, tự tin và tìm được một vị thế riêng, tách biệt khỏi thiên hạ. Vinh sống theo ý thích của mình, không a dua thời thượng, không lòn cúi khuất phục, và vượt lên trên dư luận. Vinh sống không-giống-ai-và-không-ai-giống, hoàn toàn thoải mái cả về thể chất lẫn tâm hồn.

Bản hất anticonformisme vẫn còn dâu đó trong Vinh, nhưng nó không còn đủ sức biến Vinh thành một "quái tượng" của xã hội, trái lại, nó giúp Vinh có một cái nhìn sáng suốt, phân minh và bao dung hơn. Nó ngăn cản Vinh chạy theo đám đông để khen chê loạn xạ chuyện nọ việc kia, đôi khi ngô nghê như trò con trẻ. Và như vậy, Vinh vững tin vào bản thân hơn cái thời phải dùng tốc độ moto, từng lít whisky và những điếu haschisch để biểu lộ cá tính, để xác định vị trí của mình trong xã hội. Nhưng dĩ nhiên, để vươn đến được một lối sống như vậy, Vinh luôn luôn phải đặt nhiều dấu hỏi trong đầu để tránh không sa vào lối mòn tầm thường, vào những theo-đuôi-thần-tượng ngờ nghệch, mù quáng...

Eric bật quẹt hút thuốc. Vẫn cái nhìn vô hồn vào khoảng không, cái nhìn tròn xoe ngơ ngàng của những đôi mắt cá chết. Đôi mắt màu thép non kia hẳn đã có lúc quyến rũ, có lúc say đắm, có lúc ngây dại, đôi mắt sâu thăm thẳm ấy với những tia nhìn chết ngự, Vinh biết, đã làm rung động biết bao trái tim thiếu nữ. Vậy mà bây giờ đôi mắt đó trống rỗng, như những đam mê cuồng si nhất thời, trống rỗng như cuộc sống hào nhoáng bề ngoài, hời hợt chóng quên của Eric, với những mối tình tạm bợ vài tuần, đôi ba tháng...

Vinh chợt nhớ lại chuyện ban sáng, trong RER. Toa xe chật ních, mọi người ép sát vào nhau như cá mòi. Trước mặt Vinh là một cô dầm nhỏ người có mái tóc dài chấm vai. Thân thể cô gái gần như dán chặt vào ngực Vinh và mỗi lần xe chao động mạnh, sự cọ sát của những làn vải mỏng áo mặc mùa hè lại làm Vinh nóng bừng mặt và thở mạnh. Không hiểu cô gái có nghe được tiếng tim loạn nhịp kích thích, có cảm nhận được hơi thở nóng hổi thèm muốn của Vinh hay không mà khi bước xuống trạm Charles de Gaulle -- Etoile, tia nhìn của cô gái khi ngoái cổ lại làm Vinh choáng váng, tia nhìn như khiêu khích mời gọi và đục mờ dục vọng. Nếu sáng nay không đi làm và không có buổi họp quan trọng lúc chín giờ rưỡi, biết đâu Vinh đã đi theo cô gái xa lạ và chẳng hiểu chuyện gì sẽ xảy ra sau đó. Có đôi khi lý trí bị che mờ và con người xử sự với nhau như loài thú. Paris biến thành một khu rừng khổng lồ và những con thú bản xứ cất tiếng gào rống cùng bầy thú du nhập từ Phi châu, Á châu, Mỹ châu và Úc châu. Tất cả chen chúc trong những toa xe điện ngầm, sống vội vã, làm tình vội vã. Mọi động từ đều được kèm theo trạng từ "vội vã" cho đúng điệu

văn minh, cho xứng đáng với thời đại của TGV, của phi thuyền con thoi, trạm không gian và hỏa tiễn liên hành tinh.

Bởi vậy, trường hợp của Eric đâu phải là một trường hợp đặc biệt, nó chỉ có tính chất rủi ro mà thôi. Giữa cái xã hội quá an toàn này để con người đôi khi cảm thấy bị tù túng cảnh cá chậu chim lồng, chuyện rủi ro đâu phải không thể xảy ra, nhất là khi nhu cầu hưởng thụ về đủ mọi mặt của con người càng tăng, cả về số lượng lẫn chất lượng. Vinh tự hỏi nếu một ngày nào đó, sự rủi ro của Eric sẽ thành sự rủi ro của Vinh, Vinh sẽ có những hành động, những suy nghĩ gì. Những câu hỏi đại loại như vậy cứ đến với Vinh nhiều lần trong cuộc sống, khi thì Vinh thử nhập thân vào một người bị bệnh làm mù hai mắt, có lúc Vinh lại tưởng tượng ra những thử thách của một kẻ bị tai nạn lưu thông làm tàn phế, suốt đời phải ngồi trên xe lăn. Hạnh phúc thay cho những ai còn minh mẫn trí óc và lành mạnh thể xác. Đôi lúc Vinh vẫn thầm cám ơn cuộc sống đã cho mình nếm trước trái đắng để hiểu rõ thế nào là vị ngọt của cuộc sống bình yên. Vinh hiểu rằng chấp nhận cuộc sống hiện tại, sống trọn vẹn với những vui buồn thường nhật của nó khó khăn hơn nhiều so với sự chối bỏ, quay lưng phủ nhận hay đưa chân đạp đổ đi để tìm một thứ tuyệt hảo không tưởng, nằm ngoài tầm tay...

Tiếng ho khúc khắc của Eric kéo Vinh ra khỏi chiều dài suy nghĩ. Vinh quay sang, bắt gặp cái nhìn chênh chếch của Eric.

– Vinh, mày đừng nói cho ai biết chuyện của tao nghe!

Vinh đưa tay phác một cử chỉ tuyên thệ:

– OK, tao không nói gì đâu, mày đừng lo. Giữa trưa rồi, mày xuống căng tin ăn với tao không?

Lần này, Eric nhìn thẳng vào mắt Vinh, nháy mắt với một nụ cười méo xệch:

– Si je suis séropositif...

Cổ Ngư
Paris 07-92

(*) Système d'exploitation

HOÀNG-VŨ ĐỨC-VÂN

quang hành khúc

Tiếng vọng bài thơ "Ta về" của Tô Thùy Yên. Mừng bạn!

Một bóng trên đường lầm lũi đi
Thơ trên vạt áo chẳng ai để
Bàng hoàng muôn dặm sơn khê
Tang thương dâu biển bốn bề tịnh không...

Mười tám năm tha phương tâm sự
Chốn chợ đời hiu quạnh rừng thu
Lặng thinh nghe gió vi vu
Ngộ Không thành vượn tự tu thấy mình...
Dường đã qua Đông, Tây trăm ngả
Dạ thản nhiên chẳng vướng bụi hồng
Trời xưa cũ ngẩn ngơ mong
Mặc cho cát bụi tháng năm mịt mù...
Trời có nói gì đâu mà hỏi
Hỏi lòng mình sẽ giải đáp cho
Tha phương ruột rối tơ vò
Đất bạc mầu dất tò mò ích chi!...
Nghe vó câu phi qua cửa sổ
Thời gian đi có trở lại đâu!
ích gì những nỗi lo âu?
Chuyện đâu có dó trước sau cũng hòa...
Cuộc sống dài một tình toại nguyện
Phúc hạnh rồi còn muốn thêm chi?
Lỡ sông bồi đá mấy khi?

Đổi đời cổ lục có ghi cũng thừa!...
Trên đường về mái đầu sương điểm
Lòng đã nghe tâm lượng đất trời
Chân thành xin cảm tạ đời
Thế gian giả trá học bài đã xong...
Tưởng tượng ra khi về đến cửa
Ngoảnh lại trông ngựa đá qua sông
Ta đi cá nước lòng sông
Ngũ liên nôn nả trống mừng gióng lên...
Về đến nơi lá rơi về cội
Sưởi lòng bên lửa ấm canh khuya
Rượu nồng rưới đất sẻ chia
Nghiệp tâm đã giải oan khiên chẳng còn...
Mừng mừng tủi ơn đời máu chảy
Chân lữ hành cứng đá mềm ra
Cũng như ruột với tim ta
Mưa nguồn chớp biển thật xa, xa rồi...
Về đến nơi: hạt sương trên cỏ
Sầu thế nhân đã thực chuyển dời
Tin mừng loan báo cho đời
Từ sinh đến diệt người người thương yêu...
May thu về lùa đi nỗi nhớ
Bao nhiêu năm lưu lạc gặp nhau
Bèo mây ngàn dặm chuốt trau
Không còn tự hỏi nơi đâu là nhà...
Về đến quê sợi tơ trời trắng
Mong manh như một ánh nắng hanh
Trời cao đã chứng tâm thành
Nhưng còn văng vẳng âm thanh bạn đường...
Về đến quê ý thơ xiêu tán
Lòng lâng lâng muôn sự như quên
Một tâm thành tạ Ơn Trên

Về nhà xây lại Dạo nền thờ ơ...
Giờ phút này lập ngăn nắp cũ
Dựng giậu nghiêng phạt sạch cỏ um
Ngày đêm thỉnh lại hồi chuông
Ấn am thanh vắng xả buông chuyện đời...
Giờ phút này giải bùa thiêng yểm
Dem hồn về gỗ đá chơi vơi
Tỉ tê chuyện cũ mà chơi
Một lần cho hết rồi thôi, nhẹ mình...
Giờ phút này giờ thơ phút thẩn
Nhẩn nha mà nói chuyện tâm tình
Lầm than dã biết tự mình
Tầm xuân, hoa bưởi xinh xinh cười cười...
Giờ phút này con về tạ tội
Phung phá nhiều lỗi đạo làm con
Cúi đầu sám hối nghiêm đường
Mẹ Cha lòng mở yêu thương vô bờ...
Tay vắt trán "ngẫm đời thất bát
*Hứa trăm điều một chẳng làm nên"**
Dời qua lớp lớp đảo điên
Giọt sương thầm khóc biển thiên lệ nhòa...
Về quê nghe "tiếng kêu đồng vọng
*Rau mác lên bờ đá trổ bông"**
Mẹ Cha vẫn đứng đợi trông
Mênh mông biển cả đón sông trở về...
Về quê "nghe máu ân tình chảy
*Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau"**
Gặp em thức suốt đêm thâu
Ngửi hương hoa bưởi nhiệm màu Tình xưa...

* *thơ Tô Thùy Yên*

TRẦN HOÀI THƯ

thằng nhỏ bỏ đi

Thằng nhỏ đã bỏ đi. Bỏ con dốc theo nhà Thơ. Thơ nhìn theo Thơ khóc. Thằng nhỏ chẳng cần quay mặt lại. Con hận má. Con hận bác. Con hận tất cả mọi người. Bà Cả, thằng Toản, thằng Trực. Và nó xách chiếc va li thiếc, mang chiếc quần sọt, và chiếc áo vải bông, mà mỗi dịp Tết nó vẫn lấy ra mặc. Còn gì ở phía sau. Cái nền nhà cao ngất, cái sân nhà cát đụn, cái đu, những cây chuối sau hè. Tuổi thơ của thằng nhỏ chôn vùi trong bóng tối của ngôi nhà: đôi mắt say rượu đỏ ngầu của bác, chiếc miệng nồng nặc mùi men, như phà xuống nó, khiến đầu óc nó tối tăm xây xẩm, hay hàm răng nghiến đến kèn kẹt của bà Cả, và đôi mắt dễ chừng ăn tươi nuốt sống của bà. Và má. Mấy mươi năm sau này, con vẫn tự hỏi lòng: Tại sao má lại chịu đựng như vậy. Vì định mệnh hay vì sự chọn lựa của má.

Chẳng ai đưa tiễn thằng nhỏ. Chỉ có Thơ. Thơ nhìn theo Thơ khóc. Buổi trưa ở Rộc trời nóng như thiêu đốt. Con đường quốc lộ dẫn qua trường Tàu, khách sạn, khu trại binh, và về phố chính. Bên đường là ruộng rau muống xanh um. Phía bên kia đường, là một lũng, dẫn lên ngôi trường Sinh Trung. Bao nhiêu đó, đã thấy thằng nhỏ lớn lên. Và bao nhiêu vì sao đêm trên bầu trời Sinh Trung đã thấy những đêm đầy nước mắt của thằng nhỏ. Và những buổi trưa nắng cháy lửa mặt trời cũng đã thấy hai tay thằng nhỏ trói cùm trên chiếc cột đu, và cái đầu trọc. Trời ơi, thằng nhỏ sợ cả bóng tối, ánh sáng. Thằng nhỏ thu mình trong góc xó căn nhà. Cái gì gọi là tuổi thơ. Cái gì gọi là thời kỳ đẹp đẽ nhất của một đời người. May mà nó có Nha Trang, có Thơ, có anh Bình, thầy Thuận, thằng Tín. May mà nó có biển, nhà ga, những con

đường ven bờ biển với hai hàng bàng, con sông dằng sau Rộc, những vùng lau lách ở bên kia sông, dẫn đến núi thẳm bạt trùng.

Tôi sinh ra dời ở đâu, khi nào, tôi cũng chẳng hề biết. Ba tôi, tôi cũng chưa hề thấy mặt ông một lần. Còn mẹ tôi. Tại sao bà lại không bao giờ kể cho tôi nghe về nơi chốn tôi chào dời. Hay tôi đang là cái tai họa cho bà. Mẹ. Má. Tôi đã gọi bà, nép vào người bà, dựa vào ngực bà, trườn mình bú từng dòng sữa từ vú bà. Tôi quá nhỏ và quá khờ khạo để hiểu về sự có mặt của một người đàn ông. Còn ba tôi đâu, anh chị tôi đâu. Đằng sau tôi, dĩ vãng đen đặc như những miếng cơm cháy mà mẹ tôi đã dành cho tôi. Bà lại dặn dò tôi: Hễ ai hỏi ba con ở đâu, thì nói ba con chết rồi, nghe chưa? Tôi gật đầu. Tôi chẳng bao giờ đặt một câu hỏi, về tôi, về bà, về người đàn ông mà tôi gọi là bác, về cái thế giới như cõi địa ngục mà tôi hiện sống.

Như vậy ba tôi mất khi tôi còn quá nhỏ. Và mẹ tôi đi lấy chồng. Bà làm vợ bé của người đàn ông mà tôi gọi bằng bác. Vợ lớn của bác đã có ba đứa con trai. Trời ơi, tôi thương bác, nhưng tôi không thể quên được số phận côi cút của tôi giữa cảnh con mày con tao. Tôi bị ném vào đấy, không ruột rà, không máu mủ. Tôi bị mẹ tôi đẩy vào đấy, bơ vơ đến độ trên thế giới này chưa có ai bơ vơ. Tôi là một con chó con tha hồ bị hành hạ từ muôn phía. Dù bác là một người rộng lượng, san sẻ tình thương khắp mọi đứa con ông, nhưng làm sao bác ngăn được hàm răng nghiến kèn kẹt, đôi mắt long lên sòng sọc mỗi khi đám con bà mách lại về tôi: Má ơi thằng Nam nó đánh con. Má ơi, thằng Nam nó giựt đồ của con. Má ơi thằng Nam nó chửi con... Cứ mỗi lần như thế là mỗi lần bà lớn điên cuồng giận giữ, tru tréo. Và cứ mỗi lần như thế thì mẹ tôi uất nghẹn hành hạ tôi, để thỏa mãn tự ái. Bà tát vào mặt tôi, mũi tôi những cái tát nẩy lửa. Bà điên cuồng dùng bất cứ vật gì, cái đòn gánh, cái gậy tre, quất vào người tôi xối xả. Máu từ lỗ mũi tôi tuôn ra. Tôi cứ để cho máu chảy ra như thế. Tôi muốn những dòng máu lai láng kia làm mẹ tôi tội nghiệp. Tôi muốn máu của tôi làm hả hê nỗi tức giận của bà lớn. Tôi bò, tôi quỳ, tôi van lạy mẹ tôi. Tôi bị mẹ tôi bắt phải lạy xin lỗi bà lớn: "Dạ thưa bác gái, con hứa từ nay con không tái phạm nữa". Bà lớn quay mặt sang chỗ khác, hứ lên một tiếng: "Không tái phạm, không tái phạm cả trăm lần!!!"

San những trận đòn của mẹ tôi, tôi kiệt sức, đau nhức cả thân thể đến nỗi tôi không thể ngủ được. Và nước mắt tôi tự nhiên chảy lênh láng. Mẹ tôi vạch mùng dùng dầu cù là thoa bóp trên da thịt tê bầm

của tôi. Tôi cắn răng đau đớn. Tôi giận ai đây. Mẹ tôi? Hay bà lớn. Hay đám con của bà. Mẹ tôi nói trong nước mắt: "Con đừng chọc mấy đứa nó nữa. Con khổ má cũng đau lắm. Con biết không?" Nói về mẹ tôi, tôi chẳng có gì để hãnh diện. Nhưng tôi biết một điều là bà có học. Bà viết chữ đẹp, và hơn nữa bà cũng nói được đôi tiếng Pháp. Bà không đẹp. Dáng hình thô, trán cao, má hơi gầy. Bà đi thật mau, khiến đôi lần tôi đuổi theo muốn hụt hơi. Có khi trong đêm, khi tôi ngủ chung với bà, tôi vẫn bị đánh thức bởi sự có mặt của bác. Bà đã nhẹ nhàng quay mặt tôi về hướng ngoài giường. Như vậy, tôi biết mẹ tôi thương bác vô cùng. Bởi vì nếu không thương tại sao bà lại chịu đựng trong cái hoàn cảnh tăm tối như thế này. Sáng sớm tinh sương, khi trời vẫn còn nhá nhem, thì bà đã thức dậy, sửa soạn gánh gồng để ra chợ Dầm, để sau đó, vào hoàng hôn bà trở lại nhà, kèm thêm chai rượu trắng cho bác. Bà lớn thì chỉ biết lên đồng lên bóng. Còn bác thì mỗi ngày mỗi chứng kiến cơ nghiệp xuống dốc. Chiếc xe tải độc nhất dùng để chở vật liệu đấu thầu hay cát xây nhà mỗi ngày gặp mỗi trục trặc. Tiền bạc không vào mà lại ra. Trong khi lũ trẻ thì lớn như thổi, ăn mạnh như hổ. Và bác buồn chỉ biết khuây khỏa bên chai rượu trắng. Chỉ còn mẹ tôi, một mình chống chỏi. Bà lập hụi, làm mấy chủ hụi khắp thành phố. Bà kêu tôi đi đòi tiền hụi. Và mỗi lần như thế, tôi lại trở thành một nạn nhân. Đối với những người chơi hụi thiếu nợ ấy, tôi đã mang lại cho họ cái điềm xấu. Tôi đến lúc họ ăn cơm. Người chồng trợn trừng nhìn vợ, xong đập chén cơm đang cầm và chửi: "Hết chuyện đòi, cứ đến giờ ăn giờ uống lại đòi, hở thằng nhỏ?" Tôi sợ hãi chỉ biết thối lui. Sau đó tôi lại lê la khắp Nha Trang. Tôi sợ khi phải giáp mặt cùng cái thế giới cũ. Tôi sợ phải trở về để nghe mẹ tôi ôm lấy đứa em cùng mẹ khác cha của tôi mà lao vào bánh xe tải đậu trong gara để đòi tự tử. Trời ơi, thế mà tôi đã sống trong thế giới đó. Thế mà mẹ tôi lại sống trong thế giới đó, tiếp tục cho bác tôi từng đứa con mỗi năm. Tôi thật sự không hiểu nổi.

Tôi lêu lổng cùng Nha Trang. Tôi bấu víu vào Nha Trang. Tôi về biển, trần truồng nhào xuống tắm lội vẫy vùng. Tôi nằm trên bờ, phủ người đầy cát, giang nắng. Tôi rủ đám bạn nhỏ xuống chợ Dầm, lục lọi những miếng thịt thừa vứt bỏ, cột vào cây tre để về biển cắm xuống đáy, nhử bắt đám cua còng. Tôi đu theo chiếc xe ngựa về cầu Hà Ra, Xóm Bóng, xuống Hòn Chồng, để đứng trên mỏm đá phóng nhào xuống biển nước xanh um. Tôi giấu mình trên toa tàu xe lửa chạy về

Thành, để bắt dế mèn. Tôi chọc ghẹo lũ chó berger ở các ngôi dinh thự. Đêm đêm tôi theo dám trẻ đánh giày lên rạp hát Tân Tân, Tân Tiến, tìm cách chui vào rạp, hay xa hơn về nhà điếm Lê Dương nhìn đám đàn bà con gái son phấn ngồi ườn ẹo trong lòng lính Tây hay Ma Rốc. Tôi lang thang đầu đường xó chợ. Tôi sợ phải trở lại cùng địa ngục. Tôi căm thù tất cả ở trong ngôi nhà dưới con dốc. May mà ở đấy còn có cô bé láng giềng. Ít ra nó còn hiểu tôi. Mà tại sao nó lại ôm chặt tôi trong vườn mía sau nhà, lấy tay tôi áp vào ngực nó, nói nho nhỏ: Nam ơi, tao với mày làm trò chơi vợ chồng đi. Tôi không hiểu gì về trò chơi này. Mày chỉ tao đi. Ờ, mày đưa tay mày để tao nắm. Miệng mày phải đặt trên miệng tao. Mày biết vợ chồng thường phải hôn nhau. Con bé cầm lấy tay tôi đặt khắp thân thể nó, lần xuống phía dưới. Tôi thì nín thinh, nhưng người tôi nóng ran. Tôi nhớ đến cảnh tượng trong nhà thổ. Những người đàn ông đàn bà bấu víu nhau, những vú ngực căng tròn. Tự nhiên tôi nói với con bạn nhỏ: Mày cởi hết quần áo đi. Đứng dậy để tao nhìn thân hình mày. Nó gật đầu, cởi hết quần áo. Đứa con gái mười tuổi, và đứa con trai mười tuổi. Đứa con gái đứng lộ liễu dưới ánh trăng xanh mát. Gió thổi từ Rộc nhè nhẹ mơn man. Thằng con trai nhìn dăm dăm vào thân hình đứa con gái, cố gắng khám phá tất cả bí mật từ lâu bỏ dằng sau bộ quần áo. Dù nó đã thấy con bạn trần truồng chạy nhảy dưới trời mưa trên sân nhà đất thịt, nhưng đối với nó lần này, nó nghĩ đến một điều gì khác, thầm kín hơn, bí ẩn hơn, khiến người nó nóng ran, da thịt muốn căng lên, bật lên, không thể cắt nghĩa nổi.

Thằng nhỏ đã bỏ đi. Bỏ con dốc dẫn qua nhà Thơ. Thơ nhìn theo Thơ khóc. Bỏ đi thì vừa. Nhưng chắc gì thằng nhỏ bỏ được Nha Trang, bỏ Thơ.

Tôi đã nói tôi là một đứa trẻ không cha. Mẹ tôi luôn luôn bảo nếu ai hỏi on ba con dâu thì nói ba con chết rồi nghe không. Tôi vâng lời bà, cũng như vâng lời số phận không được may mắn của tôi. Tôi vẫn được bà cho đi học. (Thì ra bà vẫn còn thương tôi). Từ cái ngôi trường dồng ấu, mà người thành phố gọi là trường Thầy Trực, tôi đã có những ngày tháng đầu tiên của thuở học trò. Lớp học nằm cạnh chuồng heo, và hình phạt của thầy là quỳ trên vỏ mít, cạnh chiếc chuồng heo hôi thúi. Tôi chẳng thể nhớ bao nhiêu lần tôi quỳ trên chiếc vỏ sơ mít nhọn hoắt ấy, bao nhiêu lần ngón tay tôi bị gõ bởi thước kẻ. Ai đã khám phá những hình phạt này dành cho đám học trò bé nhỏ như tôi.

Rồi lớp tư lớp ba tôi qua trường làng Sinh Trung, với thầy giáo Minh mang cặp kính lão, với hồi trống nổi lên vang rền cả một khu chợ Dầm đằng sau, với bà cai già với quày hàng trước cổng trường. Tôi đã được may mắn đến trường như dám con của bác. Bác là người đàn ông tốt bụng, và hào sảng. Ông đã coi tôi như con ruột của ông. Nhưng buồn ơi, tôi đến trường để cảm nhận nỗi mất mát to lớn nhất của một đứa bé không có cha. Bao nhiêu bạn nhỏ cùng lớp, có đứa nào như tôi không, có đứa nào đêm đêm nằm trong lòng chiếc phản gụ đen mun mát lạnh để khóc thầm, khóc mà không hiểu tại sao mình lại khóc. Có đứa nào bị hành hạ man rợ như tôi không. Có đứa nào bị cột dây phơi nắng, cạo trọc đầu như tôi không. Tôi đến lớp để nghe thêm những lời chê khinh của lũ nhỏ. *Thằng Nam không cha*. Tôi đã thua thiệt từ mọi nơi mọi phía. Tôi cúi mặt, bịt tai. May nhờ con Thơ. Con nhỏ sao cứ nũng nịu với tôi, đòi chơi trò chơi vợ chồng cùng tôi trong vườn mía. Tại sao nó khuyên tôi: Nam ơi, mày đừng buồn, đừng khóc... Thấy mày buồn, tao chịu không nổi, tao khóc theo. Tôi thèm được như nó. Mẹ nó đâu có người đàn ông nào đâu. Bà vẫn suốt ngày đi làm ở dưới phố, về nhà săn sóc dám con cái của bà. Chỉ có mẹ tôi. Hở, tại sao vậy, tại sao mẹ tôi lại không can đảm như bác Thơ gái. Thật sự tôi chẳng hiểu nổi. Chẳng bao giờ hiểu nổi. Ngay cả con Thơ nữa. Đó là chuyện người lớn. Nó vẫn hay gắt với tôi. Và tôi chỉ biết lặng thinh.

Tôi đã mang câu hỏi ấy mãi đến tận sau này, lúc tôi trưởng thành. Càng hiểu tôi càng bị dằn vặt dày vò. Nếu tôi phải thương hại mẹ tôi một trăm lần thì phải ghét thù bà đến hàng vạn lần. Tôi cảm ơn bà vẫn còn bảo bọc tôi trong cái căn nhà địa ngục, nhưng tôi phải khinh bỉ bà đã không như những người đàn bà khác, chung thủy, trung tiết.

*

Mãi đến một ngày, mẹ tôi không thể giấu tôi nữa. Bà biết tôi đã lờ mờ hiểu về số phận của tôi. Bà biết trong đầu óc của tôi đã nẩy nở những câu hỏi, những tra vấn, những phản kháng, nổi loạn. Bởi tôi đã bước qua tiểu học, và bắt đầu vào bậc trung học. Tôi chẳng còn biết khóc, hay để cả dòng suối máu cam đỏ tuôn xối xả như ngày trước nữa, mà trái lại tôi cắn răng, nghiến bầm cả môi cả miệng như thách đố cùng bà. Rằng bà cứ đánh đi, đánh chết con bà cũng được. Nhưng bà hèn lắm. Bà xấu hổ lắm. Bà không xứng đáng làm mẹ tôi. Bác trở nên xa cách tôi hơn, không còn kêu tôi đi mua rượu trắng cho bác nữa.

Tôi cũng vậy. Nhưng có một điều, lúc này, dường như đầu tôi ngẩng lên, mặt tôi hướng thẳng, rằng tôi vẫn có một người cha như mọi đứa nhỏ ở trên đời này. Rằng ba tôi vẫn còn sống.

Và mẹ tôi đã kể ba và các chị tôi vẫn còn sống, hiện ở tại một nơi mà mẹ tôi nói là Thanh Hóa. Bà còn đưa tấm hình chụp người chị tôi, với dòng chữ viết đằng sau hình: Mong mẹ về với con. Tôi nhìn thẳng vào bà, hỏi: Tại sao má lại không về. Tại sao má lại chịu cái cảnh đầy tớ tôi mọi mãi mãi như thế này? Mẹ tôi lắc đầu, trễ rồi. Trễ tràng rồi con ơi. Tại cái số phận má như vậy, má phải chấp nhận cái hình phạt dành cho má.

Cái hình phạt dành cho má. Không, tôi biết mẹ tôi yêu bác tôi, và chấp nhận cái hình phạt để được sống với tình yêu. Phải rồi, tình yêu đã giúp cho bà vượt qua những tả tơi, những dày dọa. Bà dầu tắt mặt tối để làm gì. Bà bị Tây bắt tra khảo trong nhà lao thành phố về tội bán buôn thuốc Tây cho kháng chiến để làm gì. Bà gượt bao nhiêu huị, mượn bao nhiêu tiền, gánh gồng bán buôn để làm gì. Hai vai bà đã còm xuống vì những thúng chuối, thanh long, bưởi, cũng vì những chai rượu đế mà bác nốc vào mỗi ngày. Bà yêu ông, sống với ông, đau khổ vui buồn vì ông, và chắc chắn đã tìm ra nguồn hạnh phúc qua ông. Giả dụ, nếu bà trở lại với cha tôi, chắc gì bà đã tìm ra nguồn cội hạnh phúc. Tội nghiệp cho bà, cái tình yêu mà bà đi tìm đã phải trả bởi một giá rất đắt.

*

Thằng nhỏ đã bỏ đi. Bỏ con dốc dẫn qua nhà Thơ. Thơ nhìn theo Thơ khóc. Thằng nhỏ đã bỏ đi thật rồi. Ngày cuối cùng ở cái nhà dưới xóm Rộc, mẹ thằng nhỏ dúi vội chai dầu nhị thiên đường vào túi áo thằng nhỏ. Bác nói mình theo tiễn con lên phi trường đi, mẹ lắc đầu. Thằng nhỏ cầm chiếc va li thiếc, bước xuống thềm tam cấp, ra khỏi cổng rào bằng hàng kẽm gai. Nó bước qua nhà Thơ. Thơ đã đứng ở đấy. Mười hai tuổi rồi, mái tóc cột sợi vải màu hồng. Đôi mắt sũng ướt. Hết từ lâu trò chơi vợ chồng, mày lấy bàn tay tao bỏ trên ngực mày, nhắm mắt một chút lâu. Hết rồi một đêm trăng xanh trên vườn mía, tao kêu mày cởi hết áo quần để tao xem thử cái gì ở sau bộ quần áo của mày. Hết rồi những lần mày ôm chặt tao khi nghe bước chân người nào vọng lại. Bây giờ thằng nhỏ từ biệt. Lá trở về nguồn cội. Về để gặp lại cha, gặp chị. Cám ơn ba, ba đã cứu con. Cám ơn ba, nhờ ba mà con đã tìm lại nỗi tự hào của một đứa nhỏ. Trên đường đi, trí

não thằng nhỏ thêu dệt bao nhiêu điều về một phương trời mà nó sẽ đến. Về một người đàn ông mà nó sắp sửa gọi là cha. Nó lẩm lũi bước đi, về phố, về ngôi nhà đợi Air Viet Nam. Chẳng một ai đưa tiễn thằng nhỏ.

*

Bây giờ gần bốn mươi năm để thằng nhỏ ngày nào hiểu rõ hơn về đời, về thân phận, định mệnh. Nó đã không còn cái nhìn một chiều nữa mà trái lại nó đã trở thành một người khác, già giặn hơn, hiền từ hơn, độ lượng hơn để phán đoán suy xét. Người trung niên ấy đang ở xứ người. Tôi đang ở xứ người. Lá thư của mẹ tôi xin tôi ít tiền, và một số thuốc men. Bà không bao giờ nhắc đến bất cứ một ai trong căn nhà cũ. Bà chỉ kể lể hoàn cảnh bệnh hoạn của bà trong mọi thư bà gởi. Nhưng lần này bà đã nhắc đến người đàn ông mà năm xưa bà bắt tôi gọi là bác. *Bác đã mất rồi con ơi.* Hình như bà muốn trút hết nỗi ai oán nghẹn ngào lên từng dòng chữ. Nét viết yếu lả, chữ xuống, chữ lên như tuổi già của bà, và căn bệnh của bà. Hay tại con tim của bà đã tan vỡ. Và tại sao bà lại nói lên niềm ai oán ấy cho tôi, một người chẳng có chút liên hệ gì đến ngôi nhà tuổi nhỏ ấy.

Bây giờ ở xứ người, tôi đã chứng kiến bao nhiêu gia đình đổ vỡ. Một cặp vợ chồng, con cái đã thành danh, nhà cửa yên bề, thế một hôm nào tuyên bố ly dị. Một người đàn bà dễ có ba mặt con có chồng chức phận bỗng một hôm bỏ chồng bỏ con theo người đàn ông ít tuổi. Tôi không dám kết án họ. Bởi tôi có quyền gì để mà kết án. Xứ sở này tự do được tôn trọng. Và mỗi người đều có lý do để sống. Và một khi người ta cảm thấy căn nhà trở thành địa ngục, thì để cho họ đi. Nhưng có một điều, tội nghiệp cho những đứa con như tôi ngày xưa. Chắc chắn một điều, một khi đứa con lớn lên, nó sẽ phỉ nhổ, khinh miệt cha hoặc mẹ nó. Chắc chắn một điều, nó sẽ phải mang theo vết thương đau nhức trong suốt cuộc đời còn lại của nó.

Còn mẹ tôi, lúc này tôi phải trách bà hay thương xót bà. *Bác đã mất rồi con ơi.* Lời nghẹn ngào đã cho tôi biết bà đã chọn con đường, và chấp nhận con đường. Đó là tình yêu. Dù bà đã bị trả bởi một giá quá đắt.

Trần Hoài Thư

THƯỜNG QUÁN

bước ra

Em trời nắng bước ra ngoài
giữa thân thể và chiếc bóng
khoảng cách cho những chiếc cổ của gió
những khuôn mặt muốn ngã vào giữa rãnh ngực dòng nước
khi mặt trời như một tháp đá đen
lửa từng tảng
tóc đen và những mái nhà nhiên liệu
đun từ dưới lên
chân cột nước trắng đòi bắn vọt
rễ đói vòng cung khai sinh
cánh và con mắt chim đen ngây dại
của đất đai trước khi là của bầu trời
của nước trước khi là của lửa
của những phôi phai còn ướt trước khi là xương đá đất tủy
của khoảng trống trước khi
em ngồi xuống và hỏi
vì sao tôi tới đây

Vầng trán một mái nhà cổ kính
một bậc thềm nổ đốm
chia tay
Không phải tôi mà là em
bước ra ngoài
Đồng loạt những tàn lá những khu phố lóa mù
bốc cháy
Chúng ta chỉ tới đây
một lần
Chúng ta chỉ tới đây một lần
để bước ra ngoài

Những tàn lá không giữ được
Những căn nhà không giữ được
Những ly nước trong trong

Dã uống cạn cơn khát mãi như ngọn lửa
buổi trưa đáy nhờn
bốc hơi
Những tàn mái dầy tóc, những lâu dài đôi chân trắng,
những bức tường
vỡ ngực phế đổ, những vòng dây leo rắn rít,
những hoa tím dại
lưng linh lập lòa nghiêng đổ
Cánh bướm. Buổi trưa
nước không thể dập tắt.

JANE M.H. SCHERECK
NGUYÊN CHÂU chuyển ngữ

chiếc bánh hồng đào

Lúc tôi được mười hai tuổi, mẹ tôi sa vào tình yêu một lần nữa. Tôi không nghĩ mẹ cố ý và cũng không ai biết được việc này - trừ tôi - vì tôi giúp mẹ làm bánh đào. Suốt cả bữa ăn trôi qua êm đẹp, cho tới lượt chiếc bánh! Thật chưa bao giờ tôi thấy chiếc bánh nào đẹp hơn nó.

Mẹ để tôi rửa giúp những trái đào đã được chọn kỹ, những trái đào ngon của mùa hè. Khi mùi hương len lén đến phủ đầy lên bạn trong một siêu thị, như là bạn đã ngửi hít từng quả đào, lúc mà lượt da dịu dàng mong manh của nó làm cho bạn phải gượng nhẹ như đối với một quả trứng, hoặc phải làm cho nó bị bầm dập, nâu đen đi.

"Em định làm loại bánh hai lớp vỏ phải không?" Bố hỏi, "hay là loại kia?"

"Loại kia". Mẹ trả lời vắn tắt.

Bố đi ra ngoài tưới cây.

"Loại kia là gì hở mẹ?"

"Nó chỉ có một lớp vỏ bánh", mẹ trả lời, "và ta nướng phần vỏ trước, sau đó mới để nhân bánh vào. Con sẽ thấy".

Mẹ cắt miếng bột đã nhồi, làm thành một miếng mỏng thật tròn, sau đó nhẹ nhàng để vào khuôn bánh một cách khít khao. Cuối cùng mẹ xếp nếp bánh với những ngón tay khéo léo.

"Mẹ đã từng làm loại bánh này bao giờ chưa?"

"Mẹ từng làm nhiều năm trước rồi".

"Sao mẹ không làm nữa?"

"Ờ, chắc tại vì nó tốn công lắm, cũng tại vì mình cần phải có những trái đào thật hoàn hảo". Mẹ nhìn ra ngoài cửa sổ, "và bố thì lại thích

loại bánh khác, như bánh táo chẳng hạn. Nhưng đây là loại bánh mẹ thích nhất".

Mẹ dùng nĩa làm thủng mặt vỏ bánh.

"Sao mẹ phải làm vậy?"

"Để thoát hơi, nhờ vậy đáy chiếc bánh không bị phồng lên khi nướng", và mẹ đẩy chiếc bánh vào lò nướng rồi vặn giờ báo hiệu.

"Bây giờ thì mình làm nhân được rồi đó".

Mẹ trở lại bàn làm bếp, nơi mà tám quả đào đã được rửa, nằm chờ dợi bên cạnh bồn nước, tấm trong ánh nắng, những giọt nước còn vương lên lớp vỏ mịn mờ mờ trông như những giọt nước mắt ấm trên đôi má.

"Con có rửa kỹ không đó? Mấy trái đào này trông thật là đẹp". Mẹ mỉm cười, nhón lấy quả đầu tiên. "Con coi đây nè. Thật là một trái đào hoàn hảo". Mẹ vừa khen vừa cắt vỏ đào thành từng miếng mỏng dài. Tôi dõi theo từng miếng vỏ rơi xuống cùng lúc cảm thấy nước bọt ứa ra ngon lành trong miệng. Sau khi gọt vỏ từng trái, mẹ cẩn thận xắt ra thành mười sáu phần.

"Tại sao mẹ lại quyết định làm loại bánh này tối nay vậy hả mẹ?"

"Mấy quả đào này ở trong chợ trông ngon quá", mẹ nói "mẹ không chịu nổi sự quyến rũ của nó".

"Thầy của mẹ có thích loại bánh này không?" tôi hỏi.

"Mẹ đoán là ông ta sẽ thích". Đồng hồ báo giờ kêu lên và mẹ xem lại vỏ bánh trong lò nướng. "Chỉ một chút xíu nữa", mẹ nói.

Mẹ chọn lựa trong những miếng đào, lấy những miếng không được đẹp bỏ vào một cái tô khác và làm nát ra. "Để làm nhân", mẹ nói, rồi bỏ vào một cái soong để trên bếp.

"Cái gì trong đó, mẹ?" tôi hỏi.

"Rất nhiều đường", mẹ trả lời một cách mơ hồ "và mấy thứ khác". Mẹ có vẻ thích thú với sự xếp đặt của mình. "Trong đời tôi hiện giờ có những bí mật sâu kín, quá ngọt ngào để mà chia sẻ, quá thân yêu để mà giữ gìn".

Đó là tất cả mẹ đã cho tôi biết, hai dòng thơ của một tác giả vô danh. Ai đã viết ra và nó có ý nghĩa gì, tôi không có cơ hội để hỏi.

"Ồ! Cái vỏ bánh!" Mẹ lao tới lò nướng. "Thiệt tình! Không có thời giờ để mà nướng cái khác đâu". Mẹ lấy miếng vỏ bánh ra, màu

nó vàng lộng lẫy, và đưa ra cho tôi xem. Tôi cảm thấy như mình nên quỳ xuống vậy.

Sau khi nó nguội đi, mẹ xếp từng miếng đào đã xắt hơi chồng lên nhau một cách thứ tự theo vòng tròn, trông như một đóa hoa lớn mãn khai trước mặt chúng tôi, mượt mà, mời mọc, lóng lánh nước mật.

Rồi trong miếng vỏ bánh đã xếp xong, mẹ đổ vào cái phần ngọt ngào, đặc sệt của mứt đào nghiền và cái bí mật của mẹ. "Nóng lắm đó", mẹ báo trước trong khi vét cái khối ngọt cuối cùng ra khỏi nồi cho vào trong cái bánh. Sau đó chúng tôi mỗi người một chút và lần đầu tiên tôi đã học được chữ "mỹ vị".

Thầy của mẹ tôi, giáo sư Kiều Phương, đã đến lúc 5 giờ 57 phút, cầm một chai rượu khai vị, tóc bạc và đôi mắt màu nâu thăm thẳm, có vẻ sáng lên một thứ ánh sáng ấm áp trên gương mặt mẹ tôi lúc ông ta đưa mẹ tôi chai rượu. Bỗng rất bất ngờ, tôi ước gì bố đứng thẳng lên hơn, chải lại mái tóc hay có thể thay chiếc áo khoác. Mẹ giới thiệu ông ta với tôi và các em trai của tôi và sau đó, với bố tôi.

"Xin cứ gọi tôi là Phương". Ông ta nói khi bắt tay bố và họ cùng ngồi xuống trong phòng khách.

Khi mấy đứa con trai chạy biến vào phòng tụi nó và tôi đã bày bàn ăn xong, như chúng tôi đã được chỉ dẫn. Bộ chén dĩa Trung Hoa được mang ra vì ông ta, buổi thăm viếng của vị giáo sư dạy văn chương Hoa Kỳ, và mẹ đã dành sẵn một chỗ mà tôi phải biết để các thứ muỗng nĩa ở nơi nào.

"Tôi đoán rằng ông sẽ vui lắm được trở về nhà sau khóa học ở đây", bố nói với ông ta, gần như quá lớn tiếng.

"Tôi mong sẽ gặp lại vợ tôi", ông ta trả lời, "nhưng tôi đã có một quãng thời gian tuyệt diệu ở đây. Tôi cảm thấy như được phục hồi sinh lực bằng nhiều cách, hiện diện trong khung cảnh mới với ý nghĩa mới, gặp gỡ những người mới. Quả thực tôi không muốn mất dịp này trong đời sống".

Và rất nhanh sau đó, họ bàn về các trận đã cầu, tôi có thể nghe được tiếng của bố thoải mái khi họ nói về các cầu thủ, các sự thắng bại trong trò chơi và trao đổi quan điểm. Cái ông giáo sư này đã theo dõi các cầu thủ nổi tiếng từ khi ông ta còn bé và câu chuyện miên man về các cầu thủ thể thao.

Mẹ bước qua phòng ăn trên đường xuống bếp, những cánh hoa

nho nhỏ trên chiếc áo dầm của mẹ như sống động hẳn với một mùi nước hoa dịu dàng. "Cách bày bàn thật là tuyệt đó cưng", mẹ nói.

"Cháu có biết không", ông ta nói dường như là với các em trai của tôi hơn là nói với tôi, "mẹ của cháu là một học sinh xuất sắc nhất của tôi đó. Tôi rất thích đọc những gì bà ấy viết và cả những bài thi nữa". Mai chẩu chờ một chút rồi đưa dĩa xin thêm khoai tây. Tân thì không hề ngó lên. "Và bà ấy viết những bài thơ đẹp nhất".

"Mơ", bố nói trong khi chợt ngẩng lên nhìn, "Anh dâu có biết em cũng làm thơ nữa".

"Chút ít thôi", mẹ nói nhỏ nhẹ với một cái lắc đầu.

Quả thật tôi không cảm thấy mùi vị gì của thức ăn, bởi vì mẹ không bao giờ nhìn thẳng vào mắt ông ta quá một khoảnh khắc, dường như mẹ sợ rằng nếu nhìn lâu quá thì mẹ có thể bị lôi kéo hẳn vào ông ta mà không bao giờ tìm được đường trở lại. Cả dư vị của miếng bánh đào cũng dường như lạt lẽo với tôi.

"Mơ", ông ta hỏi, giọng ông ta trầm và dịu đến không ngờ, "bà làm cái bánh này phải không?"

Mẹ hơi mỉm cười đoạn cúi đầu, đôi mắt mẹ sáng lên trong ánh nhìn của ông ta một khắc, rồi lắng đi.

"Ông đoán đúng đó", bố nói, "Mơ làm bánh ngon lắm. Nếu có dịp ông cũng nên thử món bánh táo của bà ấy".

Mấy đứa nhỏ ngốn hết phần ăn của tụi nó mà chẳng biết gì hơn. Bố nói với mẹ rằng bánh ngon, nhưng lại ăn một cách chậm chạp mấy móc. Tôi đoán bố vẫn mong nó là một thứ bánh khác mà bố thích.

Còn ông giáo sư này thì lại chẳng bao giờ nhìn lên. Không hề gây một tiếng động, chỉ cẩn thận ăn phần bánh của mình, từng miếng một như là ông ta đang e dè, đang tìm hiểu nó, cố gắng giữ nó trong ký ức mãi mãi. Và khi ông ta ăn xong, khá lâu sau khi chúng tôi đã xong bữa, ông ta lặng lẽ để cái nĩa trên dĩa, cầm khăn ăn lên khẽ chạm vào môi rồi từ từ cúi đầu: vậy là xong phần cầu nguyện.

Tôi vẫn còn thức... rồi cuối cùng tôi cũng nghe thấy cửa trước mở ra. Giọng bố nổi lên loáng thoáng không rõ, dường như là lời chào, cảm ơn đã đến. Tôi tuột xuống giường chạy tới cửa sổ để nhìn ông ta đi ra.

Xe ông ta đậu ngay góc đường, chỗ bóng cây ngả dài ra do ánh

đèn đường chiếu xuống. Cánh cửa trước đã đóng lại, và mẹ tôi đang đi ra với ông ta. Họ đi chuyển chậm rãi trên lối xi măng dẫn ra chỗ đậu xe, giọng của họ như rì rào, và dáng của họ lờ mờ mộng mị trong ánh đèn lốm đốm, mơ hồ như nhập một và lại tách trở ra. Gió đêm kéo lướt qua những vòm cây, rít qua những chiếc lá như tiếng cười cợt của chim két.

Mẹ đi hẳn ra ngoài đường lộ với ông ta, họ đứng cạnh cửa xe, đối diện nhau. Tôi biết mình không nên lén lút nhìn như thế, nhưng từ nơi sâu thẳm của tim tôi, dường như đã mong mỏi mẹ bước hẳn vào xe với ông ta, lái đi và không bao giờ nhìn lại. Họ không thể về nhà của ông ta, cho nên họ sẽ đi Nữu Ước hay Âu châu, hay Nevada, rồi đọc thơ cho nhau nghe và cười cợt những kẻ rình rập phía sau sự mù quáng chờ đợi họ quay về.

Tôi tưởng như tim mình dừng lại cùng lúc với sự theo dõi và chờ đợi xem mẹ sẽ làm gì, quãng thời gian dài mơ hồ như mẹ đang chơi vơi bên bờ vực, cố chống lại với một cơn gió mạnh. Tôi thấy ông ta gật đầu và dường như mỉm cười. Rồi một khoảnh khắc kế tiếp, mẹ như cứng cỏi hẳn, đôi vai mẹ thẳng dậy, chiếc cằm hơi đưa lên và mẹ đưa tay ra cho ông ta bắt lấy, kiểu cách, phải đạo, như đoạn chốt của một buổi thương thảo chuyên nghiệp. Một chút lạnh lẽo thoáng qua trong tôi cùng lúc thấy ông ta ngập ngừng nắm lấy tay mẹ trong cả hai tay của ông ta, hơi nghiêng mình về phía mẹ.

Một cái gật đầu mỉm cười khác, một vài lời không tiếng giữa hai người. Rồi ông ta bước vào xe, lái đi. Mẹ vẫn đứng lại đó nhìn xuống mặt đường, bàn tay trái ôm lấy bàn tay mặt để trên trái tim của mẹ.

*

Buổi sáng hôm sau trời nóng và ẩm. Khoảng mười giờ rưỡi, người tôi đã bị ẩm rít, cái áo thun dính chặt vào lưng tôi và kéo nặng cả hai vai.

"Bồn rửa tay lại bị hư nữa rồi!" mẹ nói trong khi bỏ giỏ quần áo xuống trước mặt tôi và khoác lấy chiếc ví.

"Con xếp quần áo giùm mẹ, mẹ chạy ra ngoài tiệm tạp hóa một chút rồi về ngay. Mấy đứa nhỏ chơi sau vườn đó".

Tôi gật đầu nhưng không nhìn mẹ. Mẹ đi chừng vài phút, tôi bỏ sách xuống và bắt đầu xếp quần áo. Bàn tay của tôi ướt mồ hôi mà lại sờ vào quần áo sạch, thôi kệ, tôi phá hoại một cách bí mật mà. Lúc

tôi cầm tới cái áo thun của bố thì chuông cửa kêu lên làm tôi giật mình. Tôi nhảy lên rồi chạy ra cửa trước, tay vẫn còn cầm cái áo thun của bố.

Đó là ông ta!

"Chào cháu", ông ta gỡ kính mát xuống khi tôi mở cửa. "Mẹ cháu có nhà không?"

Họ có điều gì khi nắm tay nhau vậy? Tôi cảm thấy tay mình nắm chặt lại vòng quanh chiếc áo thun như muốn vắt ráo nó.

"Mẹ không có nhà", cuối cùng tôi bật nói, âm thanh khô và khàn đặc.

Một bên mép môi của ông ta hơi trĩu xuống, ông ta đưa tay lau mồ hôi trán. "Bà ấy có về ngay không?"

Tôi liếc qua chiếc áo mềm và sạch sẽ trong tay. "Không", tôi nói, rồi nhìn thẳng vào ông ta, "Mẹ sẽ đi suốt ngày, tôi ở nhà trông nhà".

"Ồ". Đôi mắt ông ta dường như đổi màu gần như chết sững trong giây lát. Ông ta nhìn xuống giày cố gắng suy nghĩ, đôi môi ông ta mím thành một đường nhỏ. Cuối cùng ông ta đeo kính vào lại, nhìn tôi thêm lần nữa, "Tôi đang trên đường đi khỏi thành phố. Cháu nhắn lại mẹ cháu giùm tôi nhé!" Ông ta nói tiếp "Tôi quên nói với bà ấy rằng tôi rất thích món bánh của bà". Ông ta hơi nghiêng đầu về một bên, "Cháu làm ơn nói lại với bà ấy rằng tôi yêu món bánh của bà lắm. Đó là món bánh ngon nhất tôi chưa hề được ăn từ trước đến nay".

Tôi cố nhìn vào mắt ông ta qua làn kính mát màu sậm. "Được rồi", tôi nói, nhưng tôi biết rằng tôi sẽ không nói đâu. Sau khi ông ta đi rồi, tôi bỏ cái áo thun của bố vào trong giỏ quần áo dơ rồi đi rửa tay.

Bố đọc mấy bài thơ của mẹ vào buổi tối hôm sau và nói "Anh thích mấy bài này". Mẹ lấy thêm mấy khóa học nữa và xong chứng chỉ. Mỗi mùa hè mẹ lại làm bánh đào một cách hân hoan, dễ thương và cũng buồn rầu nữa.

Tôi thường tránh không quanh quẩn bên mẹ những lúc đó, nhưng có một lần, cách mấy năm sau, tôi về nhà lúc mẹ bắt đầu gọt vỏ đào. Tôi nghĩ đến chuyện đi trở ra cửa, cố gắng tránh không để mẹ nhìn thấy tôi, nhưng tôi bỗng cảm thấy tội lỗi quá. Tôi không đi được.

Mẹ chọn trái đào đầu tiên, cầm lên săm soi trên tay. Một giọt lệ nhỏ xuống má mẹ và rơi xuống bồn nước. Bố đi ngang qua cửa sổ,

huýt một điệu sáo vui, chiếc mũ lưỡi trai quớt lên. Bố đi vào nhà kho để lấy máy cắt cỏ.

Tôi không chịu nổi nữa. "Tại sao mẹ làm thứ bánh đó?" Tôi la lên, "bố không thích thứ bánh đó mà".

Mẹ nhìn lên, ngạc nhiên sửng sốt vì sự giận dữ của tôi. Nhưng sau đó mẹ dịu dàng giải thích, "Bởi vì", mẹ nói rất từ tốn, "mẹ yêu loại bánh này". Mẹ bắt đầu gọt vỏ, và những mảnh vỏ mỏng của trái đào rời ra lần đầu rồi rơi vào bồn nước. Tôi nhìn một lát rồi quay đi. Bỗng nhiên tôi thấy mọi chuyện chẳng có liên quan gì tới bố cả, và tôi nhận ra rằng tôi đã làm một việc hết sức ti tiện mà tôi không bao giờ nên làm trong suốt cuộc đời, tôi đã lỡ làm điều đó rồi.

"Ông ta đã trở lại tìm mẹ", những lời nói bỗng buột ra khỏi miệng tôi trong khi tay tôi cố che lấy khuôn mặt xấu hổ của mình, "Vào buổi sáng khi mẹ đi ra tiệm tạp hóa".

Mẹ im lặng.

Cuối cùng tôi quay lại nhìn mẹ. "Mẹ có nghe con nói không? Ông thầy của mẹ đó".

"Ông ta muốn gì?" Mẹ cắt ngang, nhưng giọng nói nghẹn đi, mẹ khó khăn nuốt xuống trước khi nói tiếp, "Ông ta đã nói cái gì?"

"Ông ta nói rằng ông ta yêu cái món quỷ bánh đào của mẹ" tôi tấm tức "Ông ta nói đó là món bánh ngon nhất mà ông ta được ăn".

Mẹ nhắm mắt lại, không nói gì cả trong một lúc lâu. Tôi cố để khỏi khóc, lau đi nước mắt của mình. "Con xin lỗi mẹ", tôi nói với giọng rè rè, rên rỉ đau khổ, "con xin lỗi đã không nói lại với mẹ".

Mẹ lắc đầu "Không có gì đâu". Mẹ đặt trái đào và dao xuống bàn rồi rửa tay, "việc đó cũng chẳng làm thay đổi được gì. Đôi khi cuộc đời chạm tới mình trong một khoảnh khắc và đó là tất cả mà ta có thể tiếp nhận".

Tôi nghe máy cắt cỏ bắt đầu nổ máy.

"Con chỉ sợ..."

"Sợ?"

Tôi nhìn xuống tay mình. Bàn tay ngửa lên, cố sắp xếp cho lời nói dễ hiểu hơn, "Sợ cho bố". Tôi nói bằng một giọng rất nhỏ.

Mẹ ôm tôi và vuốt tóc tôi "Mẹ xin lỗi con", mẹ nói, "Mẹ xin lỗi đã làm con sợ hãi. Mẹ không nhận ra được rằng con đã biết mẹ xúc động ra sao".

"Mẹ yêu ông ấy". Tôi xác định, không hỏi han, sướt mướt trên vai mẹ trong khi ôm siết lấy bà. Tôi cảm thấy mẹ như gật đầu.

"Phải", mẹ thở dài, "Mẹ yêu ông ta, nhưng mà..." mẹ nói, nâng mặt tôi bằng cả hai tay và nhìn vào mắt tôi không chớp, "Mẹ luôn luôn yêu bố".

Tôi gật đầu, hơi run rẩy bởi sức mạnh của mẹ.

"Còn nữa", mẹ nói thêm với một nụ cười gượng khi quay đi, "sau cùng, bây giờ, mẹ cảm thấy an ủi khi nghe nói giáo sư Kiều Phương yêu thích món bánh của mẹ".

Trong thoáng chốc, tôi lại trở lại tuổi mười hai, sợ hãi và bất định, khi lén lút nhìn ra cửa sổ, chứng kiến nỗi đam mê của mẹ và cảm thấy như cổ họng bị bóp nghẹt. "Rồi bây giờ mẹ sẽ làm gì?" Tôi hỏi, khủng khiếp chờ câu trả lời của mẹ.

"Đương nhiên là mẹ sẽ làm cho xong cái bánh này", mẹ trả lời giản gị. Bỗng tôi hiểu ra, dù là tình yêu đi nữa, chỉ ngân lên một khoảnh khắc, và sự rực rỡ của khoảnh khắc ấy cũng đủ để ghi khắc và tôn thờ.

"Con giúp mẹ nhé?" Tôi hỏi.

Mẹ mỉm cười trao cho tôi cái dao và quả đào. Tôi cầm trái đào êm dịu trong tay và tự hỏi như quả đào này, mong manh, dẹp dẽ, dễ hư hoại cũng y hệt như chỉ một khoảnh khắc này, một chút dư vị của vĩnh cửu, nối tiếp tất cả mọi thứ hiện hữu với những gì sẽ hiện hữu.

Tôi giúp mẹ làm bánh và nghĩ đến một người đàn ông và một người đàn bà trong vầng ánh sáng của đèn dường, nhìn nhau, bất lực, không thể làm ngừng lại cái sống riêng của mỗi người trong họ, dù là để cho nhau.

Vào một buổi sáng mùa hè óng ả, khi những quả đào đã chín tới một cách tuyệt diệu và vườn sau thì xanh đến nỗi đâm thấu quả tim của bạn, mẹ tôi vẫn luôn luôn làm món bánh đào. Bởi vì mẹ yêu loại bánh ấy.

Nguyên Châu

NGUYỄN MẠNH TRINH thực hiện

một cuốn sách, một cuộc phỏng vấn và những mảnh đời trong chiến tranh

LTS: *Dưới đây là nguyên văn cuộc phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh với nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhân dịp nhà văn Hoàng Khởi Phong hoàn tất cuốn sách "Cây Tùng Trước Bão".*

Nguyễn Mạnh Trinh: *Trong thời thế này, anh có mục đích nào khi viết* Cây Tùng Trước Bão? *Nhìn lại lịch sử để tôn vinh những gì anh đã sống có phải?*

Hoàng Khởi Phong: Đâu có lớn quá vậy, chẳng qua chỉ là một sự tình cờ, trong một cuộc mạn đàm với *Đỗ Quý Toàn* khi anh ghé Cali chơi cách đây mấy tháng, lúc đó tôi mới giang hồ vặt trở về, mới chân ướt chân ráo vô làm cho tờ Người Việt. Ông Toàn đề nghị làm một loạt bài đề cập tới những người mới tới trong diện HO. Nhân vật đầu tiên mà tôi có duyên gặp gỡ là ông Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Có lẽ tôi cũng là một người lính, nên khi viết về đời lính thì hạp liền. Đó không phải là một cuộc phỏng vấn, mà là một buổi nói chuyện tâm tình giữa hai người lính cũ, tôi chỉ là người gợi ý và ghi lại những ý chính của câu trả lời. Bài viết được nhiều người gọi điện thoại đến chia sẻ. Ông Toàn xúi dại tôi làm luôn một loạt. Tôi thì anh đã biết là chẳng khôn gì, do đó tôi mất sáu tháng trời để chỉ có thể viết được cho tám nhân vật. Cũng không nhiều gì. *"Tôn vinh?"* Anh dùng chữ lớn quá, mà nếu có tôn vinh thì dành cho những người tôi có duyên nói chuyện. Những chất sống trong đó là của những nhân vật đó, tôi chỉ là một người thư ký. Nói theo lối nhà binh là ghi lại nhật ký đơn vị. Tôi không hề góp phần trong việc *"tôn vinh"* này. Chỉ là thư ký thôi.

NMT: *Anh lựa chọn những chân dung người lính để viết theo tiêu chuẩn nào? Vì tình cảm riêng tư? Hay là những mẫu đời sống ấy có tính tiêu biểu cho một thời đại?*

HKP: Trong tám nhân vật mà tôi đề cập tới có một người đã chết. Anh ta là bạn tôi, chết vào dịp Mậu Thân, tôi tự hứa là sẽ viết một cái gì đó cho bạn, thế mà lần hồi hai mươi lăm năm qua đi. Đây là một món nợ phải trả, nợ tiền còn có thể cù nhầy được, nhưng món nợ tinh thần thì dù thế nào cũng phải trả cho xong mới có thể an ổn được. Bảy người còn lại thì hai người có giao tình với tôi. Trong hai người này *Cao Xuân Huy* biết tôi ba mươi năm và chia sẻ với tôi đủ điều từ ngày đó, người còn lại là bạn văn, chúng tôi biết nhau hơn hai mươi năm nhưng thực sự chỉ gặp gỡ chừng mười lần. Đó là một tình bạn mà người xưa gọi là *"đạm như thủy"*. Tôi cũng xin mở ngoặc ở đây là chúng tôi không dám tự ví mình là quân tử, chỉ vì tình bạn của chúng tôi quả như là một lu nước trong, chỉ thoáng qua trong dời sống, giản dị thế thôi. Năm người còn lại tôi chưa hề gặp trong dời. Tất nhiên với những người tôi quen tình cảm có đóng góp vào bài viết. Nhưng trên hết đời sống của người đó phải có một cái gì đó *"đáng viết"*. Còn về việc *"tiêu biểu"* cho một thời đại. Cái đó lớn quá, chẳng qua đây chỉ là tám mảnh đời đặc biệt mà thôi. Để có thể đạt được cái tiêu biểu cho một thời đại chúng ta cần hàng ngàn mẫu người. Tám người thì ít quá.

NMT: *Khi mô tả những chân dung trên anh có bị ảnh hưởng về các lời phê bình gán cho người lính Việt Nam Cộng Hòa của phía đối nghịch hay giới truyền thông Mỹ?*

HKP: Không. Giản dị mà nói thì chẳng một ai viết tốt về kẻ thù cả. Giới truyền thông Mỹ tuy không phải là kẻ thù nhưng cũng không phải là *"bạn tốt"*. Họ làm việc họ phải làm. Còn tôi, tôi làm việc tôi thích làm. Thêm một điều nữa, việc tôi thích làm không kiếm ra tiền, cũng chẳng có vẻ gì là *"vẻ vang dân Việt"* cả. Trái lại tôi mất rất nhiều thì giờ và công sức.

NMT: *Anh có đọc "Nỗi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh. Vậy anh có nhận xét nào về chân dung người lính miền Bắc?*

HKP: Không cần phải đợi đến khi đọc Bảo Ninh tôi mới nghĩ tới họ. Tôi phải trực diện với những người lính miền Bắc từ khi tôi còn làm việc ở Trại Giam Tù Binh Phú Quốc. Trước tiên hết, tôi thấy họ đáng thương hơn là đáng ghét. Họ giống như một con ngựa kéo xe có hai miếng da che mắt, nên họ chỉ nhìn được những gì người ta cho

phép nhìn, hoặc giả họ đã được nhìn hộ. Họ bị nhồi vào đầu mọi điều đối trá về phía chúng ta, nên trong những buổi đầu khi họ phải giao tiếp với đời sống thật ở miền Nam, họ tránh sao khỏi những điều lầm lẫn. Nhiều khi họ ác mà không biết là họ đang ác. Mới chỉ có một quyển sách của Bảo Ninh mà thấm thía gì. Phải cần một kho sách mới có thể viết đủ về những người lính miền bắc. Tôi nhắc lại họ đáng thương hơn là đáng ghét. Tôi cũng cần phải nhắc lại là tôi đang đề cập đến những người lính của miền Bắc tức là hàng binh sĩ mà thôi. Tôi cũng xin nhấn mạnh đến những người lính này là những người lính thuần túy, những người bị bắt buộc đi lính mà không có cách nào tránh khỏi khẩu súng đeo ở trên vai mình.

NMT: *Cuộc chiến đã tàn từ gần hai mươi năm, mỗi thời kỳ anh đều viết trung thực những cảm nghĩ của anh về chiến tranh như* "Ngẩng mặt nhìn trăng sáng, Ngày N +..." *và bây giờ là* "Cây tùng trước bão". *Anh có thấy có sự thay đổi nào trong suy nghĩ của anh từ khi rời bỏ nước năm 75 tới nay?*

HKP: Tất nhiên là có. Nếu đầu óc con người ta đóng chấu lại, đặc cứng lại thì làm gì có Thiên An Môn, làm gì có sự thay đổi ở Đông Âu, ở Nga. Hiện nay trên toàn thế giới hình như chỉ còn có bốn quốc gia vẫn cắm cúi theo con đường xã hội chủ nghĩa là Trung Cộng, Bắc Hàn, Cuba và Việt Nam. Có điều nếu chúng ta tìm hiểu thêm chút nữa thì thấy họ tự nhận như thế, nhưng hình như họ đã khác trước nhiều. Nói như thế không có nghĩa là cứ chờ họ đổi mới rồi thì mọi việc sẽ tốt hơn. Không thể ôm cây đợi thỏ, phải thúc cho mọi việc tiến nhanh hơn. Hiện nay tôi suy nghĩ với nhiều tích cực cũng như nhiều tiêu cực. Tích cực vì những thay đổi chính trị trên toàn thế giới sẽ có thể dẫn đến những thay đổi ở Việt Nam. Tiêu cực vì nhìn lại hàng ngũ của chúng ta thì hình như chúng ta không có lãnh tụ, tôi muốn nói tới những lãnh tụ thứ thật, như một cái đích cho muôn người nhắm tới. Chứ không phải những lãnh tụ... tự xưng và không thật, loại này ở hải ngoại chúng ta có nhiều lắm. Lấy xe mà chở, lấy dấu mà đong cũng không hết.

NMT: *Trong cuốn sách của anh, vị Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù có phát biểu* "Nếu có dịp làm lại cuộc đời, ông sẽ làm y hệt như đã làm trong quá khứ và không ân hận." *Riêng anh, nếu ở tình trạng như vậy anh sẽ làm y hệt như vậy hay sẽ khác trước?*

HKP: Về câu hỏi này tôi cho là chỉ có tính cách tượng trưng. Khi

trả lời tôi như thế vị Đại tá nói trên chỉ muốn nhấn mạnh đến thái độ quyết liệt của ông trước một phản động lực đã làm trì trệ bước tiến của cả dân tộc. Phần tôi, tôi cũng làm đúng như tôi đã làm. Có điều tôi sẽ làm một cách nghiêm túc hơn, khôn ngoan hơn, cẩn thận hơn. Nói một cách khác, tôi sẽ vẫn giữ tinh thần cũ nhưng cách làm thì khác.

NMT: *Đã có một số ít những người lính miền Bắc, có cái nhìn nghịch chiều về cuộc chiến và ân hận đã tham gia vào cuộc chém giết làm tiêu hao sinh lực dân tộc. Và những người lính chúng ta, cũng không vui vẻ gì khi phải tham dự cuộc chiến tranh bị xếp đặt theo ý muốn của các ngoại cường. Anh có ý nghĩ gì về vấn đề trên?*

IIKP: Hồi còn ở trong nước, tôi làm thơ. Có nhiều người cho là tôi làm thơ phản chiến. Cái đó do ở cảm quan của mỗi người đọc. Có điều tôi là lính và tôi đã làm tất cả mọi công tác mà tôi được thượng cấp giao phó. Ngay trong cuộc chiến chúng ta ít có cơ hội nhìn rõ chân tướng chúng ta, chúng ta bị say đòn, mỗi một đồng đội chết đi, trong thâm tâm chúng ta là những tiếng gào thét trả thù cho người nằm xuống. Bên nào cũng vậy mà thôi. Do đó mà máu chảy thành sông và xương cao thành gò. Mãi hai mươi năm sau, có điều kiện để lắng đọng, và hoàn cảnh để nhìn cho kỹ mặt thật của chiến tranh. Khi tưởng nhớ lại mới thấy chiến tranh do ngoại bang giật dây đó thật là vô ích. Tuy có trễ vẫn hơn là không thấy được điều gì.

NMT: *Có người phát biểu nên quên đi những đau thương cũ để vết thương chiến tranh mau lành miệng và để sự chia rẽ dân tộc mau biến dạng. Anh có ý nghĩ thế nào?*

IIKP: Con người ta thì thật là khó nói. Có người dễ quên, dễ tha thứ cho dù sự mất mát to lớn thế nào cũng có thể bỏ qua. Phải bước qua quá khứ cốt để sống thanh thản ung dung. Có những người trái lại ghi dấu trong lòng mọi điều nhỏ nhặt. Cũng có những người quá thận trọng nên không thể khinh xuất sau một lần bị lừa dối. Vấn đề chia rẽ dân tộc mà anh đề cập phải chăng anh định nói tới hai khối Quốc và Cộng. Chuyện này tôi hơi bi quan. Liệu chúng ta có hàn gắn được những chia rẽ trong nội bộ phe chúng ta không? Đôi khi tôi thấy chính trong hàng ngũ phe phái của chúng ta, chúng ta thù hằn nhau sâu đậm hơn là thù ghét phía bên kia. Do đó tôi không thấy viễn ảnh vết thương mà anh nói có cơ hàn gắn. Nó chỉ có thể lành miệng khi mọi con người thay đổi được những suy nghĩ cực đoan trong lòng. Tất nhiên phía bên

kia cũng phải thay đổi. Nói cho rõ hơn thì bây giờ, ở thế hệ ba mươi trở lên tôi không thấy có dấu hiệu quên đi một cách dễ dàng. Có chăng là những thế hệ trẻ hơn nữa. Họ sẽ lớn lên không mặc cảm và không thành kiến. Những người trẻ tuổi sắp tiến lên chẳng có gì phải nhớ, phải quên. Họ sẽ thản nhiên đi tới, tôi hy vọng họ sẽ lướt qua chúng ta trên mọi vấn đề.

NMT: *Tôi có một nhận xét của riêng mình có thể không chính xác. Những nhà văn quân đội của miền Bắc thường chọn nhân vật của mình là những người lính, trong khi những nhà văn quân đội của chúng ta thường nhân vật là những sĩ quan. Thí dụ như "Cây tùng trước bão" không có một nhân vật nào thuộc hàng binh sĩ cả. Anh có thể cho biết nguyên cớ?*

HKP: Xin cảm ơn anh đã cho biết một khuyết điểm của quyển sách. Nhưng tôi cũng xin phép được bào chữa cho tôi: Trong suốt thời gian đi tìm đối tượng để viết tôi cũng đã nhiều lần tự hứa là phải có một nhân vật ở hàng binh sĩ, nhưng tôi vô duyên nên không gặp được một nhân vật nào khả dĩ khai thác được. Tuy tôi không chọn được một nhân vật chính nào trong hàng binh sĩ, nhưng hình ảnh của họ vẫn đầy tràn trong toàn cuốn sách.

NMT: *Có người hơi chua chát khi nói rằng quá khứ là tấm mề đay trang trí cho hiện tại buồn tẻ ở một số người bây giờ đang thất thế ở xứ người. Anh có nhận xét nào về câu nói ấy?*

HKP: Tôi cho là nếu tấm mề đay đó anh có được một cách xứng đáng thì lúc nào nó cũng trang trí cho cuộc đời. Huy chương ăn giỗ thiếu gì, và thường những chiếc huy chương không chính đáng ấy mới hay được các chủ nhân đánh bóng, cũng như nói nhiều về nó. Những người có huy chương thật, huy chương phải đổi bằng máu và mồ hôi thì người ta hay cất kín ở trong lòng, những chiếc huy chương này không mang ra thì thôi, hễ mang ra là để làm cho người chủ quặn đau trong lòng khi nhớ tới những *"chiến công cay đắng"*. Chua chát mà làm gì. Vấn đề là trước kia anh đã sống như thế nào? Và bây giờ anh đang sống như thế nào? Trước kia anh có huy chương thật hay là huy chương ăn giỗ. Và sau cùng huy chương không làm nên con người. Chính con người tạo ra huy chương.

NMT: *Anh có nghĩ "Cây tùng trước bão" sẽ được một số người trong nước đọc. Anh có mường tượng được những phản ứng nào từ những độc giả ấy?*

HKP: Bổn phận của nhà văn là viết, phần tôi viết đã xong. Mỗi tác phẩm có cuộc đời của nó. Nó được đón nhận hay không thì cũng là chuyện đã rồi. Tôi đã viết nó bằng tấm lòng và tin tưởng rằng những người đọc nó cũng bằng tấm lòng. Nó có thể dở với nhiều người, nhưng có một điều tôi cần phải nói cho rõ là tôi tin rằng tôi muốn nhìn lại cuộc chiến cũ một lần chót, trước khi có thể thanh thản quên đi. Tôi viết trong tinh thần kêu gọi lòng *"Nhân ái"* chứ không phải để khích động lòng *"Thù hận"*. Trong hoàn cảnh hiện tại tôi tin rằng sớm muộn gì sách vở ở hải ngoại cũng lọt vào trong nước. Có điều tôi không mường tượng nổi những độc giả trong nước sẽ nghĩ gì khi đọc những quyển sách ở hải ngoại này. Tôi mong mỏi mọi người đọc sách sẽ đọc bất cứ quyển sách nào trước tiên với tấm lòng yêu chuộng văn chương, kế đó với tấm lòng mở ra chứ không đóng lại.

NMT: *Nội chiến Nam Bắc Mỹ đã có những dài kỷ niệm những trận đánh tôn vinh cả hai quân đội Bắc và Nam. Theo anh trong tương lai, chiến tranh Việt Nam sẽ có những dài kỷ niệm tương tự như thế không?*

HKP: Nếu tôi nhớ không lầm thì nhân vật chính trong *"Bên kia dèo Bá Thở"* là một thiếu úy Lôi Hổ. Khi ra tù anh nhớ tới một người bạn đã bỏ xác ở giữa rừng. Anh có một mơ ước là đi nhặt xác tất cả những người đã chết trong chiến tranh về chôn trong một nấm mồ chung. Tất cả những người đã chết tất nhiên là của cả hai phía, kể cả thường dân. Phải nói ngay là tấm lòng của người sĩ quan Lôi Hổ này lớn. Nếu đã có người tính chuyện đem xương người lính Quốc Gia chôn chung với xương người lính Cộng Sản thì xá kể gì một cái dài kỷ niệm. Thế hệ chúng ta có thể không làm kịp, nhưng biết đâu những thế hệ tới họ nhìn lịch sử khác hơn, có thể lúc đó Quốc cũng không mà Cộng cũng không. Chỉ là một cái dài kỷ niệm chung cho những người Việt Nam đã bỏ mình trong một trận chiến cũ.

NMT: *Với những nhân vật như trong "Cây tùng trước bão" anh nghĩ thế nào về tương lai dân tộc Việt Nam?*

HKP: Sao lại chỉ có những nhân vật của *"Cây tùng trước bão"?* Tương lai của dân tộc Việt Nam thuộc về mọi người Việt Nam. Trong nước cũng như ngoài nước, trẻ cũng như già. Tôi lúc nào cũng tin tưởng ở tương lai dân tộc, cho dù bây giờ người Cộng Sản đang làm đất nước bị phá sản trên tất cả mọi lãnh vực. Lịch sử của dân tộc nào mà không có lúc vinh quang và lúc tăm tối. Khi vinh quang thì quá đã rồi, còn gì phải nói. Lúc tăm tối mới cần đến sự sáng suốt của mọi con người.

Tôi tin rằng ở trong nước cũng đang có những người cầm bút dích thực, họ đang dũng cảm nói lên sự thực, đang chỉ rõ căn bệnh của một xã hội tật nguyền. Xã hội của những người Việt tị nạn chính trị ở nơi đây e rằng cũng không khá hơn. Chúng ta cũng đang lần mò trong tăm tối. Khi viết về những nhân vật mà tôi may mắn được tiếp xúc, tôi có cảm nghĩ rất giản dị họ chính là những mạch sống ngầm, hệt như những mạch nước ngầm. Nước ngầm len lỏi dưới mặt đất, những nhân vật trong quyển sách của tôi len lỏi trong những mạch đời, họ là những cái gạch nối mọi con người đích thực cho liền lại. Khi mà đời sống trong hiện tại chứa rất nhiều những cái thùng rỗng, ở đâu đâu chúng ta cũng bắt gặp những con người giả hình, nguỵ tín thì chúng ta cần biết bao nhiêu sự hiện diện của những cây tùng. Sự có mặt của họ quả là một điều cần thiết. Tương lai của dân tộc Việt Nam ở trong nước cũng như ngoài nước là trận chiến giữa lương thiện và bất lương, giữa chân thật và giả dối, giữa sáng suốt và ngu tối, giữa thiện và ác... Những *"cây tùng"* nói cho cùng chỉ là nhân chứng mà thôi, những *"cây tùng"* thời nào mà chẳng có, họ sẽ mãi mãi còn đó và là những chứng nhân cho mọi thời đại.

NMT: *Sau cùng anh có điều gì muốn phát biểu thêm về quyển sách?*

HKP: Quyển sách tự nó đã nói đủ cho nó. Phần tôi thì chẳng còn gì. Nếu cần phải nói nữa tôi sẽ viết một quyển sách khác. Tôi hy vọng rằng quyển sách tới sẽ là một quyển sách viết về tương lai. Viết mãi về cái cũ e rằng nó nhàm đi. Tôi sẽ viết những truyện ngắn của ngày mai.

ĐÍNH CHÍNH:

Trong Văn Học số Xuân Giáp Tuất, bài Thư Viết Đêm Giao Thừa của Trần Mộng Tú trang 33, bốn câu thơ là của Trần Mộng Tú, không phải của Nguyễn Bính. Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

XUÂN VŨ

sự phẫn nộ và nét điệu tàn trong tâm hồn thơ của triều hoa đại

Thơ Triều Hoa Đại không thể đọc nhanh được. Nay một bài, mai một bài mới nhận ra cái ý của anh cài trong thơ. Lần đầu tiên tôi đọc, tôi ngỡ đó là thơ của một kẻ si tình "cô nàng" nào đó. Đọc lần thứ hai thấy không phải. Đọc lại lần nữa, lần nữa càng thấy không phải. Triều Hoa Đại đau buồn cái nỗi niềm quê hương tan nát mà anh mượn tình cảm của một gã tình nhân nhớ nhung thương tiếc thời xưa mà diễn tả đó thôi.

Không biết đúng hay không, nhưng đó là cảm xúc của tôi khi đọc Dấu Huệ Hồng. Cùng đọc một bài thơ nhưng hai người có cảm xúc khác nhau. Ngay cả một người đọc hai lần, lần sau cảm xúc khác lần trước là sự thường.

Tôi thấy nhà thơ còn chưa rũ sạch lớp áo cải tạo trở về quê "chiều một mình".

Ta một mình chiều nay
Lòng hững hờ như gió
cuốn hút những phai tàn
trong hồn sầu bỏ ngỏ
Ta một mình chiều nay
chất chồng bao nỗi nhớ
chẳng biết sẽ về đâu
cuộc tình nào cũng lỡ
...

Tôi đọc hết bài ngũ ngôn thì buông sách. Không đọc nữa. Vì thấy buồn quá sức không chịu nổi. Mà mắt thì rưng rưng.

Thôi thì ta chiều nay
ngồi ngắm mình cô quạnh
em có về nữa không
mộ vàng ai đã lạnh

Anh đi đâu để khi trở về thì mộ ai đã lạnh? Thế kỷ này đầy sanh ly tử biệt mà năm 75 là điểm cao chót. Tôi tìm được chiếc áo cải tạo còn đè nặng trên vai nhà thơ nhờ hình tượng:

Trăm nhánh người đong đưa
vụn tan từ bữa nọ

Trăm nhánh người nào đong đưa? Đó phải chăng là những dòng người chạy giặc đỏ, tỏa ra thành nhiều dòng mà nhà thơ xem đó là nhánh đong đưa vì người đang di động?

Chữ "nhánh người" ở đây bằng một trăm chữ khác. Thật là tuyệt vời. Tôi như thấy lại ngày bi thương lịch sử qua cái chữ "nhánh" này. Thơ là sự cô động tối đa. Chữ "nhánh" là sự cô động đó. Nhưng nếu nhánh chỉ đong đưa thì chưa đủ mô tả cái ngày bi thương đó, mà nó còn "vụn tan". Nhà thơ khẽ lắc đầu. "Thôi đừng nói chi cả".

Hãy ngắt một cành hoa
thả trôi dòng nước biếc
nào ai biết về đâu
như thế là tất cả
...
hãy ngồi im bất động

như thế là đã nói thơ Triều Hoa Đại là một sự ngậm ngùi lan tỏa vào tâm hồn người đọc. Nhẹ như một vệt mây mỏng, như một vết trầy nhỏ, nhưng mây đó không tan, vết trầy đó không làm buốt.

Dục đò khách giã từ ta
cho nên sông nước hóa ra ngậm ngùi
hôm qua gió báo tin vui
Lòng ta cát bụi một thời ngủ yên

Bốn câu thơ đọc nghe như đá treo trong tim mình. Vì: có phải đó là sông nước quê nhà khi kẻ "đi xa" lâu ngày trở lại. Bến đò xưa vui, nhộn. Bến đò nay sông nước ngậm ngùi. Mới hôm qua dây gió vờn trên sông như báo tin vui mà hôm nay thì lòng "Ta cát bụi một thời ngủ yên". Gió không thổi, không vờn bay lên được nữa. Phải nói là Triều Hoa Đại đã nung chín cái nỗi buồn của mọi người bằng chỉ mấy

câu thơ đó. Anh hóa thành bến đò, trăng, lá hoa, ly khách rồi bây giờ: Chim.

Rã rời ta đậu khẽ
trên một cành cây khô
xin đừng buông cung nữa
lòng ta đâu oán thù

Bài "Chim xưa Chốn Cũ" là một trong những bài thơ hay nhất trong tập thơ này. Chim lìa tổ:

Thấm thoát mười lăm năm
...
Cố bay về đêm nay
dù đời ta đã mỏi
ao ước đậu sân ngoài
hót vang lời ca mới

Tôi như con chim đó. Đời tôi cũng đã mỏi. Cố bay. Càng bay càng đi sâu vào nỗi buồn của Triều Hoa Đại mà nỗi buồn ấy cũng là của tôi, của tất cả chúng ta, của thời đại đỏ đen này. Con chim xưa tìm về chốn cũ bỗng thấy tổ mình bị cú, qụa chiếm mất, nó chỉ:

Ao ước đậu sân ngoài
Và than thở:
Ôi căn nhà xưa đó
có ai về nữa không
thắp dùm lên ngọn nến
theo năm tháng bập bùng
...
Mở dùm thêm cánh cửa
nghe xa vắng theo về
Lúc nãy khách qua bến đò, về nhà, rồi bây giờ.
Dừng chân
nơi quán bên đường
đồng hoang gió thổi mà thương
quê nhà
ta về
đổi kiếp trong ta
da nhăn
má hóp
những là bể dâu
bước đi

từng bước mà đau
Niềm đau đó thật hay chỉ trong mơ?
Đêm qua
về lại quê nhà
trong mơ
nhưng vẫn thấy ta ngậm ngùi
...
Trăng sao ngủ gục trên ngàn
lúc về dẫm phải lá vàng quanh hiu
...
Chiều ơi đậm bóng hoàng hôn
đêm tăm tối gọi cõi hồn mải mê
riết thôi quên mất nẻo về
hiện tâm dưới cội bồ đề đạt ma

Nỗi buồn, niềm đau đè nặng trong lòng, tôi muốn tìm một vài câu thơ vui để tự giải phóng tình cảm, nhưng dở trang nào, bài nào cũng đụng vào cái khối buồn của Triều Hoa Đại. Toàn những chữ gây buồn chết người: Một chiều nao, tà huy nao, (còn một chữ nao nữa mà tôi tìm lại không ra) lưu lạc, ngẩn ngơ, lòng nguội, lệ hoen, bóng ngựa, tình cờ, ngại ngùng, mộ ai, vườn ai, gót hờ, tóc chia bờ, triền núi xa, xót xa, dáng khuya, thì thôi, thôi nhé, nhớ lắm...

Những chữ đó tự nó không có nghĩa gì cho lắm, nhưng khi vào thơ Triều Hoa Đại thì chúng tự nhiên có chỗ đứng rất sáng lạn và vững chắc. Chúng là những "nguyên tử buồn" trong cái khối buồn của Triều Hoa Đại. Ta thử đọc hai đoạn ngắn:

Ta chờ người tự thuở xưa
chỉ thương bóng ngựa
mới vừa vụt theo
tương lai
chân gẫy lưng đèo
ngờ như mới đó lại theo bóng chìm

Và:

Lên non hái nụ hoa vàng
thoảng se sắt nhớ đôi hàng lệ sa
xạc xào thương dấu chim qua
về ngang cố quận pha trà uống đông
mảng vui nước chảy xuôi dòng
thuyền lìa bến cũ, nhớ sông chợt buồn

hoặc:

Rất thầm ai có biết
ta nghe hoài mắt cay
xuân đã về đó hả
sao nghe lòng mưa bay

hay là:

Trang kinh tụng dở
từ khuya khoắt
hồn lạn như là nỗi xót xa
...
Dở lại kinh hiền / đọc dưới mưa
bài kinh nhoè nhoẹt ba ngàn cõi
cõi nào là kiếp của ta kia

Nhà thơ hết đi với mình, đã tìm đến Phật. Từ Bồ Đề Đạt Ma đến ba ngàn cõi! vô thường, không không, có có... Bởi vì như Tản Đà than:

Thế gian buồn lắm chị hằng ơi
Trần thế em nay ngán nữa rồi

Triều Hoa Đại không than với chị Hằng mà dở kinh ra tụng và tự tìm mình trong trang kinh nhoè nhoẹt mưa. Triều Hoa Đại đi đến đâu tôi đi đến đó. Và hai gã lạc loài cùng:

Hát nghêu ngao một đoạn
nghe như lạc hơi khàn
...
Lạc mất hồn sầu trong rượu cạn
theo tà huy đã nhớ thương phai
...
Người có về qua con đường cũ
thầm gọi tên nhau những ngậm ngùi

Như tôi cảm thấy ở trên, thơ Triều Hoa Đại là một khối buồn,nỗi buồn của mọi người Việt Nam nhìn thấy đất nước quê hương nhà cửa của chính mình bị tan vỡ. Triều Hoa Đại mô tả sự tan vỡ đó qua cảm xúc của anh, một hồn tù. Một cái bát rơi xuống gạch vỡ toang, gây nên một tiếng động làm người nghe phải sửng sốt giựt mình. Nhưng Triều Hoa Đại mô tả sự tan vỡ của đất nước quê hương bằng những tiếng rất nhỏ, thầm thì, lay lắc, thấm thía, nhưng là sự tan vỡ lớn lao, vỡ cả trời đất lẫn tâm hồn. Một sự tan vỡ làm ta lắc đầu, muốn nói mà không nói, một sự tan vỡ làm ta thở dài:

Đêm mơ một cành mai

gãy trong vườn tơi tả
sáng ra thấy má đào
còn vương dòng lệ nhỏ

Cành mai đó là nàng, là ta, mà cũng là đất nước, là chế độ Tự Do của ta. Tôi hiểu tâm tư nhà thơ như vậy.

Nhưng buồn để làm gì? Thi Sĩ ta thường hay uống rượu để giải buồn. Xưa thế nay vẫn thế. Nhưng trong thơ Triều Hoa Đại tôi chỉ thấy rượu một lần – đã cạn - và anh không có say, anh rất tỉnh táo. Thơ anh buồn, nhưng cái buồn có chủ hướng. Ta hãy đọc thêm một số bài, một số đoạn nữa trong Dấu Huệ Hồng.

Có người quét lá dưới trăng
để dành một chỗ về nằm mốt mai
bao năm trưa sắn, chiều khoai
hồn tù thân xác rã rời bơ vơ
...
Người tù về lại chốn xưa
sen tàn độ nọ bây giờ trổ bông
nhớ xưa em chít khăn hồng
mà nay khăn trắng phủ lòng mộ non
về đây lòng vẫn vuông tròn
bao nhiêu biến đổi, thương non nước này
phất phơ vài giọt mưa bay
giật mình, chẳng biết đêm này ngủ mô?

Nỗi đau của Triều Hoa Đại không chỉ là một vết thương. Nó còn là một vệt lửa. Một nỗi đau nung nấu tâm can. Nỗi đau bùng dậy. Nỗi đau căm hận, không phải nỗi đau gục xuống

Máu nào / cạn tự thuở xưa
người lên núi ngóng / kẻ chờ bến sông

Bản "hòa tấu Dấu Huệ Hồng" của "nhạc sĩ" Triều Hoa Đại đã chuyển game mineure sang majeure và đã đổi tiết tấu từ tango sang temp de marcia. Chúng ta hãy lên đường cùng "nhạc sĩ"

Em Thu Hương yêu quý
hãy cố bước mà đi
dẫm lên bọn phù thủy
đã xô ngã đời em
chúng vẫn thường to tiếng
đạo đức ở đầu môi
ở trong ngôi nhà cổ

ở cuối vườn lá che

...

Ở trong ngôi nhà cổ
hãy còn bọn ác ôn
bọn nói lời đạo đức
một ngày kia sẽ chết

...

Bởi anh em chúng ta

sống chung với dã nhân và: Giọt máu nóng chảy loang trăm nhánh / rẽ về đâu từng khúc ruột mềm / ta nhóm lửa lên gầy tin yêu... / dòng sông xưa nước chảy êm đềm / xác anh em về đây nằm cả / phơi đời tàn mong chút bình yên / bọn dồ tể bầy nên trận mạc / bao người đi mấy kẻ quay về... Bản hành khúc vang vang lời chính khí:

Thôi hãy nhìn phía kia
vừng đông hình như ló
ta cùng dựng ngày mai
dù biết rằng khốn khó
chí không sờn
lòng nung sắt đá
chúng ta có trái tim
trái tim hồng rực rỡ
tưởng chừng như muôn khối thép tạo thành

...

Ta nắm tay cùng vui ngày hội mới
hỡi mọi người dân Việt
kết đoàn hùng binh vĩ đại
cùng tiến lên lối sáng mặt trời
bọn tà quyền chúng sẽ phải im hơi
những vi khuẩn lâu nay từng đục rỗng
nước Việt Nam ta
giờ đây không còn đất sống
còn ngày mai
chúng ta còn hy vọng
hỡi phố, hỡi nhà
hỡi những con đường quen thuở cũ

...

Ngày mai đây cờ bay trong gió
chúng ta phải sống

sống cho ngày mai hồng lớp hoa mơ
dân tộc ta
từ thuở dựng nước, khai bờ
chưa một phút sờn gan
chưa một giây chán nản

Đến đây tôi thấy hết buồn, nắng xuân hồng tươi xuyên qua cửa sổ trải trên những trang thơ còn mới nguyên. Những giọt nước mắt, những bến đò, những tờ kinh nhoè nhoẹt, những thềm nhà rêu phong, những hoa lá, chim, kiến, những phố chợ, những rừng xanh núi thẳm, những bóng, những thuyền, những người, những vật, những xác nằm bờ sông, những mộ non, mộ vàng..., tất cả, tất cả đều cử động đứng lên, vùng dậy biến thành gió, thành lửa, thành đạo hùng binh vĩ đại tiến về quê hương dưới:

Ngọn cờ bay trong gió

Trong đạo quân đó có Triều Hoa Đại và phu nhân, có cả những: Hồ Trường An, Lê Quang Xuân, Võ Đình, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Hữu Nhật, Vũ Ngọc Hiến, Thái Tú Hạp, Nguyễn Thị Vinh, Phan Ni Tấn, Hứa Hoành, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Song Hồ, Ái Cầm, Huệ Hồng, những người tù, những hồn tù... v.v... và...

Xuân Vũ
(Mồng 4 tháng 1 năm 94)

tòa soạn và bạn đọc

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ: Lê Văn Hữu San Jose CA; Đào Quang Mỹ Norway; John C. Diep Boynton Beach FL; Hồ Phổ Lại Gatineau Canada; Lưu Hy Lạc San Francisco; Tôn Thất Ân Medford MA, H.N.Anh San Jose; Bùi Phương Trâm France; Giang Kim Trường Los Angeles CA; Anh Le Belleville IL; Viet Lang. & Cult. Pub. Australia; Mr Le Thanh Canh Elverta CA; Phuong T. Nguyen Garland TX; Mr Lê Bình Phương & Lưu Uyển Khôi Paris France; Rev. Đinh Công Huỳnh Philadelphia; Barr Smith Lib. Univ of Adelaide South Australia; Nga Van Nguyen Metairie LA; Nguyen Cong Khanh Arlington TX; Hoang Van Hung Alb MN; Phan Thị Loan Covina CA; Trần Lệ Chi San Jose CA; Chung Phước Khánh Brighton MA; Diem D. Nguyen Seatle (báo bị bưu điện làm mất, đã gửi bù); Kim Fitzgerald Wailuku Hawaii (khiếu nại báo thất lạc); Trần Vịnh San Diego; John C. Diep Boynton Beach; Ly Van Nam St. Louis; Nguyen Xuan Sơn Fairport NY; Hoàng Chính Kitchener Canada; Ngô Bút Fairfax VA; Huỳnh Thị Hạnh Westminster CA; Duong Vinh Hoa Box Hill Australia; Kiệt Tấn Paris France; Nguyễn Hoàng Lâm Seatle; Rose Fashions Chicago; Hoàng Hiên Sacramento; Chân Phương Cambridge MA (báo bị mất, bưu điện trả về bì thư)

Bài vở nhận được trong tháng 1 & 2-1994: *Đêm lưu lạc* gửi từ Canada; *Hoang* gửi từ San Francisco; *Y, Dược và Chưởng, Kiếm* gửi từ Germany; *Những chuyện chung quanh "Trời và Đất"* gửi từ San Jose; *Đồng âm* gửi từ Québec Canada; *Nói với chàng Siêu* gửi từ Maryland; *Ngày con đi học xa & Thằng nhỏ bỏ đi* gửi từ Somerset NJ; *Chiếc bánh hồng đào* gửi từ Houston TX; *Đời thường* gửi từ Paris France; *Thi đàn* (Chương 2) gửi từ Germany; *Bốn bài lục bát đọc chơi ngày đầu năm* gửi từ Montery Park CA; *Nhắn gió* gửi từ Alhambra CA; *Trường hợp Trần đức Thảo* gửi từ Houston TX; *Đợi mùa* gửi từ Santa Ana CA; *Au Bon Acceuil* gửi từ Paris France., *Sự phẫn nộ và nét diêu tàn trong tâm hồn thơ của Triều Hoa Dại* gửi từ Florida; *Đàn lạnh* gửi từ Germany; *Nhớ Lý Bạch* gửi từ San Jose CA; *Bạn hỏi ta* gửi từ Sacramento, *Tháng Chạp, đoản khúc về gió* gửi từ Montréal Canada.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Người trăm năm cũ, trường thiên tiểu thuyết của Hoàng Khởi Phong, tập 1 nhan đề "Trên núi đồi Yên Thế", Đại Nam xuất bản, bìa Nguyễn Đồng, chân dung tác giả của Tạ Tỵ, sách dày 434 trang. Giá 16 Mỹ kim. Hoàng Khởi Phong, nguyên chủ nhiệm và chủ bút tạp chí Văn Học, là tác giả của nhiều tác phẩm giá trị đã xuất bản trước đây: Phục hồi quyền chức làm người (thơ), Ngẩng mặt nhìn trăng sáng (xuất bản chung với Hoàng Chính Nghĩa), Ngày N + (hồi ký). Lần này Hoàng Khởi Phong dành hết thì giờ và tâm trí cho bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử dựa theo thăng trầm của những thế hệ trong chính dòng họ của mình, khởi đầu từ thời các nhà nho yêu nước cần vương chống Pháp. "Trên núi đồi Yên Thế" tập 1 của bộ trường thiên cho thấy tầm rộng và những vấn đề lớn bộ trường thiên hứa hẹn mang tới cho người đọc, chưa kể bút pháp gân guốc, trầm tĩnh, sâu lắng rất hợp với không gian và chủ đề của bộ truyện.

Sách hiện đã bày bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc với Dainam Co, P.O. Box 4279 Glendale CA 91202 USA.

Bút, Ký, Kịch Miền Nam, tập 1 của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, dày 240 trang, giá 10 Mỹ kim. Đây là một phần trong bộ sách viết về Văn Học Miền Nam từ 1955 đến 1975 của một nhà văn rất am tường về giai đoạn hai mươi năm văn học này. Tập sách đề cập tới những nhà văn Lê Tất Điều, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mạnh Côn, Phan Lạc Tiếp, Hồ Hữu Tường, Vũ Bằng, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Lê Nguyễn. Trong những phần viết về các tác giả nêu trên, Võ Phiến không tự ép mình trong khuôn khổ gò bó của khảo cứu. Theo mạn hứng, ông mạn đàm về tác giả tác phẩm, mỗi người mỗi cách, và ở người viết bút, ký, kịch nào của Miền Nam, Võ Phiến cũng nêu ra được nét độc đáo nhất của văn và người. Sau phần viết của Võ Phiến, có phần trích văn.

Truyện Miền Nam, tập 2 của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 240 trang, giá 10 Mỹ kim. Sách cũng là một phần trong bộ Văn Học Miền Nam 1955-1975, giới thiệu bộ môn truyện. Các tác giả được đề cập tới trong tập này gồm có: Chu Tử, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất

Điểu, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Văn Xuân, Trần Thị Nghi, Tường Hùng, Y Uyên. Tưởng cũng cần nhắc lại là trong tập 1 của Truyện Miền Nam, Võ Phiến viết về Nhất Linh, Túy Hồng, Văn Quang. Hình như nhà văn Võ Phiến không muốn lôi thôi giải thích vì sao lựa chọn và xếp đặt các tác giả nói trên vào cùng một tập, vì họ quá khác nhau về thế hệ, cá tính, bút pháp, chủ đề sáng tạo. Có thể các thắc mắc tương tự sẽ được giải thích ở các cuốn sau.

Viết, tạp luận của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, dày 254 trang, giá 10 Mỹ kim. Sách tập hợp những bài viết của Võ Phiến trong thời gian gần đây, liên quan tới các vấn đề văn học nghệ thuật. Một phần những phát biểu này đã đăng trên các tạp chí Làng Văn, Văn Xã, Văn Học, Thế Kỷ 21. Tác giả chia nội dung sách làm hai phần, căn cứ theo hình thức. Phần 1 gồm những bài tiểu luận viết thẳng theo dạng thức này, phần 2 gồm những tạp luận trình bày dưới thể đàm thoại.

Đối thoại, tạp luận của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, dày 170 trang, giá 8 Mỹ kim. Cũng bằng hình thức đàm thoại, Võ Phiến bàn về bom nguyên tử, thịt cầy, thơ dịch, dịch thơ, tả cảnh và kiện cáo. Phần phụ lục là những ý kiến của Thế Giang, Nguyễn Hữu Nhật, Cung Vũ, Ngọc Khôi, Thanh Lê, Huệ Thu, Đặng Tiến về những bài tạp luận trong tập này.

Sân trước cành mai, tạp bút của Vĩnh Hảo, tác giả tự xuất bản, dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ sáu của Vĩnh Hảo, gồm những bài viết ngắn ghi lại tâm tình và cảm nghĩ của tác giả về nhiều vấn đề, lâu lâu có chen vào cả những bài thơ. Sự lựa chọn các bài đã đăng báo in thành sách không được cẩn thận mấy, nên toàn tập tạp bút thiếu một nét nhất quán, một cái "thần" chung.

Nửa đời nhìn lại, nửa tiểu thuyết nửa hồi ký của Tiêu Dao Bảo Cự, Thế Kỷ xuất bản, dày 340 trang. Tựa của Đặng Tiến, Bạt của Hà Sĩ Phu, Bìa Phạm Hoán. Đây là một tác phẩm viết từ trong nước gửi ra xuất bản ở hải ngoại, tác giả là một nhà văn trẻ miền Nam, hoạt động nội thành cho cộng sản và được kết nạp Đảng năm 1974. Cuốn sách ghi lại trung thực kinh nghiệm chua xót bẽ bàng của tác giả trong thời kỳ hăng hái cộng tác với chính quyền mới sau 1975, nhất là vụ tạp chí Lang Bian bị đóng cửa và tác giả bị trục xuất ra khỏi Đảng. Những người đã đọc tác phẩm này đều tiếc là Bảo Cự không chọn dứt khoát thể loại cần thiết cho tác phẩm, hoặc viết hồi ký, hoặc viết tiểu thuyết. Vì lơ lửng giữa hai thể loại mà "Nửa đời nhìn lại" mất một phần sức

thuyết phục. Tuy vậy, phải ghi nhận lòng trung thực, can đảm của người viết. Một kinh nghiệm cay đắng cần biết. Nhất là các bạn trẻ.

Cây từng trước bão, ký sự của Hoàng Khởi Phong, Người Việt xuất bản, tựa của Ngô Thế Vinh, Bạt của Nguyễn Xuân Hoàng, Bìa của Nguyễn Đồng. Tác giả viết về tám mẫu đời của tám người lính Việt Nam Cộng Hòa, những người tham dự trực tiếp vào cuộc chiến tranh chống cộng và mặc dù thua cuộc vẫn sống xứng đáng với danh dự cao cả của một người lính. Ngô Thế Vinh nhận xét: "Các nhà viết sử ở "tam bách dư niên hậu" nhìn lại cuộc chiến tranh Việt Nam hơn ba mươi năm, chắc chẳng thể nào quên được những con người tưởng như bình thường nhưng ngoại khổ ấy, họ luôn luôn chỉ là những chiến sĩ vô danh, nhưng chính họ đã thực sự làm nên lịch sử theo cái nghĩa cao đẹp nhất của ngôn từ..."

Sách dày 206 trang, giá 15 Mỹ kim.

CÁO LỖI:

Vì số trang bị hạn chế, tòa soạn xin ngưng lại một kỳ truyện dài *Chị Em* của Mai Kim Ngọc và hoãn sang số sau *Trường hợp Trần Đức Thảo* của Đặng Phùng Quân, hai truyện ngắn *Dàn Lạnh* của Ngô Nguyên Dũng và *Tình Ở Dài Bắc* của Hoàng Chính. Xin cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

HUẾ.
KHÔNG HUẾ.
KHÔNG THỂ KHÔNG ĐỌC

HUẾ BUỒN CHI

Thơ
Hoàng Xuân Sơn
Để nhìn chút ngậm ngùi thân thương dĩ vãng

Giá 15 MK kể cả cước phí

Liên lạc:
Hoàng Xuân Sơn
38, 14e rue
Roxboro, Quebec H8Y 1M6
CANADA

Tel: (514) 685-0116

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NIỆM CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ — WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục,...

CA SĨ — VOCALISTS:

— Kim Tước — Hà Thanh — Anh Ngọc
— Mai Hương — Ái Vân — Tuấn Ngọc
— Quỳnh Giao — Vũ Anh
— Lệ Thu — Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM — ARRANGEMENTS BY:

— Nghiêm Phú Phi — Văn Phụng — Đoàn Châu Nhi
— Lê Văn Khoa — Lê Ngọc Chân

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG — CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
— Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
— Với sự góp mặt đặc biệt của:
* Karen Lak (first violinist), Master of Music
* Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
* Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG — CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH
— MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM:

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.
Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu năm 1994
(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave. Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 897-4519

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
4142 E. Bainbridge Ave., Anaheim, CA 92807. Phone (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lẫn các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, VA 22042
(703) 560-0388/ 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, TAI NẠN XE CỘ
NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN: Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN

P.O. BOX 647, Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390 FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản **Minh Văn** trân trọng giới thiệu:

1. **NGÀY QUANH QUẨN** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập tám truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 207 trang.

2. **NIỀM VUI UNG THƯ** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 196 trang.

3. **CÕI SA MÙ** (truyện dài) $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 452 trang. Bối cảnh của truyện được xây dựng tại Chương Thiện (Vị Thanh), một thị xã nghèo nàn và heo hút ở miền Nam, thời gian sau năm 1975. Tác phẩm nói lên tình huống hỗn mang trong xã hội và cảnh đời lầm than của người dân trong một giai đoạn đau thương của đất nước.

4. **KẺ ĐÀO MỒ** (tập truyện) $11.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 220 trang.

5. **CỬA ĐỊA NGỤC** (truyện dài) $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 560 trang. Bối cảnh của truyện xây dựng tại Gò Quao, một huyện nhỏ, nghèo nàn và hiu hiu ở miền Nam, thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). Tác phẩm nói lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đày nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của chính mình.

6. **CHÂN TRỜI LAM NGỌC** (ký sự) $11.00
Ký sự của **Hồ Trường An**, nói về mười hai tác giả, dày 220 trang.
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn.

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

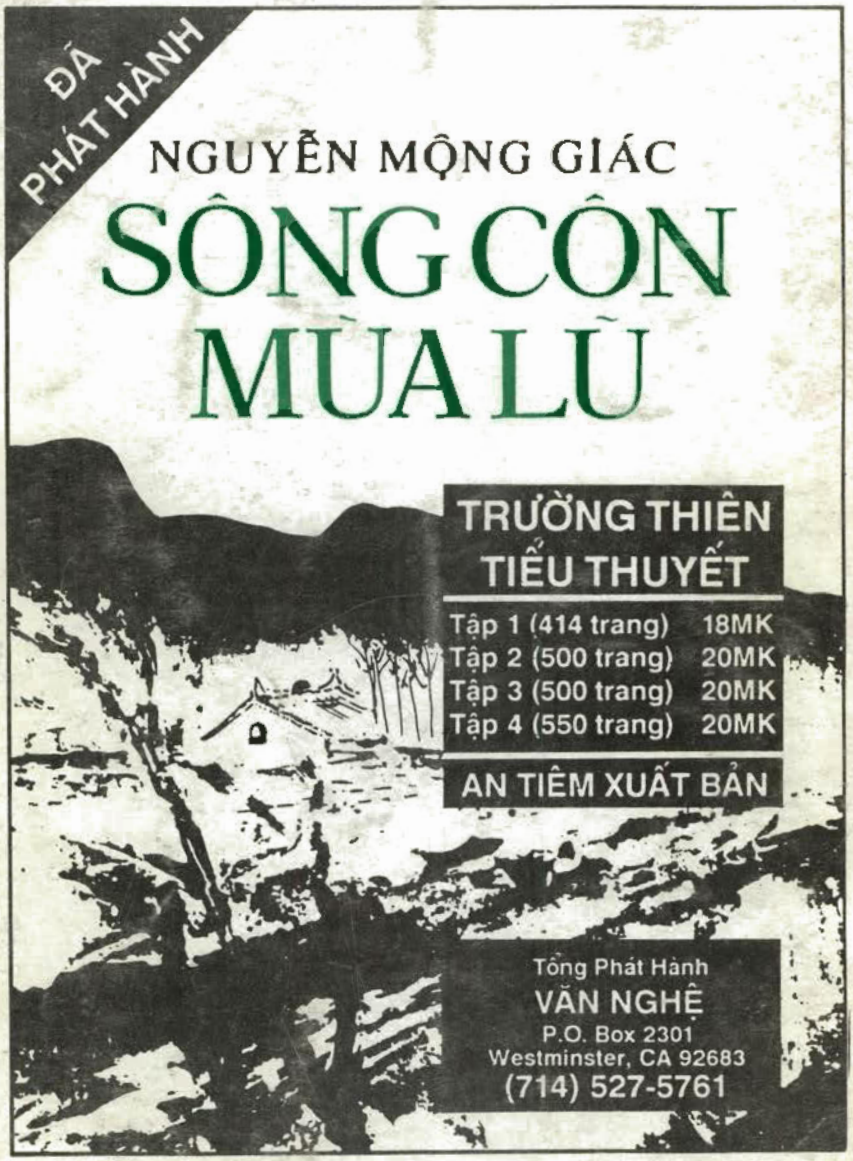
ĐÃ PHÁT HÀNH
NGUYỄN MỘNG GIÁC
SÔNG CÔN MÙA LŨ
TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT
Tập 1 (414 trang) 18MK
Tập 2 (500 trang) 20MK
Tập 3 (500 trang) 20MK
Tập 4 (550 trang) 20MK
AN TIÊM XUẤT BẢN
Tổng Phát Hành
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

Giá $3.50